



CÔNG TY CỔ PHẦN ỐNG THÉP VIỆT ĐỨC VG PIPE

BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN | 2016

Mã cổ phiếu: VGS



THÉP VIỆT ĐỨC ĐẲNG CẤP CHÂU ÂU

15

năm khẳng định **TOP 4**
doanh nghiệp thép lớn nhất
trong ngành thép Việt Nam

MỤC LỤC

	THÔNGIỆP CHỦ TỊCH HĐQT	5
I	THÔNG TIN CHUNG	6
	Thông tin cơ bản	7
	Tổng quan	13
	Tình hình tài chính	16
	Định hướng phát triển	17
	Quản trị rủi ro	18
II	BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC	19
	Kết quả kinh doanh năm 2016	20
	Tình hình tài chính hợp nhất 2016	27
	Thành tích đạt được	30
	Kế hoạch kinh doanh 2017	32
	Chính sách nhân sự	33
	Hoạt động kinh doanh Công ty con	37
	Cơ cấu cổ đông	40
	Quan hệ cổ đông	43
III	BÁO CÁO HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ	44
	Thành viên và cơ cấu HĐQT	45
	Đánh giá của HĐQT về các mặt hoạt động	48
	Đánh giá của HĐQT về Ban Tổng Giám đốc	49
	Kế hoạch, định hướng năm 2017	50
	Mục tiêu của HĐQT 2017	51
	Giải pháp thực hiện	52
IV	BÁO CÁO BAN KIỂM SOÁT	53
	Nhân sự BKS	54
	Hoạt động của BKS năm 2016	55
	Đánh giá tình hình hoạt động Công ty 2016	56
	Kế hoạch năm 2017	57
V	BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT 2016 ĐÃ KIỂM TOÁN	60

CÁC KHÁI NIỆM VIẾT TẮT

CHỮ VIẾT TẮT		DIỄN GIẢI
Công ty	:	Công ty CP Ống thép Việt Đức VG PIPE
VG PIPE	:	Tên Công ty CP Ống thép Việt Đức VG PIPE
VGS	:	Mã chứng khoán Công ty CP Ống thép Việt Đức VG PIPE
CTCP	:	Công ty cổ phần
VDS	:	Công ty CP thép Việt Đức
VGS	:	Công ty CP Sản xuất thép Việt Đức
VGID	:	Công ty CP Đầu tư và phát triển công nghiệp Việt Đức
Cổ phiếu	:	Cổ phiếu Công ty CP Ống thép Việt Đức VG PIPE
Điều lệ	:	Điều lệ Công ty CP Ống thép Việt Đức VG PIPE
ĐHĐCĐ	:	Đại hội đồng cổ đông
HĐQT	:	Hội đồng quản trị
BĐH	:	Ban điều hành
CBCNV	:	Cán bộ công nhân viên
UBCKNN	:	Ủy ban Chứng khoán Nhà nước
TTGDCK	:	Trung tâm Giao dịch chứng khoán
SGDCK	:	Sở giao dịch Chứng khoán
DT	:	Doanh thu
LN	:	Lợi nhuận
TS	:	Tài sản
TSCĐ	:	Tài sản cố định
TSLĐ	:	Tài sản lưu động
VCSH	:	Vốn chủ sở hữu
SXKD	:	Sản xuất kinh doanh
TNDN	:	Thu nhập doanh nghiệp
KCN	:	Khu công nghiệp
KTT	:	Kế toán trưởng



THÔNG ĐIỆN CỦA CHỦ TỊCH HĐQT

Niềm tin tạo nên sức mạnh và thành công

Kính thưa các Quý vị !

Sau gần 15 năm xây dựng và trưởng thành, Công ty Ông Thép Việt Đức từng bước lớn mạnh và gặt hái được nhiều thành công. Thương hiệu ống thép Việt Đức ngày càng được khẳng định và chiếm được lòng tin đối với khách hàng và người tiêu dùng. Sự phát triển và tăng trưởng của thương hiệu Ông Thép Việt Đức, ngoài sự nỗ lực, lao động không mệt mỏi của toàn thể đội ngũ công ty còn có sự đóng góp vô cùng to lớn từ các quý cổ đông; các đối tác, các nhà phân phối và các đại lý của Ông Thép Việt Đức.

Với phương châm Niềm tin tạo nên sức mạnh và thành công cùng với mục tiêu chất lượng Thép Việt Đức – Đẳng cấp Châu Âu. Thép Việt Đức sẽ tạo dựng một tập đoàn sản xuất Thép hàng đầu Việt Nam mang thương hiệu toàn cầu và duy trì vị thế thương hiệu mạnh dẫn đầu trong cạnh tranh. Đến nay Ông Thép Việt Đức tự hào là một trong bốn doanh nghiệp sản xuất và tiêu thụ ống thép lớn nhất tại Việt Nam.

Chúng tôi luôn luôn nhận thức và thấu hiểu rằng, sự gắn bó, hợp tác của các cổ đông, các đối tác khách hàng là nguồn cổ vũ lớn lao, là niềm tin để chúng tôi phát triển. Lợi ích của chúng tôi gắn liền với lợi ích của các bạn. Vì sự phát triển chung của mỗi chúng ta

Ông thép Việt Đức mong muốn các nhà đầu tư, các nhà phân phối, các đại lý, các bạn hàng tiếp tục hợp tác với chúng tôi, hãy tin tưởng chúng tôi, phối kết hợp với chúng tôi quảng bá mạnh mẽ thương hiệu Ông Thép Việt Đức, đồng thời chia sẻ những khó khăn, vướng mắc để chúng tôi có điều kiện hoàn thiện, nâng cao chất lượng sản phẩm và cung ứng dịch vụ tốt hơn.

Thay mặt HĐQT; Ban Tổng Giám đốc Công ty, tôi chân thành cảm ơn sự hợp tác của các quý cổ đông; các đối tác, bạn hàng đã góp phần quan trọng vào sự thành công và lớn mạnh của Ông Thép Việt Đức như ngày hôm nay. Hy vọng rằng trong thời gian tới Ông Thép Việt Đức tiếp tục nhận được sự hợp tác của các quý vị và các bạn.

Xin trân trọng cảm ơn .

Chủ tịch HĐQT

Lê Minh Hải



PHẦN I THÔNG TIN CHUNG



THÔNG TIN CƠ BẢN

Tên giao dịch:	CTCP ỐNG THÉP VIỆT ĐỨC VG PIPE
Tên tiếng Anh:	Vietnam Germany Steel Pipe JSC
Tên viết tắt:	VG PIPE
Số ĐKKD:	2500267703
Ngày cấp:	31/01/2007
Đơn vị cấp:	Sở Kế hoạch và Đầu tư Tỉnh Vĩnh Phúc
Vốn điều lệ:	375.997.100.000 đồng.
Trụ sở chính:	Khu công nghiệp Bình Xuyên, xã Đạo Đức, huyện Bình Xuyên, tỉnh Vĩnh Phúc
Điện thoại:	0211. 3887 863
Fax:	0211. 3888562
Website:	www.vgpipe.com.vn
Tài khoản:	4261 00000 55252
Tại Ngân hàng:	Đầu tư và phát triển Việt Nam – CN Phúc Yên
Mã số thuế:	2500267703
Biểu tượng Công ty:	



THÔNG TIN CỔ PHIẾU

Mã cổ phiếu:	VGS
Sàn niêm yết:	HNX
Ngày niêm yết:	
Số cổ phần:	37.599.710 cổ phần

NGÀNH NGHỀ KINH DOANH CHÍNH

Sản xuất các loại ống thép, ống inox
Sản xuất các sản phẩm từ thép
Sản xuất kết cấu, tủ sắt, kết sắt
Sản xuất các cấu kiện cho thép xây dựng
Luyện gang, thép
Sản xuất thép không gỉ, inox
Xây dựng công trình công nghiệp, giao thông, thủy lợi, công trình thương mại, dân dụng
Dựng, lắp kết cấu thép và bê tông đúc sẵn
Kinh doanh dịch vụ khách sạn
Kinh doanh dịch vụ ăn uống
Kinh doanh dịch vụ vận tải hành khách, vận tải hàng hóa
Kinh doanh dịch vụ lưu hành nội địa và quốc tế
Cho thuê nhà phục vụ mục đích kinh doanh
Đại lý mua bán, ký gửi hàng
Môi giới thương mại
Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê
Tư vấn, môi giới, đấu giá bất động sản, đấu giá Quyền sử dụng đất

VĂN PHÒNG ĐẠI DIỆN



Trụ sở chính:
KCN Bình Xuyên
Vĩnh Phúc



Văn phòng Hà Nội
28 Phạm Hùng, Hà Nội

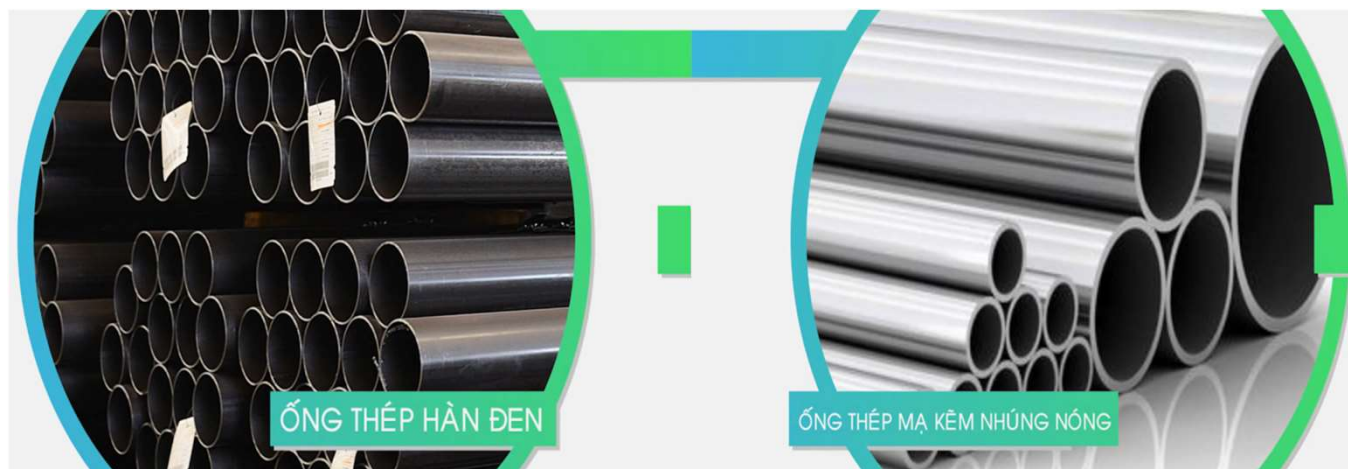
Văn phòng Miền Trung
Hòa Châu, Hòa Vang,
Đà Nẵng



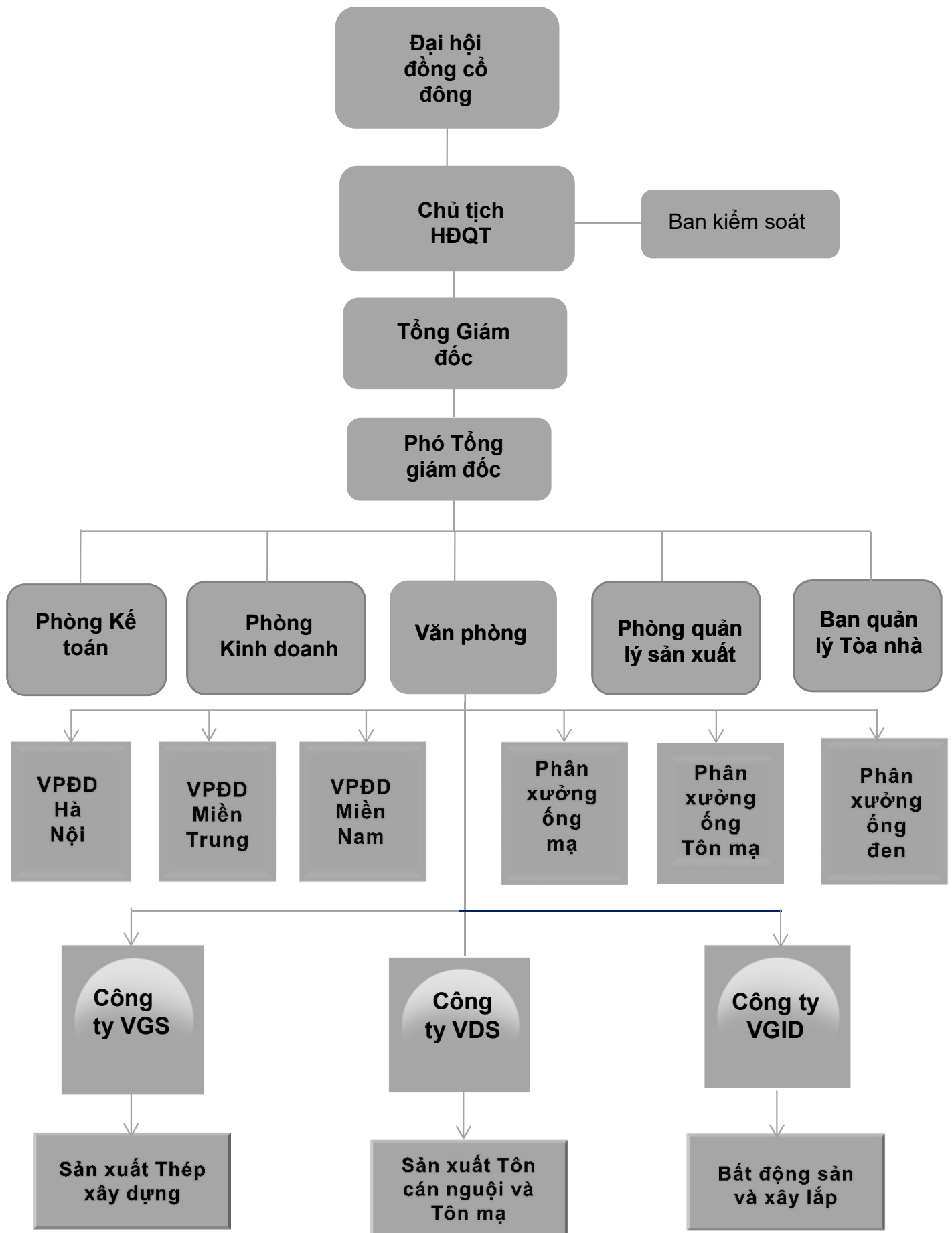
Văn phòng Miền Nam
Bến Lức, Long An



SẢN PHẨM SẢN XUẤT KINH DOANH CHÍNH



BỘ MÁY TỔ CHỨC



QUÁ TRÌNH HÌNH THÀNH VÀ PHÁT TRIỂN

2002

Nhà máy Ống thép Việt Đức VG PIPE được thành lập tại Khu công nghiệp Bình Xuyên, huyện Bình Xuyên, tỉnh Vĩnh Phúc

2007

Ngày 29/01/2007 quyết định chuyển đổi sang Công ty Cổ phần Ống thép Việt Đức VG PIPE với vốn điều lệ 35.000.000.000đồng tương đương với 3.500.000 cổ phần với mệnh giá 10.000đồng/cổ phần.

Tháng 3/2007: Công ty đã phát hành riêng lẻ tăng vốn Điều lệ từ 35.000.000.000đồng lên 70.000.000.000đồng.
Tháng 9/2007: VGS đã thành lập Công ty Cổ phần thép Việt Đức - VDS với ngành nghề kinh doanh chính là Sản xuất Tôn cán nguội và Ống thép cỡ lớn, VGPIPE chiếm 99.99% vốn điều lệ của VDS.
Tháng 11 năm 2007, Công ty chính thức trở thành Công ty đại chúng.

2008

Ngày 20/11/2008 theo Quyết định số 455/QĐ-TTGDHN của Trung tâm Giao dịch Chứng khoán Hà Nội đã chấp thuận niêm yết cổ phiếu Công ty Cổ phần Ống thép Việt Đức VG PIPE, và ngày 04/12/2008 Cổ phiếu của Công ty đã chính thức giao dịch trên sàn Trung tâm giao dịch chứng khoán Hà Nội.

Tháng 12/2008 Công ty tăng vốn điều lệ từ 70.000.000.000đồng lên 125.997.100.000đồng từ việc chia cổ tức và chia thưởng cho cổ đông bằng cổ phiếu.

2009

Công ty đã phát hành tăng vốn từ 125.997.100.000đồng lên 375.997.100.000đồng cho cổ đông hiện hữu, đấu giá và cổ đông chiến lược.

2010

Niem yết bổ sung 25.000.000 cổ phiếu trên Sở giao dịch Chứng khoán Hà nội, tổng cổ phiếu VG PIPE đang lưu hành 37.599.710 cổ phiếu, với mệnh giá 10.000đồng/cổ phần

2011

Công ty đã triển khai xây dựng Toà nhà Vietduc Financial building tại thành phố Vĩnh Yên, dự kiến đầu Quý II năm 2012 đi vào hoạt động chính thức.

2013

Công ty triển khai mở rộng dự án sản xuất Tôn mạ kẽm tại Công ty Cổ phần thép Việt Đức (Công ty con VGS) và đầu tư thêm 5 dây chuyền sản xuất Ống tôn mạ kẽm để đáp ứng theo nhu cầu thị hiếu của thị trường.

2014

Công ty đã chính thức có kho hàng tại Miền Trung với sức chứa gần 3.000 tấn thép các loại, để đáp ứng nhu cầu tiêu thụ của thị trường cũng như mở rộng mạng lưới bán hàng

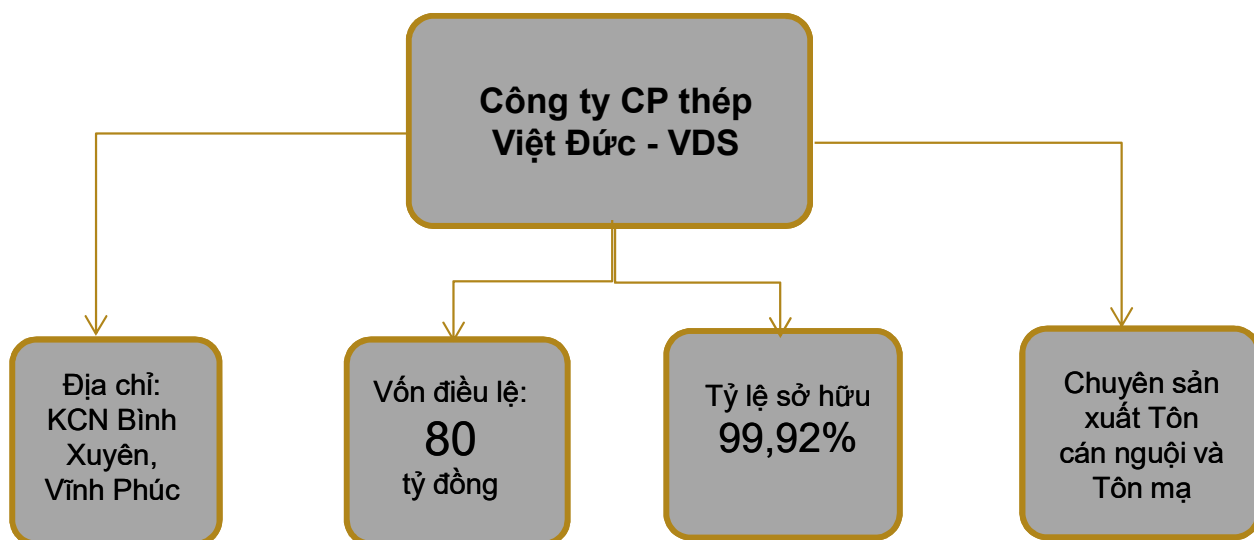
2015

Công ty đã đưa dây chuyền sản xuất Tôn mạ kẽm thứ 2 đi vào hoạt động và thay thế 04 dây truyền sản xuất ống thép cũ.

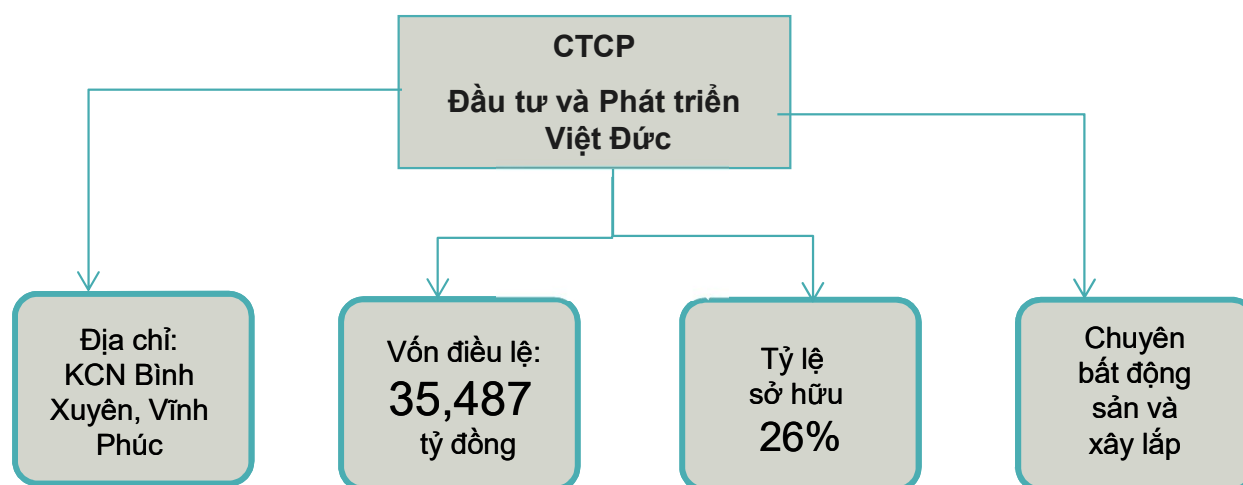
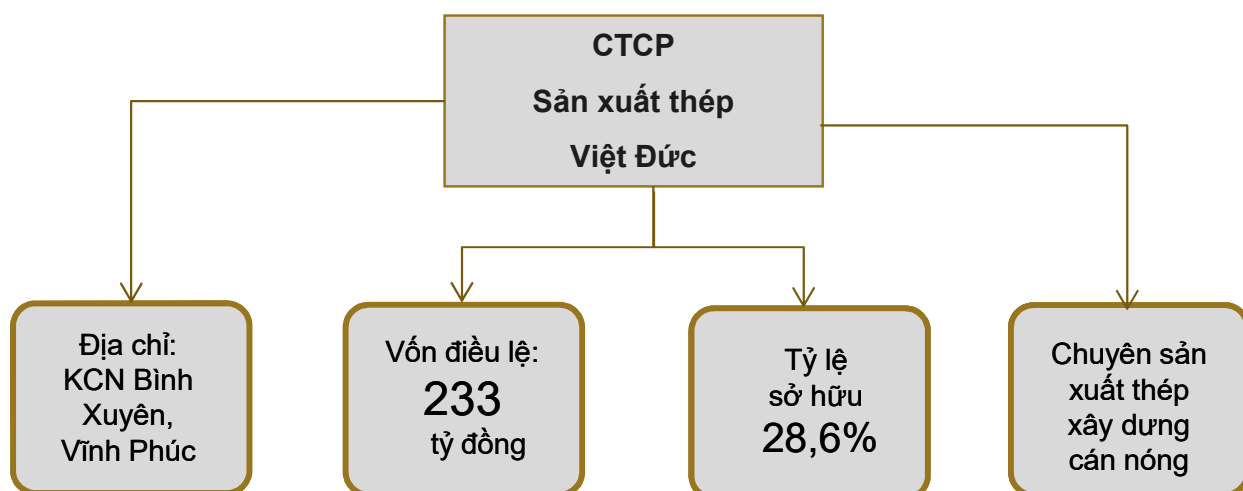
Tháng 12/2015: Công ty đã đầu tư thêm vốn góp 20 tỷ đồng vào Công ty CP thép Việt Đức (Công ty con) để đầu tư mở rộng sản xuất cho Công ty này.

2016

Công ty đã đưa dây chuyền Tôn mạ kẽm thứ 3 đi vào hoạt động cùng với 4 dây chuyền uốn ống. Đây là một năm có doanh thu; lợi nhuận và sản lượng bán hàng cao nhất từ trước tới nay.



CÔNG TY LIÊN KẾT



TỔNG QUAN ỔNG THÉP VIỆT ĐỨC

2002

Được thành lập năm 2002 trên diện tích 25 ha tại KCN Bình Xuyên, tỉnh Vĩnh Phúc

VGS

Năm 2008, Cổ phiếu của Thép Việt Đức chính thức niêm yết trên Sở Giao dịch chứng khoán Hà Nội với mã giao dịch là VGS

Ổng Thép Việt Đức là **doanh nghiệp lớn hàng đầu** tại Việt Nam, chuyên sản xuất, cung ứng các sản phẩm Ổng thép hàn đen; Ổng mạ kẽm nhúng nóng; Ổng Tôn mạ kẽm; Tôn cán nguội mặt đen và Tôn mạ kẽm

Sản phẩm Ổng Thép Việt Đức đã có mặt trong **hầu hết các công trình trọng điểm quốc gia**, góp phần tích cực vào sự nghiệp công nghiệp hóa, hiện đại hóa tại Việt Nam.

Hiện Ổng thép Việt Đức đang sở hữu 36 dây chuyền sản xuất Ổng thép; Tôn cán nguội; Tôn mạ kẽm và xẻ băng với công suất 600.000 tấn/năm

Sản phẩm Ổng thép Việt Đức được trải dài trên mọi miền tổ quốc và tự hào nằm trong top 4 đơn vị sản xuất thép lớn nhất tại Việt Nam

TOP 4

**NHÀ SẢN XUẤT
THÉP LỚN NHẤT
TẠI VIỆT NAM**

TOP 4

**Steel
manufacturer big
in Vietnam**

8-12%

**THỊ PHẦN
TRONG NƯỚC**

8-12 %

**Market share in
domestic market**

TẦM NHÌN CHIẾN LƯỢC

01

Tạo dựng một tập đoàn sản xuất Thép hàng đầu Việt Nam mang thương hiệu toàn cầu

02

Duy trì vị thế thương hiệu mạnh dẫn đầu trong cạnh tranh

03

Đẩy mạnh thị trường trong nước và thị trường nước ngoài

04

Phát triển bền vững dựa trên lợi thế về công nghệ trong sản xuất công nghiệp

05

Tăng cường đầu tư phát triển hoàn thiện chu trình sản xuất khép kín

ĐỊNH HƯỚNG PHÁT TRIỂN

Cùng với quá trình phát triển của đất nước, sau một thời gian dài hoạt động Công ty cổ phần ống thép Việt - Đức VG PIPE ngày càng khẳng định vị thế, thương hiệu của mình trên thị trường thép trong và ngoài nước bằng việc cung cấp ra thị trường các sản phẩm đa dạng về chủng loại, đáp ứng tốt các yêu cầu chất lượng theo tiêu chuẩn Anh quốc; Nhật Bản; tiêu chuẩn của Mỹ ASTM, TCVN....

Thời gian đầu đi vào hoạt động Công ty chỉ sở hữu 07 dây chuyền sản xuất gồm máy cắt xẻ băng; dây chuyền mạ kẽm nhúng nóng và dây chuyền sản xuất ống thép hàn đen với công suất 60.000 tấn/năm hoạt động trên diện tích 6,2ha.

Sau 15 năm đi vào hoạt động, đến nay Công ty đã phát triển và mở rộng cả về quy mô lẫn công nghệ. Hiện nay diện tích hoạt động của Công ty trên 25ha, sở hữu 38 dây chuyền sản xuất bao gồm cả công ty con và Công ty liên kết với công suất 1.300.000 tấn/năm.

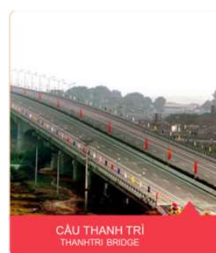
Như vậy qua 15 năm hoạt động Công ty đã khẳng định được vị trí của mình trong ngành thép nói riêng và trong nền kinh tế Việt Nam nói chung.

Từ một Công ty chưa có tên tuổi trên thị trường đến nay đã lọt vào Top 4 nhà sản xuất và tiêu thụ ống thép lớn nhất tại Việt Nam.

Các sản phẩm của Thép Việt Đức đảm bảo chất lượng theo tiêu chuẩn của các nước tiên tiến như Anh; Mỹ; Nhật và Tiêu chuẩn Việt nam.

Sản phẩm thép Việt Đức đã tham gia cung cấp cho nhiều công trình lớn, công trình trọng điểm quốc gia, các công trình có vốn đầu tư nước ngoài; hơn nữa Công ty đã xuất khẩu sản phẩm của mình đến nhiều vùng lãnh thổ trên thế giới như Mỹ, Canada, EU, Indonesia, Lào, Myanmar ... VG PIPE đã trở thành đối tác tin cậy của nhiều chủ đầu tư, đơn vị thi công xây dựng, các nhà sản xuất hàng gia dụng và nội thất hàng đầu trong nước và quốc tế.

CÁC DỰ ÁN TIÊU BIỂU THÉP VIỆT ĐỨC ĐÃ CUNG CẤP



ỨNG DỤNG SẢN PHẨM



XÂY DỰNG

**CÔNG NGHIỆP
ĐÓNG TÀU**



CẦU ĐƯỜNG



**PHÒNG CHÁY
CHỮA CHÁY**



CẤP THOÁT NƯỚC



NỘI THẤT



TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH

Một số chỉ số Tài chính cơ bản Hợp nhất

Chỉ tiêu	ĐVT	2014	2015	2016
KẾT QUẢ KINH DOANH				
Doanh thu bán hàng và CCDV	Tỷ đồng	2.724	3.445	4.579
Doanh thu thuần	Tỷ đồng	2.716	3.429	4.551
Giá vốn hàng bán	Tỷ đồng	2.612	3.275	4.301
Lợi nhuận gộp	Tỷ đồng	104	154	250
Doanh thu tài chính	Tỷ đồng	25	19	14
Chi phí tài chính	Tỷ đồng	42	37	33
Phản lãi (lỗ) thu từ Công ty liên kết	Tỷ đồng	4	11	5
Chi phí bán hàng	Tỷ đồng	39	49	102
Chi phí quản lý	Tỷ đồng	28	44	31
Lợi nhuận từ HĐSXKD	Tỷ đồng	25	55	102
Thu nhập khác	Tỷ đồng	0,7	0,4	0
Chi phí khác	Tỷ đồng	0,5	0,9	5
Lợi nhuận khác	Tỷ đồng	0,2	(0,5)	(5)
Lợi nhuận trước thuế	Tỷ đồng	25	55	97
Thuế TNDN	Tỷ đồng	4	9	16
Lợi nhuận sau thuế	Tỷ đồng	21	46	81
TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH				
Tổng tài sản	Tỷ đồng	1.425	1.087	1.520
Tài sản ngắn hạn	Tỷ đồng	914	578	1.095
Tài sản dài hạn	Tỷ đồng	511	509	425
Tổng nguồn vốn	Tỷ đồng	1.425	1.087	1.520
Nợ phải trả	Tỷ đồng	927	558	936
Vốn chủ sở hữu	Tỷ đồng	498	529	584
CHỈ SỐ TÀI CHÍNH CƠ BẢN				
Tỷ suất lợi nhuận gộp/Doanh thu	%	3,8	4,5	5,5
Tỷ suất lợi nhuận trước thuế/Doanh thu	%	0,9	1,6	2,1
Tỷ suất lợi nhuận sau thuế/Doanh thu	%	0,77	1,3	1,8
Tăng trưởng doanh thu thuần	%	24,6	26,3	32,7
Tăng trưởng lợi nhuận sau thuế	%	66,7	119,0	76,1
Chỉ số thanh toán nhanh	lần	0,6	0,7	0,8
Nợ vay trên Vốn chủ sở hữu	%	1,3	0,7	0,9

QUẢN TRỊ RỦI RO

Là một Công ty sản xuất công nghiệp chuyên về thép, nhiều rủi ro tiềm tàng gắn liền với đặc điểm của từng ngành và từng điều kiện kinh tế ở các địa bàn hoạt động. Ông thép Việt Đức VG PIPE luôn coi quản trị rủi ro là một bộ phận không thể tách rời với chiến lược phát triển. Tùy theo diễn biến của môi trường kinh doanh qua mỗi năm mà công tác quản trị rủi ro của Công ty tập trung vào các vấn đề trọng điểm khác nhau. Trong năm 2016, hoạt động quản trị chi phí đầu tư xây dựng, quản lý sản xuất nhằm mục tiêu giảm giá thành đặc biệt được chú trọng



Rủi ro về thị trường

Về biến động giá: Thép là mặt hàng cốt lõi và hoạt động chính của Công ty. Nhóm ngành này luôn đóng góp vào sự thành công của Việt Đức. Giá nguyên nhiên liệu làm thép như quặng sắt, than các loại và giá bán thép đều liên thông biến động rất nhạy với thị trường thế giới. Trong năm qua, giá bán thép có tính ổn định nhưng giá các mặt hàng nguyên nhiên liệu biến động mạnh.

Biện pháp: Luôn cập nhật thông tin và sử dụng công nghệ hiện đại, các sản phẩm phải kiểm soát giá thành ở mức thấp. Ngoài ra, Công ty thành lập các tổ chuyên môn hoạt động theo ngành dọc từng lĩnh vực. Tổ chuyên môn này hoạt động tổng hợp, so sánh và sau đó lựa chọn được nhà cung ứng hàng hóa cạnh tranh nhất trên thị trường. Thực tế, hoạt động của các tổ chuyên môn này đóng góp rất hiệu quả cho sự phát triển chung của Công ty.



Về biến động tỷ giá: Ngay từ đầu năm 2016, Ngân hàng Nhà nước đã niêm yết tỷ giá trung tâm hàng ngày để làm cơ sở tham khảo cho tỷ giá mua bán của các Ngân hàng thương mại tại Quyết định số 2730/QĐ-NHNN về việc công bố tỷ giá trung tâm của VND và USD, tỷ giá tính chéo của VND và các ngoại tệ khác. Tỷ giá trung tâm nói trên dựa trên 3 chỉ số chính là sự biến động của rổ đồng tiền các nước đối tác kinh tế chủ chốt của Việt Nam, chỉ số phản ánh cung cầu ngoại tệ, các cân đối vĩ mô. Biên độ giao dịch vẫn nhất quán duy trì ở tỷ lệ 3%.

Biện pháp: Mặc dù năm qua tỷ giá khá ổn định với biên độ biến động 1.2% so với đầu năm nhưng với cơ chế điều hành tỷ giá trung tâm, biến động khó đoán định, Công ty luôn tính toán kỹ lưỡng thời gian thực hiện và thời hạn thanh toán các hợp đồng nhập khẩu để có biện pháp cân đối ngoại tệ cho phù hợp. Sử dụng tất cả các biện pháp như nguồn thu xuất khẩu, xây dựng các hạn mức tín dụng trong nước hoặc nước ngoài, các sản phẩm phái sinh hàng hóa để cân đối ngoại tệ, hạn chế thấp nhất rủi ro tỷ giá.

Về biến động lãi suất: Công ty đang trong quá trình chuyển mình nâng tầm nên đang trong giai đoạn triển khai đầu tư nhiều dự án lớn ở nhiều nhóm ngành, vì vậy luôn có nhu cầu vốn lớn. Lãi suất tăng cao sẽ làm tăng chi phí lãi vay và ảnh hưởng tới hoạt động kinh doanh của Công ty.

Biện pháp: Luôn chủ động định hướng cơ cấu nợ và vốn chủ phù hợp với từng thời điểm của hoạt động sản xuất kinh doanh gắn chắc với thời điểm của thị trường tín dụng. Với 15 năm kinh nghiệm và được xếp hạng tín dụng cao trên thị trường tín dụng, Thép Việt Đức có thể đạt được những thỏa thuận vay vốn với chi phí hợp lý.





Rủi ro về chính sách

Công ty CP Ống thép Việt Đức với 03 công ty thành viên hoạt động trên nhiều lĩnh vực như sản xuất công nghiệp nặng, bất động sản và xây dựng. Các văn bản luật và hướng dẫn luật đang trong quá trình hoàn thiện. Sự thay đổi về pháp luật và chính sách có thể xảy ra. Mỗi sự thay đổi của chính sách đều có những tác động ít nhiều đến mọi hoạt động kinh doanh của Công ty.

Biện pháp: Phối hợp cùng các phòng ban chuyên môn tại tất cả đơn vị thành viên, Công ty xây dựng các bộ phận như bộ phận pháp chế, Ban kiểm soát nội bộ và Phòng tài phòng ban, các bộ phận này có chức năng nhiệm vụ tổng hợp thông tin, thường xuyên cập nhật và hướng dẫn cho những công ty về sự thay đổi của pháp luật và các ảnh hưởng của pháp lý nếu có đối Công ty, đồng thời tư vấn kịp thời cho Hội đồng quản trị và Ban điều hành để ra quyết định hợp lý nhất tại thời điểm cần. Ngoài ra, các bộ phận còn trực tiếp tham gia rà soát văn bản, hợp đồng trong những giao dịch hàng ngày của Công ty để hạn chế rủi ro chính sách có liên quan.



Rủi ro nhân sự:

Với gần 1.000 CBCNV đến từ các vùng miền trên cả nước, tuổi đời lao động trẻ, biến động về nhân sự luôn là vấn đề cần đặc biệt quan tâm giải quyết. Bên cạnh đó, để đáp ứng yêu cầu của sự phát triển, Thép Việt Đức phải liên tục nâng cao trình độ nhân sự

Biện pháp: Coi con người là yếu tố trung tâm làm nên thành công, Công ty Thép Việt Đức luôn chú trọng công tác đào tạo, nâng cao tay nghề cho người lao động. Các chính sách phát triển nhân sự cả về mặt chất và lượng luôn được triển khai đồng đều. Thép Việt Đức đã triển khai hệ thống đánh giá cấp bậc nhân sự để chuẩn hóa hệ thống nhân sự trên quy mô toàn Công ty, từng bước áp dụng trong cách tính và chi trả lương thưởng xứng đáng để tạo động lực cho người lao động.

Rủi ro đầu tư ngành

Thép Việt Đức bắt đầu đầu tư vào lĩnh vực công nghiệp từ năm 2002. Mục tiêu trong trung và dài hạn, Thép Việt Đức tập trung đầu tư mở rộng ngành sản xuất chính của mình, đồng thời triển khai khu đô thị. Đây là ngành luôn tiềm ẩn bất động sản và xây lắp là ngành mới của Công ty chưa có nhiều kinh nghiệm vì vậy cũng rất rủi ro trong quá trình thực hiện.

Biện pháp: Công ty luôn có chính sách thận trọng khi đầu tư vào ngành. Để hạn chế những rủi ro, Thép Việt Đức xác định đầu tư với chuỗi khép kín kiểm soát ngay từ nguyên liệu đầu vào đến thành phẩm đầu ra





PHẦN II

BÁO CÁO BAN TỔNG GIÁM ĐỐC





Tổng quan chung

Sau hơn 50 năm xây dựng, ngành thép Việt Nam đã trở thành ngành công nghiệp quan trọng trong nền kinh tế.

Ngành Thép bao gồm các phân ngành: Luyện gang; Luyện thép; Cán thép và Gia công sau cán.

Năm 2016 Việt Nam có mức tăng trưởng GDP 6,21%, thấp hơn mức tăng 6,68% của năm 2015 và không đạt mục tiêu tăng trưởng 6,7% đề ra, nhưng trong bối cảnh kinh tế thế giới không thuận, trong nước gặp nhiều khó khăn do thời tiết, môi trường biến đổi biến phức tạp thì đạt được mức tăng trưởng trên là một thành công.

Với ngành thép, tăng đầu tư cơ sở hạ tầng và chính sách bảo vệ sản xuất trong nước của Cơ quan quản lý Nhà nước, sản lượng thép sản xuất và tiêu thụ toàn thị trường tăng trưởng lần lượt 19,6% và 27,9% so với cùng kỳ năm 2015.

Tuy vậy ngành thép vẫn tiếp tục gặp phải sức ép cạnh tranh lớn đến từ thép nhập khẩu. Mặc dù đã có những biện pháp phòng vệ thương mại của Nhà nước nhưng vẫn có sự lỏng lẻo trong các quy định nên vẫn có lượng hàng đưa vào.

Đối với Công ty CP Ống thép Việt Đức hoạt động sản xuất kinh doanh năm 2016 cũng không nằm ngoài sự khó khăn trên, đặc biệt là sự cạnh tranh về giá. Ngoài ra còn chịu sự ảnh hưởng lớn từ biến động về giá nguyên liệu đầu vào, biến động về tỷ giá do nguyên liệu phần lớn nhập khẩu....Tất cả những vấn đề này đều ảnh hưởng đến kế toán hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty.

Tuy nhiên, bằng ưu thế về quy trình sản xuất khép kín và kinh nghiệm quản trị tốt chi phí, Công ty Ống thép Việt Đức đã hoàn thành vượt mức các chỉ tiêu đề ra năm 2016 với Doanh thu bán hàng và Lợi nhuận sau thuế lần lượt đạt 4.579 tỷ đồng và 81,5 tỷ đồng, tăng tương ứng 52,6% và 134,5% kế hoạch năm 2016. Đây có thể nói kết quả đạt được tối ưu nhất từ trước tới nay.

Năm 2016, Công ty đã tập trung đầu tư thêm dây chuyền tôn mạ và các dây chuyền sản xuất ống thép để đáp ứng nhu cầu thị trường và mở rộng mạng lưới phân phối theo đúng chủ trương HĐQT đề ra đầu năm.

Doanh thu bán hàng

4.579
tỷ đồng

Lợi nhuận sau thuế

81,5
tỷ đồng

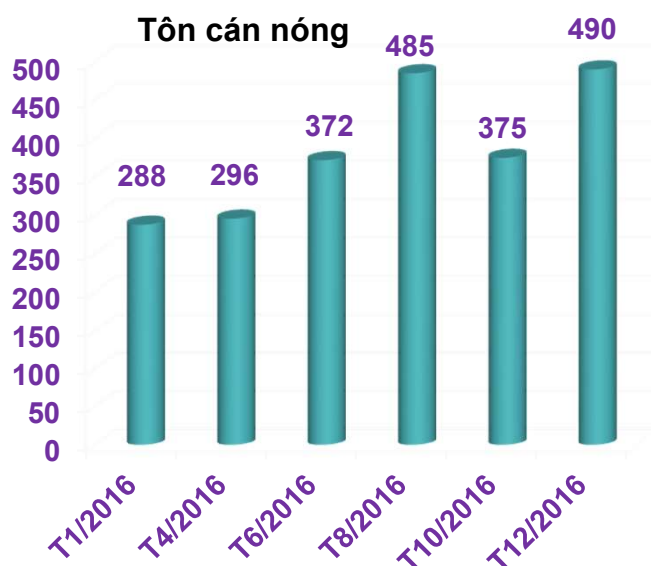
Diễn biến thị trường nguyên liệu

ĐVT: USD/Tấn



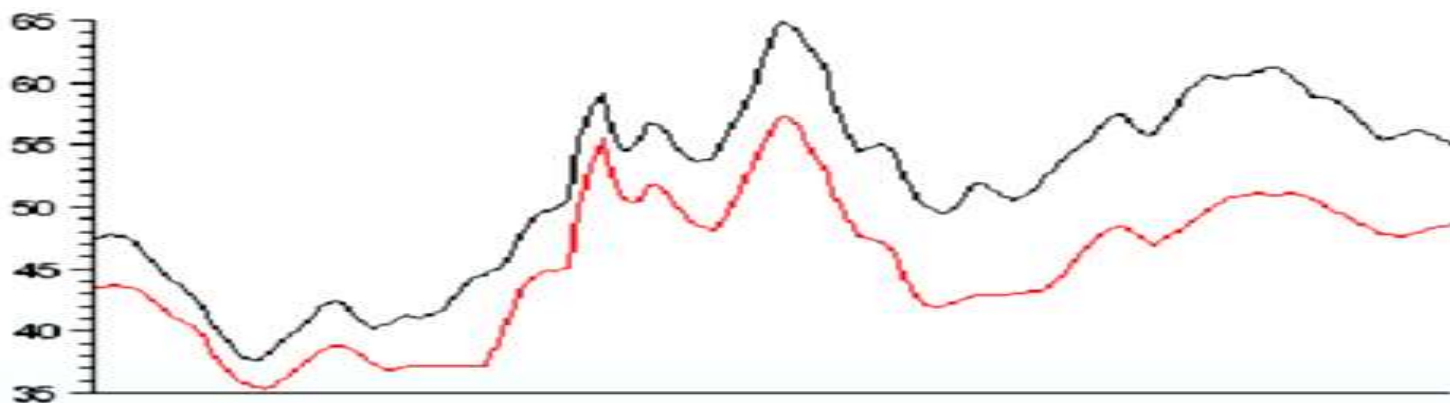
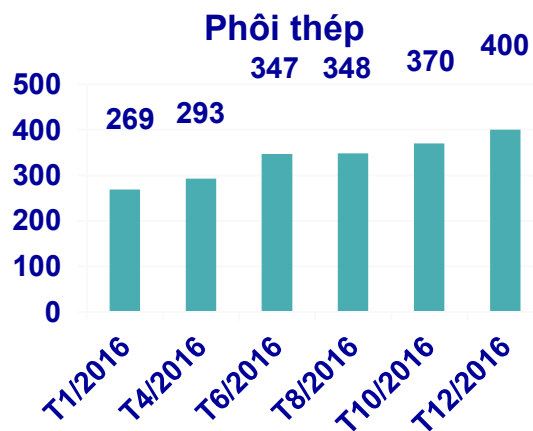
Năm 2016 tiếp tục được chứng kiến xu hướng tăng giá liên tiếp của các loại nguyên nhiên vật liệu để sản xuất thép trên toàn thế giới.

Giá phôi thép nhập vào Việt nam đầu năm 2016 có mức giá từ 269 - 400usd/tấn, trong khi đó Bộ công thương đã áp dụng biện pháp thuế tự vệ đối với phôi thép là 23,3% từ 22/03/2016 đến 22/3/2020 điều này đã gây ảnh hưởng lớn đến tình hình sản xuất của Công ty.

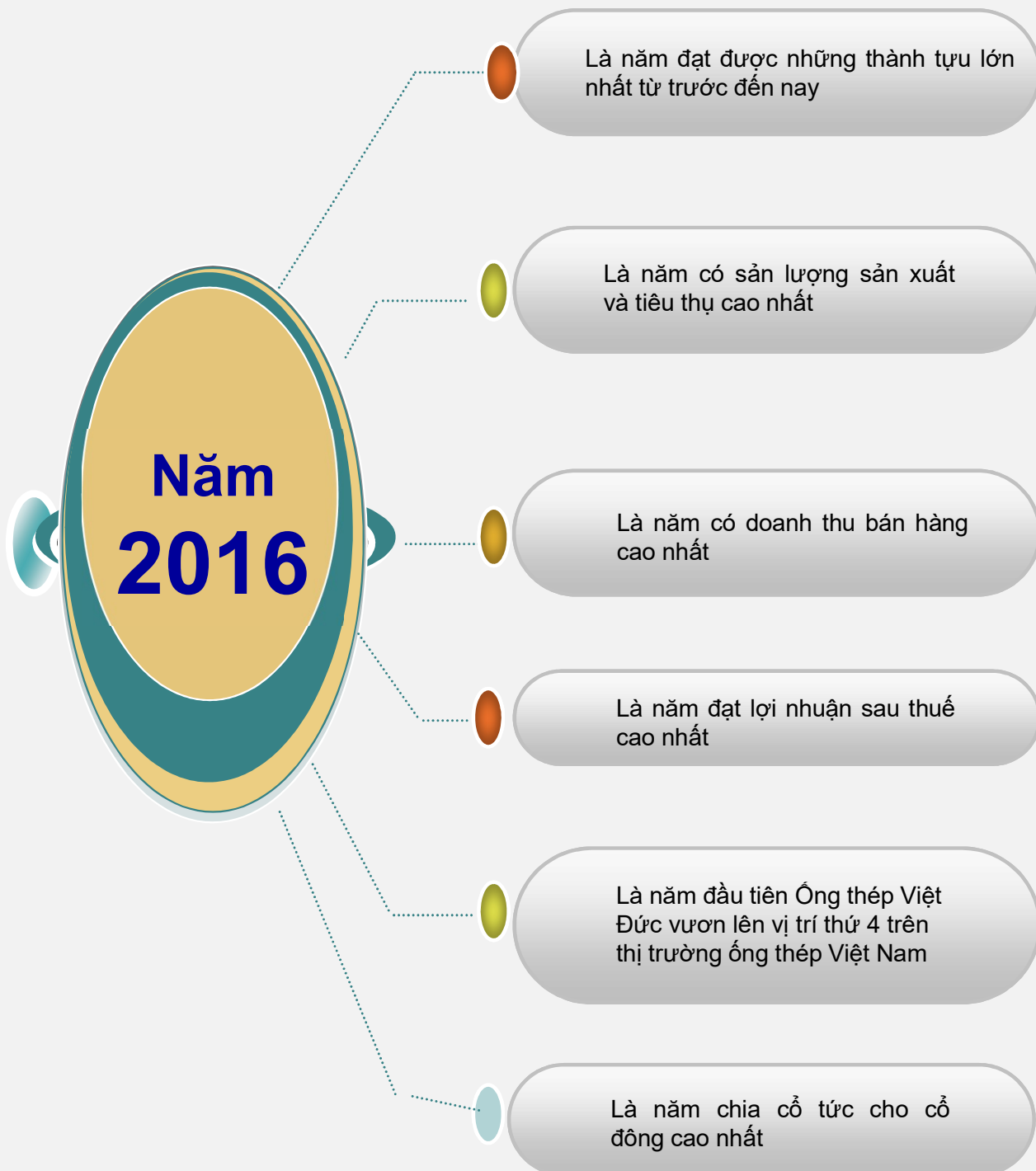


Tôn cuộn cán nóng cũng diễn biến phức tạp giá trong năm 2016 biến động từ 288-485usd/tấn; sau đó từ 485 về 370 usd/tấn và cuối năm lại quay về mức 485-490usd/tấn.

Bởi nguyên liệu Tôn cán nóng ở Việt Nam phải nhập khẩu 100% và thời gian nhập về tới cảng Hải phòng phải mất thời gian từ 2-3 tháng nên gây ảnh hưởng lớn đến hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty.



Đánh giá chung kết quả kinh doanh năm 2016



Các sự kiện nổi bật năm 2016

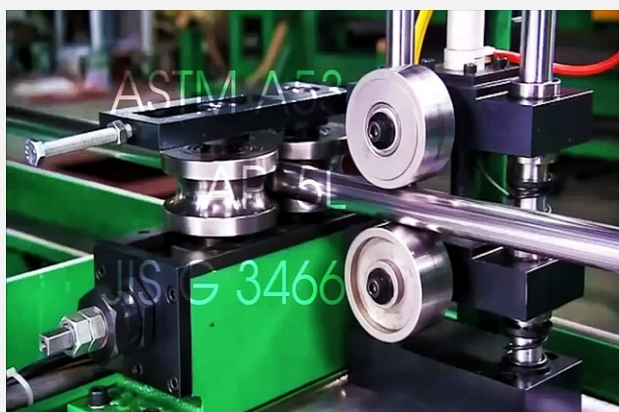
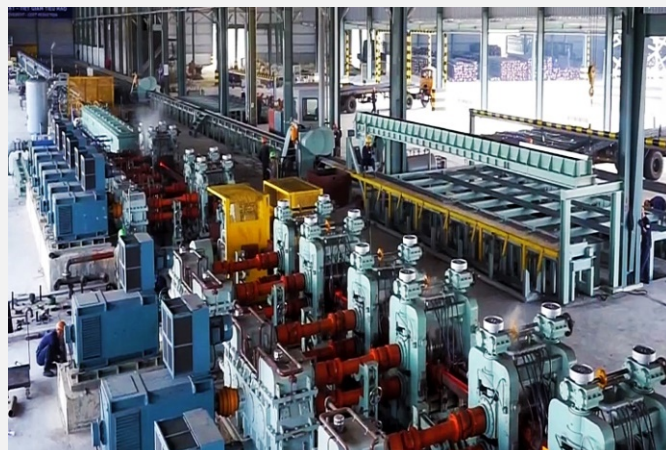


Đầu tư dây chuyền Tôn mạ

Đưa dây chuyền Tôn mạ 3 (Công ty con) đi vào hoạt động nâng công suất sản xuất Tôn mạ lên 150.000 tấn/năm

Đầu tư dây chuyền thép chế tạo

Lắp đặt và vận hành chạy thử dây chuyền Sản xuất thép chế tạo (Công ty liên kết) và đi vào hoạt động chính thức từ tháng 1/2017



Đầu tư dây chuyền uốn ống

Đầu tư lắp đặt thêm 04 dây chuyền sản xuất Ống thép. Đồng thời nâng cấp, cải tiến công nghệ dây chuyền mạ kẽm nhúng nóng

CÁC KHÓ KHĂN THÁCH THỨC



Mức độ cạnh tranh ngày càng lớn đối với các lĩnh vực sản xuất của Công ty

Giá thép, giá nguyên liệu thế giới liên tục biến động lên xuống rất khó cho việc nhập nguyên liệu để phục vụ sản xuất kinh doanh.



Tỷ giá USD trong năm cũng tăng mạnh làm ảnh hưởng đến giá thành sản xuất

Năm 2016 Bộ công thương chính thức áp dụng thuế tự vệ thương mại đối với sản phẩm Phôi thép làm ảnh hưởng lớn đến việc mua nguyên liệu phục vụ sản xuất thép cán nóng của Công ty liên kết.

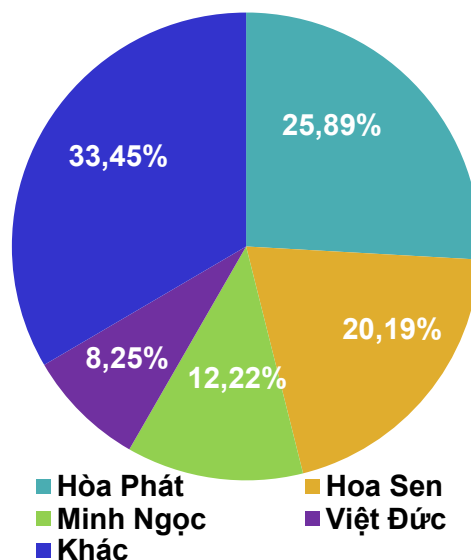


VỊ THẾ THÉP VIỆT ĐỨC TRÊN THỊ TRƯỜNG

Sản phẩm Ống thép nằm trong Top 4 nhà sản xuất và tiêu thụ lớn nhất tại Việt Nam

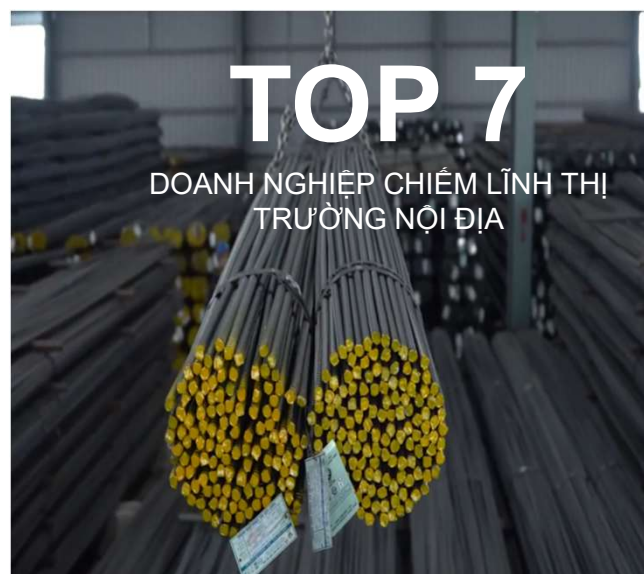
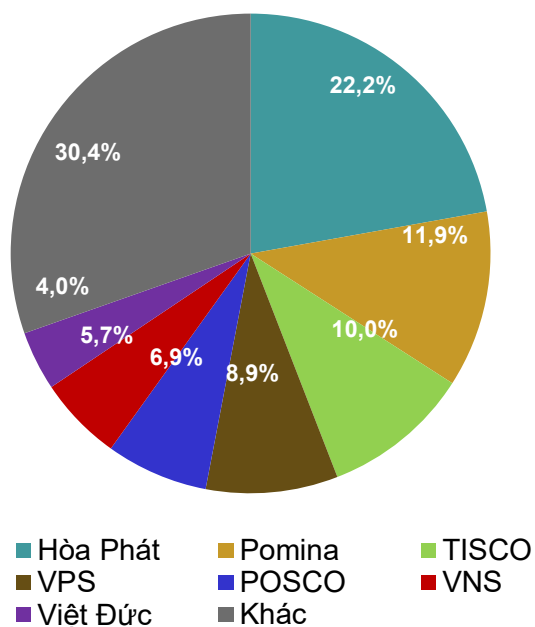


Thị phần trên thị trường



Sản phẩm Thép xây dựng nằm trong Top 7 nhà máy sản xuất và Tiêu thụ lớn nhất tại Việt Nam

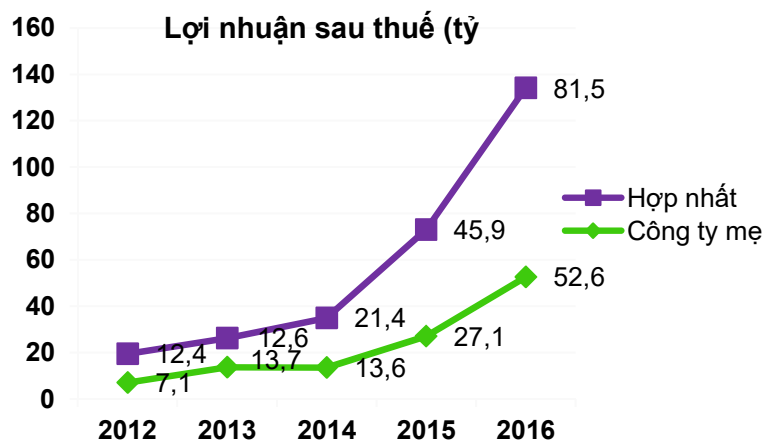
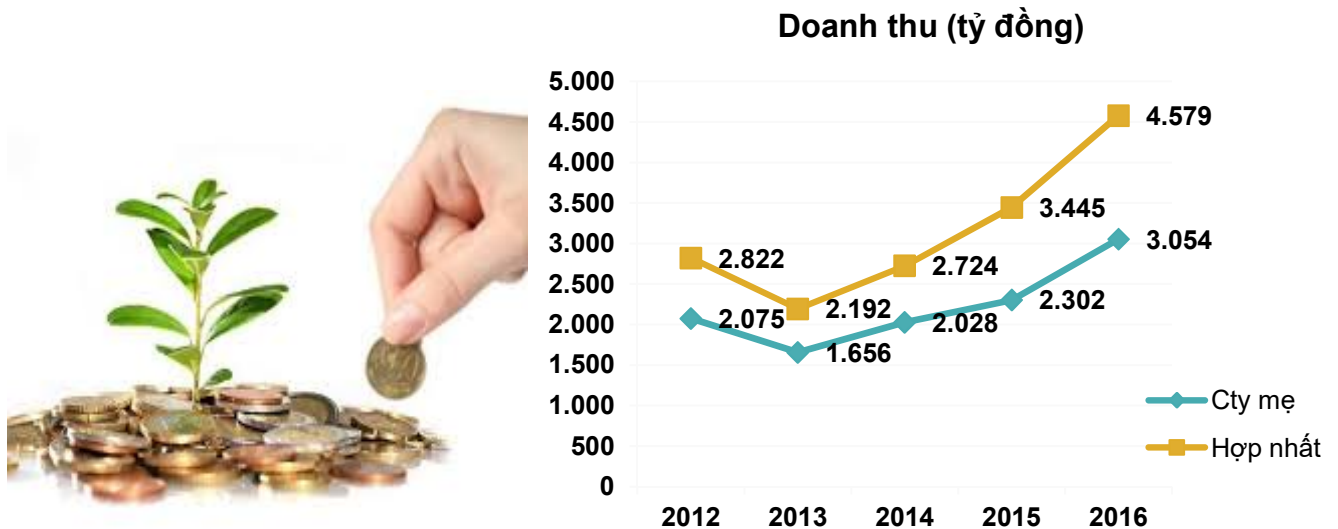
Thị phần trên thị trường



KẾT QUẢ KINH DOANH NĂM 2016

Chỉ tiêu	ĐVT	Kế hoạch	Thực hiện	% hoàn thành
I. Công ty mẹ				
1. Doanh thu	Tỷ đồng	2.000	3.055	152,7%
2. Lợi nhuận trước thuế	Tỷ đồng	30	66	220,0%
3. Lợi nhuận sau thuế	Tỷ đồng	23,4	52,6	224,7%
II. Hợp nhất				
1. Doanh thu	Tỷ đồng	3.000	4.579	152,6%
2. Lợi nhuận trước thuế	Tỷ đồng	45	97,5	216,6%
3. Lợi nhuận sau thuế	Tỷ đồng	38,4	81,5	212,2%

Biểu đồ tăng trưởng về Doanh thu và Lợi nhuận từ 2012 - 2016



TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Một số chỉ tiêu tài chính cơ bản

STT	Chỉ tiêu	ĐVT	2014	2015	2016	% tăng giảm (2016/2015)
1	Tổng tài sản	Tỷ đồng	1.425	1.087	1.520	139,8%
2	Doanh thu bán hàng và CCDV	Tỷ đồng	2.724	3.445	4.579	132,9%
3	Doanh thu thuần	Tỷ đồng	2.716	3.429	4.551	132,7%
4	Lợi nhuận từ HĐSXKD	Tỷ đồng	25	55	102	185,5%
5	Lợi nhuận trước thuế	Tỷ đồng	0,2	(0,5)	(5)	-
6	Lợi nhuận sau thuế	Tỷ đồng	21	46	81	176,1%
7	Trả cổ tức	%	2,5	10	15	150,0%

Một số chỉ tiêu về năng lực tài chính

STT	Chỉ tiêu	ĐVT	2014	2015	2016
I	Chỉ tiêu về khả năng thanh toán				
1	Khả năng thanh toán hiện thời	Lần	1,0	1,1	1,2
2	Khả năng thanh toán nhanh	Lần	0,6	0,7	0,8
II	Chỉ tiêu về cơ cấu vốn				
1	Hệ số Nợ/Tổng tài sản	Lần	0,7	0,5	0,6
2	Hệ số Nợ/Vốn chủ sở hữu	Lần	1,8	1,1	1,6
3	Nợ vay ngân hàng/VCSH	Lần	1,3	0,7	0,9
III	Chỉ tiêu về năng lực hoạt động				
1	Vòng quay Hàng tồn kho	Lần	7,9	17,2	11,3
2	Vòng quay Tổng tài sản	Lần	2,2	2,7	3,5
IV	Chỉ tiêu về Khả năng sinh lời				
1	Tỷ suất LNST/DT thuần	%	0,8	1,3	1,8
2	Tỷ suất LNST/VCSH	%	4,3	8,7	14,0
3	Tỷ suất LNST/Tổng tài sản	%	1,5	4,2	5,4
4	Tỷ suất Lợi nhuận từ hoạt động SXKD/DT thuần	%	0,9	1,6	2,5

Tình hình Tài sản

Tổng tài sản Hợp nhất tại 31/12/2016 là 1.520 tỷ đồng, trong đó tài sản ngắn hạn 1.095 tỷ đồng, tài sản dài hạn 425 tỷ đồng, lần lượt chiếm 72% và 28% Tổng tài sản so với năm 2015, tỷ trọng tài sản ngắn hạn tăng cao hơn tài sản dài hạn song chủ yếu tăng khoản mục các khoản phải thu và Hàng tồn kho trong tài sản ngắn hạn. Hàng tồn kho cuối năm 2016 tăng cao hơn so với cuối năm 2015 là do trong năm 2016 Công ty đã đầu tư thêm nhiều dây chuyền để phục vụ sản xuất, vì vậy việc tăng hàng tồn kho để đáp ứng hàng cho năm 2017 là điều cần thiết.

Nợ phải trả và vốn sở hữu

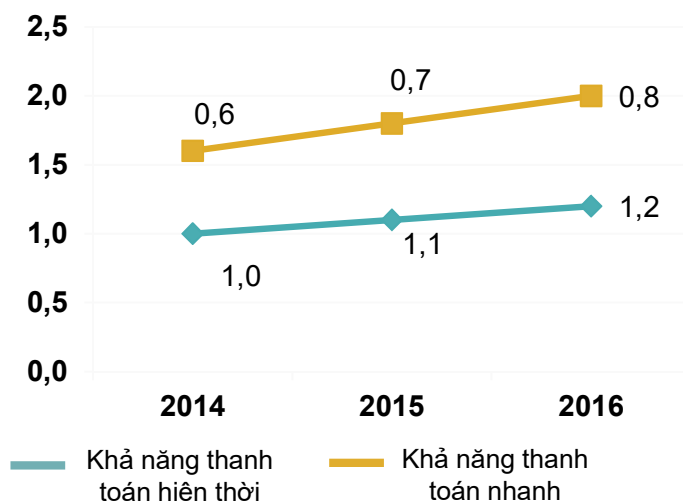
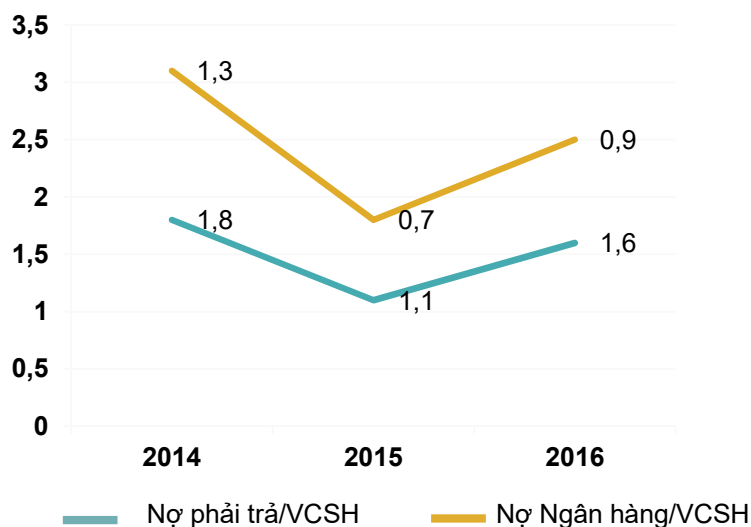
Trong cơ cấu nguồn vốn, nợ phải trả chiếm 61%, tương đương 937 tỷ đồng, tỷ trọng nợ phải trả cao hơn vốn chủ sở hữu là do đặc thù kinh doanh ngành thép vốn lưu động phải nhiều mới đáp ứng đủ cho hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty.

Mặt khác do Công ty có dùng vốn chủ sở hữu cho Công ty liên kết vay để đầu tư dự án nên điều này cũng dẫn đến nợ ngắn hạn tăng cao.

Đồng thời do năm 2016 Công ty đầu tư thêm dây chuyền sản xuất và đặt ra kế hoạch cao nên việc phải nhập nguyên liệu để tăng tồn kho phục vụ sản xuất lớn nên nợ phải trả cũng sẽ tăng theo.

Khả năng thanh toán

So năm 2014, năm 2015 thì năm 2016 khả năng thanh toán đã có chiều hướng tốt lên rất nhiều, điều này minh chứng cho việc kinh doanh của Công ty ngày càng hiệu quả và phát triển.



Đánh giá các hoạt động trong Công ty

Về Công tác sản xuất

Lắp đặt, vận hành tốt 01 dây chuyền Tôn mạ kẽm; 04 chuyền sản xuất ống thép và 01 dây chuyền sản xuất thép chế tạo. Cải tạo một số dây chuyền ống thép để nâng cao năng suất sản xuất cũng như chất lượng sản phẩm.

Sửa chữa, bảo dưỡng, nâng cấp thường xuyên hệ thống máy móc thiết bị, nâng cao sản lượng và chất lượng sản phẩm...

Ý thức tiết kiệm tiêu hao trong sản xuất được nâng cao

Về Công tác kinh doanh

Sản phẩm Ống tôn mạ kẽm ra thị trường nhanh và được khách hàng ủng hộ và tin tưởng.

Mạng lưới khách hàng được phủ khắp Bắc - Trung - Nam. Sản lượng bán hàng tăng lên rõ rệt. Chính sách bán hàng linh hoạt, xử lý kịp thời.

Bám sát diễn biến thị trường để ứng phó nhanh trong công tác bán hàng.

Chủ động mở rộng thị trường, nâng cao sản lượng bán hàng. Đã đưa được sản phẩm thép Việt Đức vào các dự án lớn trên toàn quốc.

Công tác Marketing, quảng bá thương hiệu được phát huy hiệu quả.

Về Công tác Kế toán

Chủ động trong việc tìm các tổ chức tín dụng có lãi suất thấp, năng lực tốt để hợp tác.

Đốc thúc công nợ để thu hồi vốn nhanh, giảm chi phí tài chính.

Bám sát diễn biến về lãi suất, tỷ giá của các Ngân hàng để luôn luôn đảm bảo vay được lãi suất tốt nhất.

Sử dụng linh hoạt, tối ưu dòng tiền trong sản xuất kinh doanh tránh thất thoát, lãng phí

Công tác lao động tiền lương

Sắp xếp lại nhân sự trong công ty nhằm nâng cao hiệu quả trong công việc.

Chăm lo đời sống cho CBCNV như nâng lương, đóng BHXH, BHYT,...bảo hiểm con người kết hợp 24/24.

Triển khai tập huấn an toàn lao động và phòng chống cháy nổ trong toàn Công ty.

Củng cố, kiện toàn cơ cấu tổ chức, sắp xếp bộ máy hoạt động sản xuất kinh doanh gọn nhẹ, hiệu quả

Công tác cho thuê căn hộ và văn phòng

Đã gần lấp đầy diện tích cho thuê.

Trong năm đã triển khai cho Ngân hàng Hansinbank của Hàn Quốc thuê nốt diện tích tầng 1 đồng thời cho các Công ty hoạt động trong lĩnh vực bảo hiểm thuê các mặt bằng tầng trên.

Đã triển khai cải tạo lại trang thiết bị nội thất khu căn hộ đáp ứng theo nhu cầu của thị trường và khách hàng.

Hệ thống quản lý

Thường xuyên nâng cao năng lực hệ thống quản lý, duy trì thực hiện và cải tiến liên tục Hệ thống quản lý chất lượng ISO 9001: 2008.

Thực hiện tốt công tác đánh giá giám sát nội bộ, chỉnh sửa các thay đổi cần thiết cho phù hợp.

Thực hiện tốt việc kiểm tra giám sát định kỳ của tổ chức chứng nhận Det Norske Veritas Na Uy

Công tác đoàn thể và công tác khác

Đảng bộ chú trọng công tác xây dựng tổ chức cơ sở Đảng trong sạch vững mạnh.

Là Đảng bộ trong sạch, vững mạnh tiêu biểu của tỉnh.

Công đoàn đã tổ chức thành công Hội thao toàn công ty.

Công đoàn tổ chức thăm hỏi động viên kịp thời CBCNV và người thân của CBCNV bị ốm đau, hoạn nạn,...

CÁC THÀNH TÍCH ĐẠT ĐƯỢC

Huân chương lao động Hạng Nhì, hạng Ba



Bằng khen Thủ tướng Chính Phủ



Cờ thi đua Chính Phủ



Cờ thi đua Bộ Công An



Cờ thi đua Đảng bộ



CÁC THÀNH TÍCH ĐẠT ĐƯỢC

Cup vàng Chất lượng Quốc Gia



Cúp vàng thương hiệu công nghiệp hàng đầu Việt Nam



Cup vàng ISO



Giải thưởng sao vàng Đất Việt Top 100



Cup Thánh Gióng



Và rất nhiều giải thưởng cao quý khác




**Doanh thu
Công ty mẹ**
2.800
Tỷ đồng

**Lợi nhuận
sau thuế**
36
Tỷ đồng

**Doanh thu
Hợp nhất**
4.600
Tỷ đồng

**Lợi nhuận
sau thuế**
64
Tỷ đồng

Nhận định chung

Năm 2017 vẫn là năm vẫn còn nhiều thách thức nhưng cũng có nhiều cơ hội cho doanh nghiệp Việt nam trước bối cảnh hội nhập sâu.

Kế hoạch kinh tế 2017 của Việt nam là năm Giữ vững ổn định kinh tế vĩ mô; Kim ngạch phát triển dưới 5%; Phân đầu đạt tốc độ tăng trưởng GDP 6,7% và Khuyến khích xây dựng nhà ở cho người thu nhập thấp.

Nhận định cơ hội do hội nhập đem lại cho nền kinh tế Việt Nam là: Hàng rào thuế quan được dỡ bỏ sẽ giúp mở rộng thị trường xuất khẩu; Dễ dàng nhập khẩu nguyên vật liệu đặc biệt là than, mỡ và quặng sắt; Dễ dàng nhập khẩu công nghệ và thiết bị hiện đại và nâng cao tính cạnh tranh của ngành Thép.

Dự báo ngành Thép năm 2017 sẽ vẫn tiếp tục tăng trưởng khoảng 12% so với năm 2016. Trong đó: Thép xây dựng tăng trưởng 11%; Thép ống hàn 15%; Thép lá cuộn cán nguội 13% và Tôn mạ màu và sơn phủ màu 12%.

Năm 2017 FORMOSA đi vào hoạt động sẽ tạo ra thêm một số sản phẩm thép mới đó là: Thép cây và thép cuộn chất lượng cao phục vụ cho ngành cơ khí và chế tạo và thép cuộn chất lượng cao phục vụ cho ngành cơ khí chế tạo; Thép tấm cuộn cán nóng (HRC)

Kế hoạch 2017

Dựa trên tình hình thực tế cũng như hoạt động của các Công ty thành viên. Công ty xây dựng kế hoạch 2017 như sau:

Đối với Công ty mẹ

Doanh thu: 2.800 tỷ đồng

Lợi nhuận sau thuế: 36 tỷ

Đối với Hợp nhất:

Doanh thu: 4.600 tỷ đồng

Lợi nhuận sau thuế: 64 tỷ

Mục tiêu trong năm 2017

Công ty sẽ đảm bảo hoạt động sản xuất kinh doanh hiệu quả, phân đầu tối đa hóa lợi nhuận trong mỗi mảng hoạt động của Công ty mẹ cũng như từng Công ty con và Công ty liên kết.

Đảm bảo tài chính cân đối lành mạnh, huy động được tối đa sức mạnh tài chính của toàn hệ thống Công ty để đáp ứng yêu cầu phát triển;

Nâng cao năng suất, chất lượng, hiệu quả, uy tín, sức cạnh tranh của các đơn vị sản xuất trong hệ thống.

Chuẩn bị đủ, kịp thời nguyên liệu đẩy mạnh sản xuất ngay từ tháng đầu năm, đáp ứng đủ nhu cầu của thị trường, khách hàng;

Tăng cường công tác quản lý chất lượng, rà soát và nắm bắt giá vật tư, nguyên liệu đầu vào, áp dụng sáng kiến, cải tiến kỹ thuật; giảm chi phí sản xuất tăng sức cạnh tranh của sản phẩm.

Công ty cần phải lắng nghe tín hiệu thị trường để có kế hoạch sản xuất kinh doanh linh hoạt phù hợp với sự thay đổi nhanh chóng của thị trường; giảm giá thành sản phẩm để tăng khả năng cạnh tranh;

Nâng cao hơn nữa hiệu quả, chiến lược của quản trị công ty;

Duy trì đảm bảo sản xuất ổn định, giữ vững thị phần của công ty;

Nâng cao hiệu quả phối hợp của các đơn vị trong Công ty; Các Công ty con và Công ty liên kết chủ động bám sát tình hình thị trường và tập trung tìm kiếm các giải pháp tháo gỡ khó khăn và nâng cao hiệu quả sản xuất kinh doanh của các đơn vị trong hệ thống, v.v...

CHÍNH SÁCH NHÂN SỰ



Số lao động

930

người

Chế độ làm việc:

Thời gian làm việc của Công ty, ngày làm 8 tiếng từ 8h đến 17h (1 tiếng nghỉ trưa) từ thứ 2 đến thứ 7.

Khi có yêu cầu công việc người lao động có thể làm thêm giờ, thời gian làm thêm giờ và lương thêm giờ được đảm bảo theo đúng Bộ luật lao động và Thỏa ước lao động tập thể.

Công ty sẽ tạo việc làm cho người lao động thông qua việc định hướng phát triển của Công ty.

Công ty sẽ sử dụng nguồn lao động một cách tối ưu nhất và cam kết luôn tạo điều kiện cho nhân viên phát triển và thăng tiến trong nghề nghiệp.

Nghỉ phép, lễ tết:

Cán bộ công nhân viên được nghỉ lễ và tết theo quy định của Bộ luật lao động và được hưởng nguyên lương. Những CBCNV làm việc từ 12 tháng trở lên được nghỉ phép theo chế độ mỗi năm.

Điều kiện làm việc:

Môi trường làm việc của Công ty thoáng mát, có trang bị đồng phục, bảo hộ lao động cho CBCNV.

Đầu tư các trang thiết bị hiện đại, trang bị đầy đủ các thiết bị an toàn lao động. Công ty xây dựng cho tất cả CBCNV môi trường làm việc chuyên nghiệp, thân thiện để CBCNV phát huy hết khả năng và sức sáng tạo của mình.

Thu nhập bình quân

10,5

Triệu đồng/người/tháng

Đảm bảo việc làm cho người lao động:

Để tạo việc làm cho trên 400 lao động, Ban giám đốc Công ty luôn tìm kiếm những khách hàng tiềm năng, những đối tác mới trong và ngoài nước, mở rộng thị trường kinh doanh đồng thời mở rộng sản xuất kinh doanh theo chiều sâu.

Chế độ lương:

Công ty thực hiện việc chi trả lương cho CBCNV đối với khối gián tiếp dựa vào cấp công việc của nhân viên, chức vụ, năng lực theo thang bảng lương và điều kiện kinh doanh của Công ty, còn đối với Bộ phận kinh doanh trả lương theo sản lượng bán hàng, khối trực tiếp sản xuất thì trả theo lương sản phẩm. Công ty thực hiện chế độ nâng lương cho CBCNV hàng năm và có sự quan tâm thường xuyên đến thu nhập, đời sống của CBCNV.

Chế độ thưởng:

Nhằm khuyến khích động viên CBCNV trong Công ty gia tăng hiệu quả đóng góp, Công ty có chính sách thưởng thiết thực, phúc lợi đảm bảo đầy đủ. Mặc dù năm qua ngành thép gặp nhiều khó khăn nhưng cuối năm Công ty vẫn giải quyết cho người lao động lương tháng thứ 13 và có chính sách thưởng cho các cá nhân, bộ phận đã có thành tích xuất sắc trong hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty.

Bảo hiểm và phúc lợi:

Công ty tham gia đầy đủ chế độ Bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế cho CBCNV. Ngoài ra Công ty còn mua bảo hiểm con người kết hợp 24/24 cho toàn bộ CBCNV trong Công ty. Mỗi năm Công ty kết hợp với Công đoàn tổ chức cho CBCNV tham quan nghỉ mát trong nước 01 lần/năm.

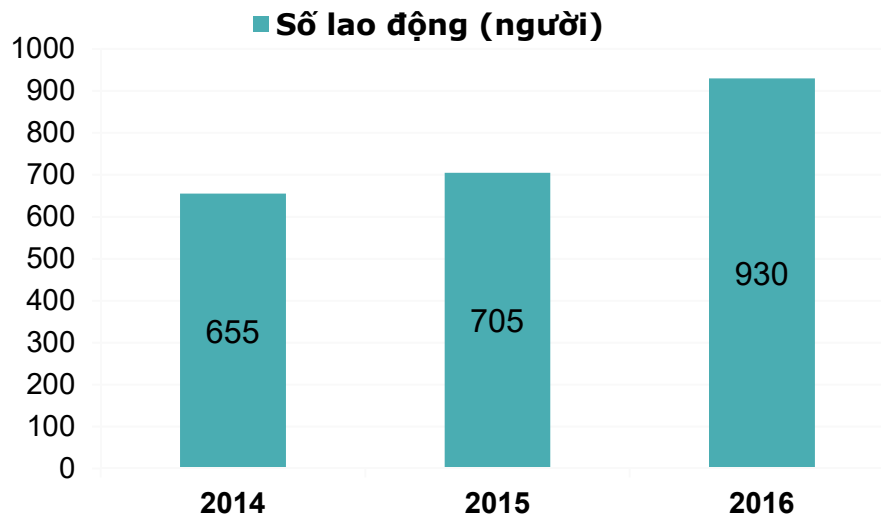
Chính sách nhân lực

Thép Việt Đức luôn coi nguồn nhân lực là yếu tố trung tâm, tài sản quý giá. Chính vì vậy, chính sách nhân sự của Thép Việt Đức được xây dựng với mục đích biến nguồn nhân lực trở thành ưu thế đặc biệt, giữ vai trò quyết định để thực hiện thành công những kế hoạch đề ra.

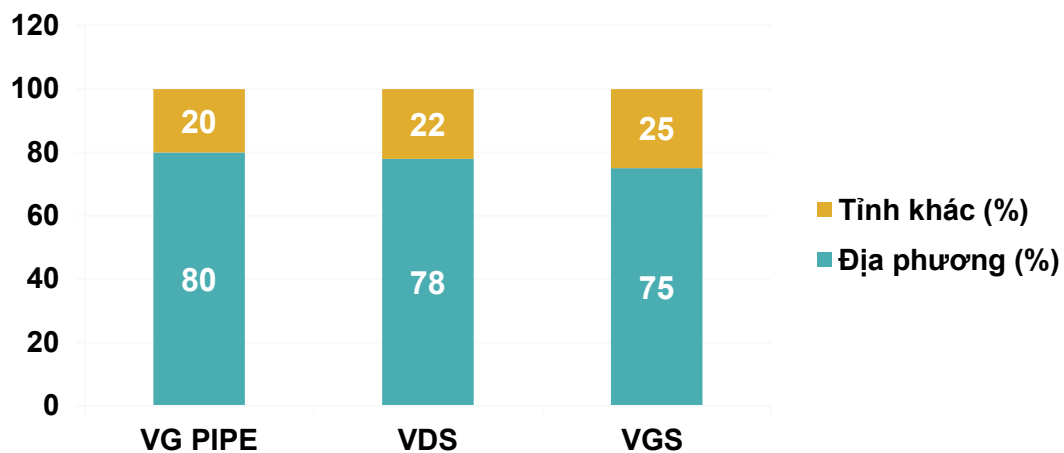
Quy mô nhân sự

Tính đến hết 31/12/2017, Thép Việt Đức có tổng số 930 lao động, tăng gần 33% so với cùng kỳ năm 2015. Với đặc thù là Công ty sản xuất công nghiệp, lực lượng lao động của Thép Việt Đức chiếm đến 90% là nam giới, nữ giới chỉ chiếm tỷ lệ 10%.

Biến động nhân sự qua các năm



Tỷ lệ sử dụng lao động địa phương



VG PIPE: Cty mẹ

VDS: Cty con

VGS: Cty liên kết

Chính sách tạo nguồn nhân lực



Tuyển dụng:

Mục tiêu tuyển dụng của Công ty là thu hút nhân sự có năng lực vào làm việc tại Công ty, đáp ứng nhu cầu mở rộng sản xuất kinh doanh. Tùy theo từng vị trí cụ thể mà Công ty đề ra những tiêu chuẩn bắt buộc riêng. Song tất cả các chức danh đều phải đáp ứng yêu cầu cơ bản như: trình độ chuyên môn, tốt nghiệp đúng chuyên ngành, năng động, nhiệt tình, ham học hỏi, có ý thức sáng tạo. Đối với các vị trí quan trọng, các yêu cầu tuyển dụng khá khắt khe, với các tiêu chuẩn kinh nghiệm công tác, khả năng phân tích, quản lý..

Đào tạo:

Công ty luôn coi trọng con người là tài sản quý giá của doanh nghiệp và để phát huy hiệu quả nguồn vốn quý này, Công ty kết hợp chặt chẽ đến vấn đề đào tạo, phát triển nhân viên, luôn tạo điều kiện cho nhân viên tham gia các khóa huấn luyện nội bộ và bên ngoài để nâng cao nghiệp vụ chuyên môn, học tập những kỹ năng mới cần thiết cho nhân viên để phát triển năng lực công tác nhằm đáp ứng yêu cầu công việc hiện tại cũng như trong tương lai của Công ty.





Thường xuyên đào tạo, phát triển nguồn nhân lực

Công tác tuyển dụng năm 2016 có những bước đột phá về cả chất lượng và số lượng. Chỉ tính riêng năm 2016, Thép Việt Đức tuyển dụng gần 300 CBCNV để đáp ứng nhu cầu hoạt động sản xuất, kinh doanh.

Thép Việt Đức thường xuyên làm việc với các trường đại học, cao đẳng và trường nghề để tuyển dụng, chuẩn bị nguồn nhân lực trẻ có năng lực chuyên môn cao cho các mảng hoạt động.

Thép Việt Đức đã đẩy mạnh nhiều hoạt động đào tạo, tập huấn nghiệp vụ cho cả khối văn phòng và khối sản xuất trực tiếp tại các nhà máy với nội dung đào tạo đa dạng nhằm nâng cao kỹ năng làm việc, vận hành, sản xuất an toàn và hiệu quả, sử dụng thành thạo các công cụ, máy móc trang thiết bị và làm chủ công nghệ.

Chính sách đãi ngộ phúc lợi

Chế độ đãi ngộ và phúc lợi tại Việt Đức dựng trên cơ sở khoa học, đảm bảo tính minh bạch và công bằng nhằm thúc đẩy sự sáng tạo, cam kết và cống hiến của CBCNV Công ty. Tại Việt Đức, hệ thống ngạch bậc lương được áp dụng trong toàn Công ty, đảm bảo cho người lao động mức thu nhập tương xứng với năng lực và cạnh tranh so với thị trường. Chính sách lương khoán, thưởng lợi nhuận được áp dụng linh hoạt nhằm khuyến khích các CBCNV nỗ lực hoàn thành tốt công việc. Các khoản phụ cấp như: Phụ cấp trách nhiệm, phụ cấp độc hại bao gồm tiền và hiện vật, phụ cấp ca đêm, phụ cấp điện thoại... được cộng thêm vào thu nhập hàng tháng, đảm bảo quyền lợi giúp người lao động yên tâm làm việc.

Đặc biệt, Công ty áp dụng chính sách khen thưởng hàng năm như tháng lương thứ 13, xếp hạng khen thưởng cuối năm ABC, các dịp lễ tết; khen thưởng đột xuất cho các sáng kiến cải tiến kỹ thuật, cá nhân có thành tích xuất sắc... Chính sách này được áp dụng công bằng và xứng đáng cho CBCNV, động viên kịp thời các cá nhân có cống hiến cho sự phát triển của Công ty.

Ngoài ra, Công ty thực hiện đầy đủ chế độ phúc lợi cho CBCNV theo quy định của Pháp luật và của Công ty như bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế; kiểm tra sức khỏe định kỳ; tham quan, nghỉ mát; thăm hỏi tặng quà cho CBCNV và gia đình có hoàn cảnh khó khăn...

Hoạt động văn hóa doanh nghiệp

Bên cạnh hoạt động sản xuất kinh doanh, Công ty thường xuyên tổ chức các chương trình xây dựng văn hóa nội bộ như: Tổ chức các cuộc thi văn nghệ, giải đấu bóng đá, nấu ăn, kéo co, các hoạt động thể thao mang tính lành mạnh, hay tặng quà dịp 20/10, 8/3... để tạo động lực, tăng cường giao lưu đoàn kết nội bộ. Nét văn hóa Công ty được xây dựng trên tinh thần tập thể và sự gắn kết tự nhiên cho toàn thể CBCNV. Công ty tự hào là một trong những doanh nghiệp có nền tảng văn hóa tốt nhất và được rất nhiều các Bằng khen của Tổng liên đoàn và Tỉnh Vĩnh Phúc





TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG CÔNG TY THÀNH VIÊN



Năm 2016 là năm nhóm ngành thép lập được nhiều dấu ấn kỷ lục trong sản xuất kinh doanh. mọi chỉ tiêu về sản lượng, doanh thu và lợi nhuận đều vượt xa so với kế hoạch đề ra, góp phần quyết định vào sự thành công vượt trội của toàn Công ty.



CÔNG TY CP THÉP VIỆT ĐỨC

Tổng quan chung

Công ty Cổ phần Thép Việt Đức được thành lập từ năm 2007. Mặt hàng kinh doanh sản xuất chính là Tôn cán nguội và Tôn mạ kẽm.

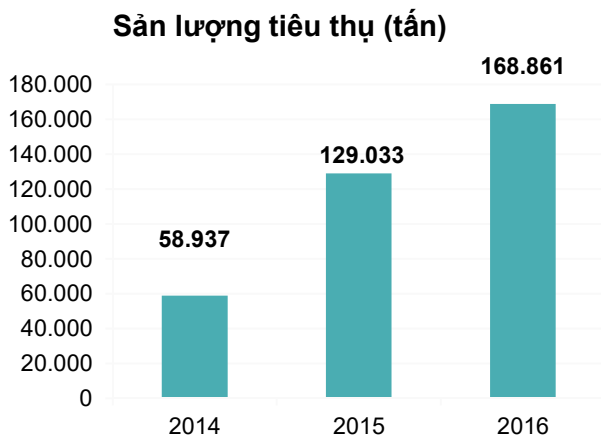
Hiện nay Thép Việt Đức đang sở hữu 06 dây chuyền bao gồm: 02 dây chuyền cán nguội có khổ rộng từ 415mm đến 750mm, độ dày sản phẩm từ 0,8mm-3,0mm. 03 dây chuyền tôn mạ kẽm có độ dày từ 0,8mm đến 3,0mm và bản rộng từ 415mm – 750mm và 01 dây chuyền cắt xẻ bằng.

Tổng công suất đạt 350.000 tấn/năm.

Sản phẩm Tôn cán nguội và Tôn mạ kẽm đã được các khách hàng đánh giá cao về chất lượng sản phẩm. Ngoài tiêu thụ trong nước, sản phẩm của Công ty cũng đã xuất khẩu đi Lào, Myama....

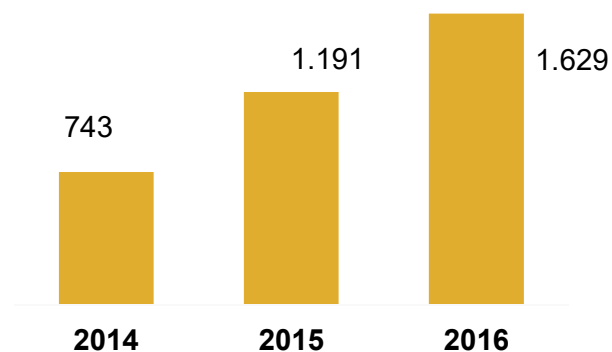
Sản lượng sản xuất cũng như bán hàng ngày càng tăng trưởng và đem lại hiệu quả cao góp phần vào sự thành công chung của toàn Công ty.

Sản lượng tiêu thụ Tôn cán nguội và Tôn mạ kẽm qua các năm



Doanh thu bán hàng và lợi nhuận

Doanh thu (tỷ đồng)



Tình hình tài chính của VDS

STT	Chỉ tiêu	ĐVT	2014	2015	2016
I	Tổng tài sản	Tỷ đồng	307	354	464
1	Tài sản ngắn hạn	Tỷ đồng	221	243	398
2	Tài sản dài hạn	Tỷ đồng	86	111	66
II	Tổng Nguồn vốn	Tỷ đồng	307	354	464
1	Nợ phải trả	Tỷ đồng	235	256	346
2	Vốn chủ sở hữu	Tỷ đồng	72	98	118
III	Kết quả kinh doanh				
1	Doanh thu bán hàng và CCDV	Tỷ đồng	734	1.191	1.629
2	Doanh thu thuần	Tỷ đồng	734	1.191	1.629
3	Lợi nhuận từ HĐSXKD	Tỷ đồng	4	9	27
4	Lợi nhuận trước thuế	Tỷ đồng	4	9	26
5	Lợi nhuận sau thuế	Tỷ đồng	3,9	7,5	24
IV	Một số chỉ tiêu tài chính cơ bản				
1	Chỉ tiêu về khả năng thanh toán				
a	Khả năng thanh toán hiện thời	Lần	1,0	1,0	1,2
b	Khả năng thanh toán nhanh	Lần	0,6	0,7	0,8
2	Chỉ tiêu về cơ cấu vốn				
a	Hệ số Nợ/Tổng tài sản	Lần	0,8	0,7	0,7
b	Hệ số Nợ/Vốn chủ sở hữu	Lần	3,3	2,6	2,8
	Chỉ tiêu về năng lực hoạt động				
6	Vòng quay Hàng tồn kho	Vòng	12	14	16
	Chỉ tiêu về khả năng sinh lời				
7	Tỷ suất LNST/DT thuần	%	0,5	0,6	1,5
8	Tỷ suất LNST/VCSH	%	5,4	7,7	28,0
9	Tỷ suất LNST/Tổng tài sản	%	1,3	2,1	5,2
10	Tỷ suất Lợi nhuận từ hoạt động SXKD/DT thuần	%	0,5	0,6	1,5

CƠ CẤU CỔ ĐÔNG



Thông tin cổ phiếu:

- Vốn điều lệ: 375.599.710.000 đồng
- Tên cổ phần: CP Công ty CP Ống thép Việt Đức VG PIPE
- Loại cổ phiếu: Cổ phiếu phổ thông
- Mã chứng khoán: VGS.
- Mệnh giá cổ phiếu: 10.000 đồng/cổ phiếu
- Ngày bắt đầu niêm yết: 04/12/2008
- Tổng số cổ phiếu: 37.599.710 cổ phiếu
- Tổng số cổ phiếu đang lưu hành: 37.599.710 cổ phiếu
- Số lượng cổ phiếu chuyển nhượng tự do: 31.628.211 cổ phiếu
- Số lượng cổ phiếu bị hạn chế chuyển nhượng: 3.609.000 cổ phiếu

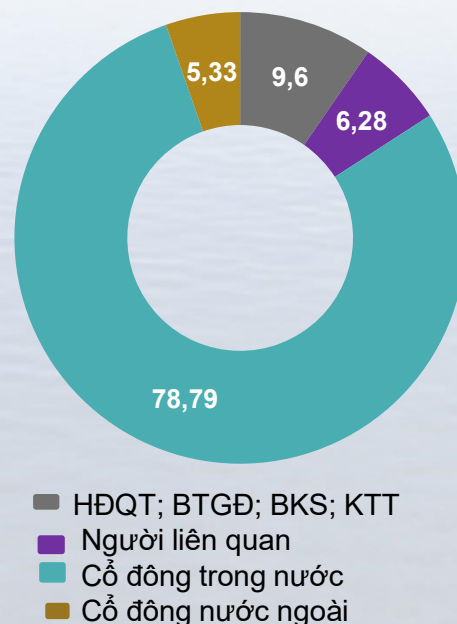
Tình hình thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu trong năm:

- Ngày 20/07/2016 Công ty đăng ký bán toàn bộ cổ phiếu quỹ Công ty đang sở hữu. Thời gian bán từ 01/09/2016 đến 23/9/2016.
- Tổng số cổ phiếu quỹ đăng ký bán: 1.596.400 cổ phiếu.
- Tổng số cổ phiếu quỹ đã bán: 1.596.400 cổ phiếu
- Số cổ phiếu quỹ còn nắm giữ đến ngày 31/12/2016: 0 cổ phiếu.
- Trong năm 2016 các cổ đông nội bộ Công ty cũng đã đăng ký mua thêm cổ phiếu VGS bao gồm: Ông Lê Minh Hải – Chủ tịch HĐQT; Ông Nguyễn Hữu Thề - Thành viên HĐQT/Tổng giám đốc Công ty và Bà Nguyễn Thị Nhi – Thành viên HĐQT/ Phó Tổng giám đốc Công ty.

Cơ cấu cổ đông tại ngày 2/3/2017

ST T	Nội dung	Số lượng cổ phần	Tỷ lệ %
1	Cổ đông Nhà nước	0	0
2	Cổ đông nội bộ	5.971.499	15,88
	HĐQT; BGĐ; BKS; KTT	3.609.000	9,6
	Người có liên quan	2.362.499	6,28
3	Cổ phiếu quỹ	0	
4	Cổ đông khác	31.628.211	84,12
4.1	Cổ đông trong nước	29.625.247	78,79
	Cá nhân	29.186.671	77,62
	Tổ chức	438.576	1,17
4.2	Cổ đông nước ngoài	2.002.964	5,33
	Cá nhân	109.164	0,29
	Tổ chức	1.893.800	5,04
	Cộng	37.599.710	100

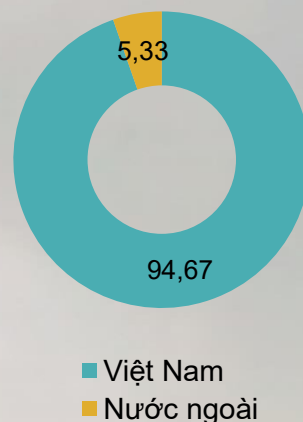
Cơ cấu cổ đông theo nhóm cổ đông



Cơ cấu cổ đông theo địa lý tại ngày 02/3/2017

Cơ cấu cổ đông theo địa lý

STT	Vị trí	Số lượng cổ phần	Tỷ lệ (%)
1	Việt Nam	35.596.746	94,67
	Cá nhân	35.158.170	93,50
	Tổ chức	438.576	1,17
2	Nước ngoài	2.002.964	5,33
	Cá nhân	109.164	0,29
	Tổ chức	1.893.800	5,04
	Cộng	37.599.710	100



Cơ cấu cổ đông theo tỷ lệ sở hữu ngày 02/3/2017

STT	Nội dung	Số lượng	Tỷ lệ %
1	Cổ đông sở hữu trên 5%	5.219.999	13,88
2	Cổ đông sở hữu từ 1% đến 5%	11.210.248	29,81
3	Cổ đông sở hữu dưới 1%	21.169.463	56,30
	Tổng cộng	37.599.710	100

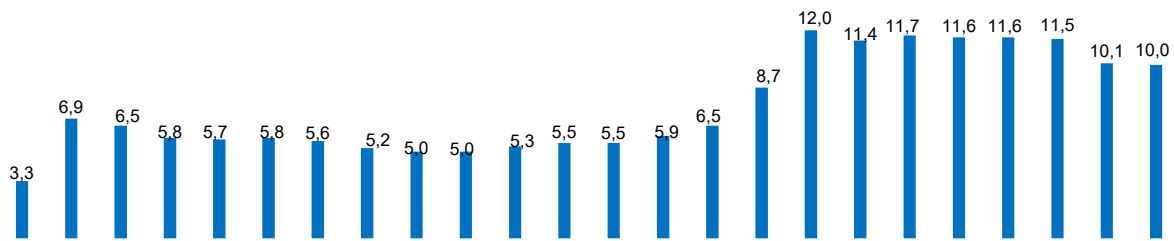
Giao dịch cổ phiếu của cổ đông nội bộ và người có liên quan năm 2016

ST T	Người thực hiện	Quan hệ cổ đông nội bộ	Số CP sở hữu đầu kỳ		Số CP sở hữu cuối kỳ		Lý do tăng/giảm
			Số lượng	Tỷ lệ %	Số lượng	Tỷ lệ %	
1	Lê Minh Hải	Chủ tịch HĐQT	2.266.000	6,03	2.857.500	7,60	Mua
2	Nguyễn Hữu Thể	Thành viên HĐQT/Tổng giám đốc	93.000	0,25	232.000	0,62	Mua
3	Nguyễn Thị Nhi	Thành viên HĐQT/Phó Tổng giám đốc	101.000	0,27	291.000	0,77	Mua

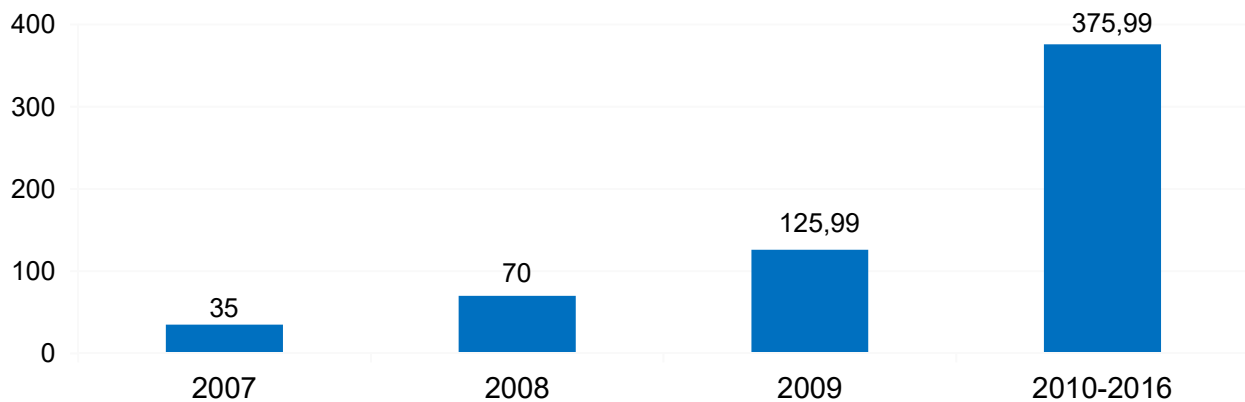
Danh sách cổ đông lớn tại ngày 02/3/2017

STT	Tên cổ đông	Địa chỉ	Số lượng cổ phần	Tỷ lệ %
1	Lê Minh Hải	118 – 120 Khương Thượng – Đống Đa – Hà Nội	2.857.500	7,94
2	Nguyễn Thị Thanh Thủy	Số 3 Khâm Thiên – Đống Đa – Hà Nội	2.362.499	6,28

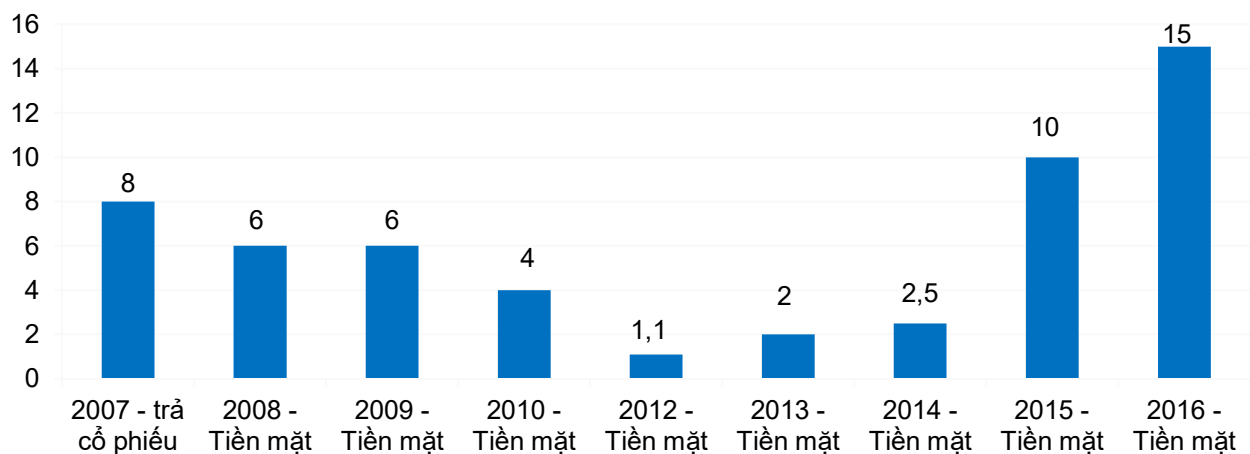
Biến động giá cổ phiếu VGS từ năm 2015-2016



Quá trình tăng vốn của Công ty từ 2007 -2016 (tỷ đồng)



Bảng theo dõi trả cổ tức cho Cổ đông từ năm 2010 – 2016 (%)





Thép Việt Đức là 1 trong 30 cổ phiếu có tính thanh khoản tốt nhất tại Sàn giao dịch chứng khoán Hà Nội và luôn nhận được sự quan tâm rất lớn của các nhà đầu tư.

Thép Việt Đức luôn chú trọng thực hiện tốt quan hệ cổ đông, nhà đầu tư với mục tiêu minh bạch hóa thông tin, cung cấp thông tin đầy đủ và kịp thời cho cổ đông, các nhà đầu tư và tuân thủ các quy định của pháp luật về công bố thông tin.

Bộ phận Quan hệ Cổ đông duy trì sự tương tác thường xuyên với các cổ đông thông qua các sự kiện như Đại hội cổ đông thường niên, gặp gỡ nhà đầu tư hàng quý để trao đổi hoạt động kinh doanh và cập nhật tình hình biến động trong Công ty một cách đầy đủ và kịp thời.

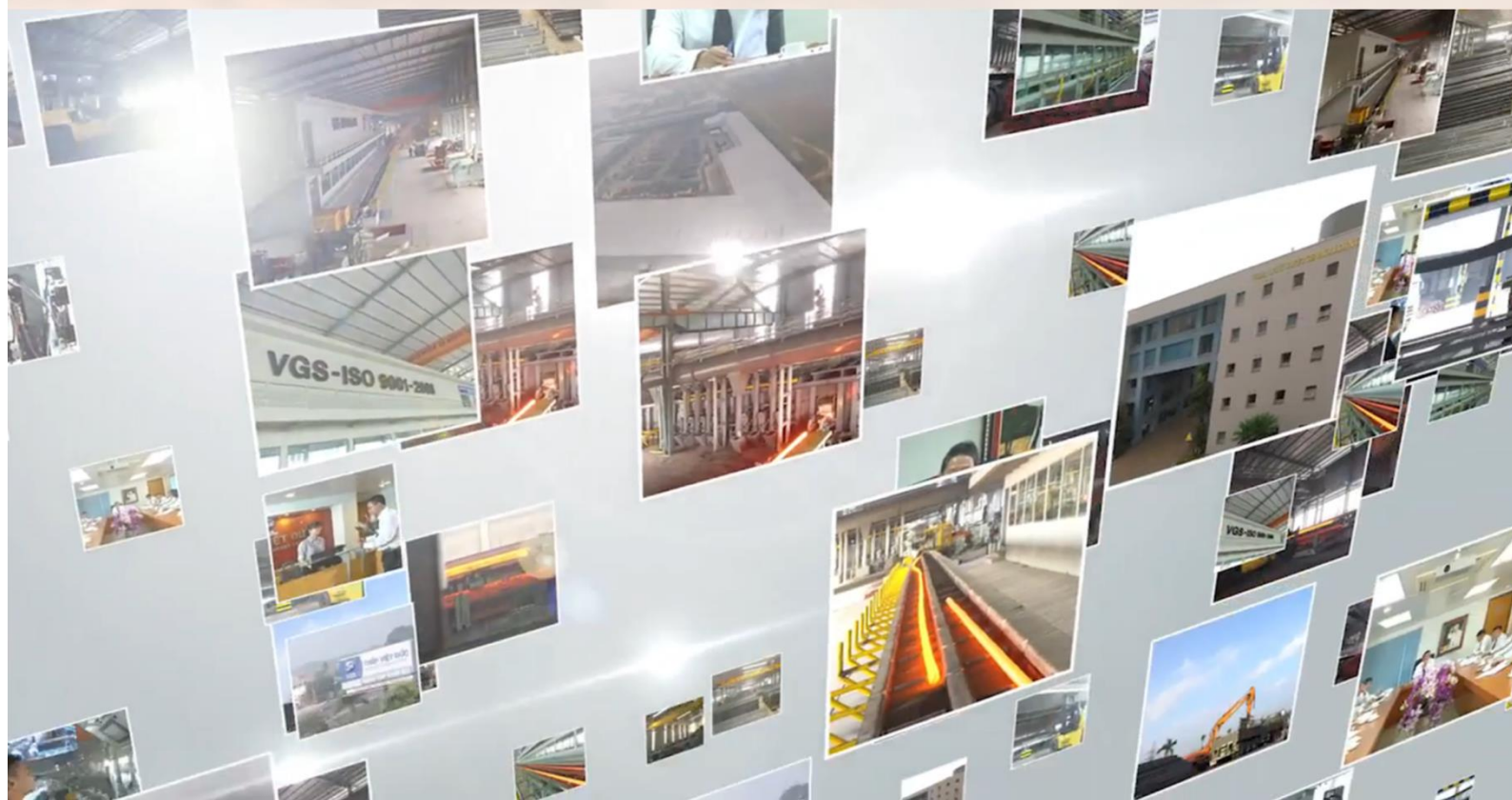
Để cho các nhà đầu tư hiểu rõ về Thép Việt Đức nói riêng và ngành thép nói chung. Công ty đã phối hợp với các Công ty chứng khoán cùng các chuyên gia trong lĩnh vực Thép làm các hội thảo nhỏ về ngành thép và nhân định về thị trường thép cũng như thị trường chứng khoán.

Công ty cũng liên tục cập nhật thông tin về tình hình sản xuất, tiêu thụ các ngành hàng sản xuất kinh doanh chính của Công ty như thép xây dựng, ống thép,...trên website của Công ty. Các hoạt động này đã giúp gắn kết và là cầu nối giữa cổ đông và nhà đầu tư với Công ty nhằm cập nhật các thông tin về tài chính và hoạt động nổi bật khác



PHẦN III

BÁO CÁO CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ



THÀNH VIÊN VÀ CƠ CẤU HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Danh sách, sơ yếu lý lịch Hội đồng quản trị

STT	Họ tên	Chức vụ	Số CP sở hữu	Tỷ lệ tại ngày 2/3/2017
1	Lê Minh Hải	Chủ tịch HĐQT	2.857.500	7,6
2	Nguyễn Hữu Thế	Thành viên HĐQT	232.000	0,62
3	Nguyễn Thị Nhi	Thành viên HĐQT	291.000	0,77
4	Nguyễn Vinh Tuyên	Thành viên HĐQT	90.000	0,24
5	Nguyễn Ngọc Bảo	Thành viên HĐQT	50.000	0,13
6	Ngô Vi Anh Tú	Thành viên HĐQT	86.500	0,23

ÔNG LÊ MINH HẢI

Chủ tịch HĐQT

Cử nhân trường Đại học kinh tế

Ngày vào Công ty: Từ khi Công ty thành lập

Ông Lê Minh Hải là cổ đông sáng lập của Công ty, Ông đã có nhiều năm kinh nghiệm trong ngành Thép. Trước khi về Công ty Ông thép Việt Đức Ông đã từng nắm vị trí cao trong Công ty thép Hà Nội – Tổng Công ty thép Việt Nam.

Trên cương vị Chủ tịch Hội đồng quản trị Công ty ông đã lãnh đạo doanh nghiệp thực hiện thắng lợi các chiến lược, các mục tiêu và kế hoạch sản xuất kinh doanh đề ra. Bản thân luôn là người chấp hành tốt và gương mẫu trong việc thực hiện các chủ chương, đường lối của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước và nội quy, quy định của Công ty.

Ngoài chức vụ Chủ tịch HĐQT Công ty Ông thép Việt Đức VG PIPE, ông còn đang nắm giữ các chức vụ Phó chủ tịch Hiệp hội Thép Việt Nam; Phó Bí thư Đảng ủy Công ty; Chủ tịch HĐQT các Công ty con, liên kết và Tổng Giám đốc Công ty Sản xuất thép Việt Đức.



Trong quá trình làm việc Ông đã quy tụ được nhiều cán bộ giỏi về chuyên môn, đồng tâm về chí hướng, có tinh thần trách nhiệm cao. Trong quá trình hình thành và phát triển của Thép Việt Đức, ông luôn là người định hướng chiến lược cho từng Công ty.

Ông đã từng được tôn vinh nhiều lần trong top 100 doanh nhân tiêu biểu nhận Cúp Thánh Gióng và được nhận Huân chương lao động hạng 3

**ÔNG NGUYỄN HỮU THẾ**

*Thành viên HĐQT kiêm
Tổng Giám đốc Công ty*

Kỹ sư trường Đại học Bách khoa. Năm vào Công ty 2007.

Trước khi vào Việt Đức ông đã điều hành sản xuất của Công ty Ống thép Hòa Phát và đến khi giữ chức vụ Tổng Giám đốc Công ty, Ông đã từng giữ chức vụ Giám đốc sản xuất. Ngoài ra Ông cũng đã giữ nhiều chức vụ tại các Công ty con và Công ty liên kết.

Với bề dày kinh nghiệm trong sản xuất cũng như kinh nghiệm trong quản lý, ông đã góp phần quan trọng trong việc thành công của Công ty CP Ống thép Việt Đức VG PIPE trong suốt những năm vừa qua.

Ông đã được Thủ tướng Chính Phủ tặng bằng khen trong công tác góp phần vào sự nghiệp xây dựng chủ nghĩa xã hội và bảo vệ Tổ quốc.

**BÀ NGUYỄN THỊ NHI**

*Thành viên HĐQT kiêm
Phó Tổng Giám đốc Công ty*

Cử nhân trường Đại học Thương mại. Năm vào Công ty 2002.

Trước khi vào Việt Đức Bà Nguyễn Thị Nhi đã từng giữ chức vụ Kế toán trưởng của một số Công ty hoạt động trong lĩnh vực thương mại.

Khi gia nhập vào Công ty, bà được bổ nhiệm làm Kế toán trưởng cho Công ty và các Công ty con; Công ty liên kết. Năm 2010 bà được bổ nhiệm chức vụ Phó Tổng Giám đốc phụ trách tài chính.

Với bề dày kinh nghiệm trong lĩnh vực tài chính bà đã góp phần vào việc thành công của Công ty. Hiện nay Công ty được các tổ chức tín dụng lớn đánh giá rất cao về uy tín cũng như cách sử dụng vốn. Bà đã được Thủ tướng Chính Phủ tặng bằng khen trong công tác góp phần vào sự nghiệp xây dựng chủ nghĩa xã hội và bảo vệ Tổ quốc

**ÔNG****NGUYỄN VINH TUYÊN**

Thành viên HĐQT

Kỹ sư Trường Đại học Bách khoa. Năm vào Công ty 2007.

Trước khi vào Việt Đức Ông Nguyễn Vinh Tuyên từng giữ chức vụ trong Nhà máy cơ khí Gia lâm, sau đó về làm Giám đốc Nhà máy Ống thép Hòa Phát.

Năm 2007 ông về Việt Đức và giữ chức vụ Giám đốc Nhà máy Ống thép Việt Đức VG PIPE. Trong suốt thời gian điều hành hoạt động Ông đã điều hành, quản lý tốt mọi hoạt động của Công ty.

Hiện nay ngoài chức vụ Thành viên HĐQT Công ty ra, ông hiện đang giữ chức vụ Tổng Giám đốc Công ty CP Thép Việt Đức (Công ty con của VG PIPE).



ÔNG NGUYỄN NGỌC BẢO

Thành viên HĐQT

Kiến trúc sư trường Đại học Kiến Trúc.
Năm vào Công ty 2007.

Trước khi về làm việc tại Công ty CP Ống thép Việt Đức VG PIPE, ông Nguyễn Ngọc Bảo đã từng làm ở Viện thiết kế nhà ở - Bộ xây dựng. Giám đốc Công ty tư vấn thiết kế BT và Công ty xây dựng trang trí nội thất Thăng Long.

Với kinh nghiệm trong lĩnh vực thiết kế cũng như kinh nghiệm trong lĩnh vực xây dựng, ông đã cùng Ban điều hành Công ty xây dựng cũng như đưa ra các định hướng trong hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty.

Năm 2011 ông đã được trúng cử vào đại biểu Quốc hội khóa XIII của tỉnh Vĩnh Phúc.



ÔNG NGÔ VI ANH TÚ

Thành viên HĐQT

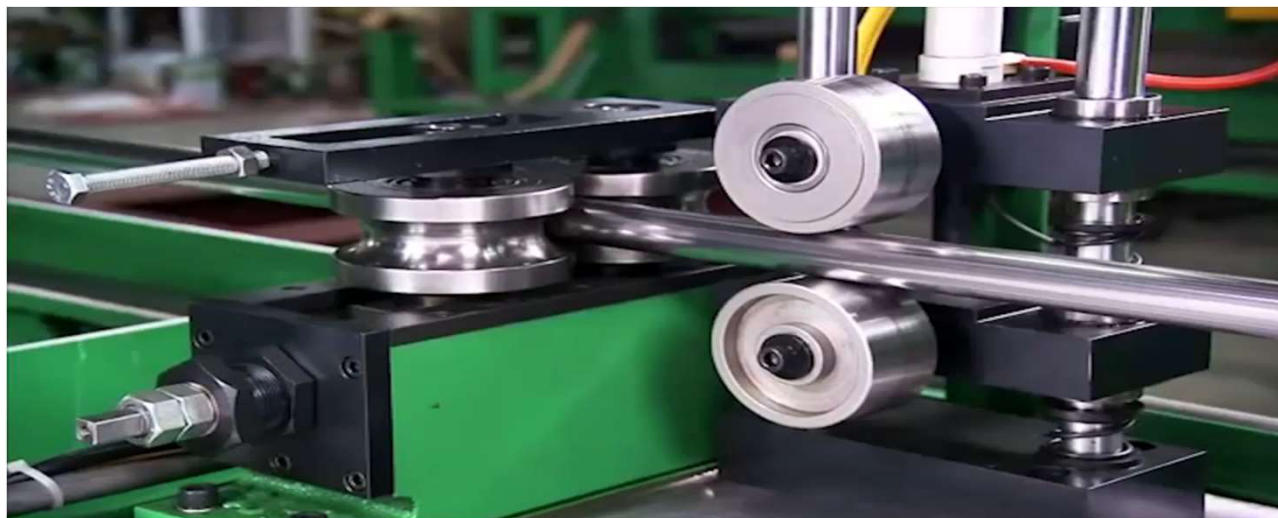
Cử nhân kinh tế Trường Đại học Thương mại.

Năm vào Công ty 2002.

Ông Ngô Vi Anh Tú từng trải qua nhiều năm kinh nghiệm trong lĩnh vực kinh doanh về thép. Trước khi làm tại Việt Đức ông đã làm tại Công ty thép Hà Nội – Tổng Công ty thép Việt Nam.

Sau đó Ông về làm Trưởng phòng kinh doanh Công ty thép và Vật tư công nghiệp và làm Giám đốc chi nhánh tại Hải Phòng; Miền Nam

Từ những kinh nghiệm trong quá trình làm việc ông đã góp phần tạo nên sự thành công của Việt Đức đến ngày hôm nay.



Năm 2016, nền kinh tế Việt Nam đã có sự phục hồi tích cực, các con số như tăng trưởng kinh tế GDP đạt mức 6,21%, lạm phát được kiểm soát ở mức 4,74%, xuất siêu 2,68 tỷ USD... đã phản ánh những nỗ lực của nền kinh tế qua một năm đầy biến động.

Nếu nhìn theo cách tiếp cận dài hạn và quan điểm phát triển bền vững thì tình hình kinh tế Việt Nam năm 2016 đã có những khởi đầu mới tích cực và có thể coi đây là những điểm sáng tạo đà cho sự phát triển của năm 2017 và các năm tiếp theo.

Trong bối cảnh đó, CTCP Ống thép Việt Đức VG PIPE đã gặt hái được những thành tựu ấn tượng nhất từ trước tới nay, tạo ra động lực và nền tảng vững chắc để CTCP Ống thép Việt Đức hướng tới một tương lai tươi sáng hơn với những bước đi mới.

Tổng kết năm 2016, CTCP Ống thép Việt Đức VG PIPE đã đạt tổng doanh thu hợp nhất 4.579 tỷ đồng,

Lợi nhuận sau thuế 81,5 tỷ đồng, tăng tương ứng 32,9% và 77,5% so với năm 2015.

Đóng góp vào kết quả kinh doanh nổi bật là các ngành nghề mũi nhọn như ống thép, Tôn mạ kẽm và thép cán nóng.

+ Đối với mảng Ống thép hàn: sản lượng bán hàng đạt 153.000tấn, tăng 26% so với 2015 và lọt vào Top 4 nhà sản xuất và tiêu thụ Ống thép lớn nhất tại Việt nam.

+ Đối với mảng Ống Tôn mạ kẽm, sản lượng bán hàng đạt 87.800tấn tăng 78,7% so năm 2015.

+ Đối với mặt hàng Thép xây dựng cán nóng: sản lượng bán hàng đạt 326.000tấn, tăng 6% so với 2015 và lọt vào Top 7 nhà sản xuất và tiêu thụ thép xây dựng lớn nhất tại Việt nam.

Tất cả kết quả đạt được ở trên đã khẳng định tính bền vững và đột phá trong sản xuất và bán hàng của ống thép Việt Đức trong bối cảnh thị trường còn nhiều diễn biến phức tạp

Việc cải tiến về công nghệ, nâng cấp và đầu tư mới dây chuyền sản xuất Ống thép đen, ống tôn mạ kẽm; nâng cấp hệ thống bể mạ của dây chuyền mạ kẽm nhúng nóng và đầu tư thêm dây chuyền Tôn mạ kẽm giúp cho hoạt động sản xuất ống thép của Công ty chiếm lĩnh thị trường, vượt chỉ tiêu đề ra và tăng trưởng mạnh.

Với mục tiêu phát triển bền vững, Ống thép Việt Đức VG PIPE luôn tập trung cải tiến cơ cấu tổ chức, chính sách quản lý phù hợp với định hướng phát triển. Ống thép Việt Đức VG PIPE tập trung phát triển đội ngũ nhân sự có trình độ cao, chuyên môn vững, dày dặn kinh nghiệm.

Trong quan hệ cổ đông, với mục tiêu của CTCP Ống thép Việt Đức VG PIPE là minh bạch hóa thông tin, cung cấp thông tin đầy đủ và kịp thời cho cổ đông, các nhà đầu tư và tuân thủ các quy định của pháp luật về công bố thông tin.



ĐÁNH GIÁ CỦA HĐQT VỀ HOẠT ĐỘNG CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC



HĐQT đánh giá cao nỗ lực của Tổng Giám đốc và Ban điều hành các cấp trong quá trình thực hiện kế hoạch năm 2016 đã đề ra của Công ty.

Để có con số ấn tượng trong kết quả kinh doanh năm qua là sự cố gắng không biết mệt mỏi của Ban điều hành các Công ty con, liên kết. Với tất cả năng lực, sự đoàn kết, tuân thủ nghiêm túc chủ trương của Hội đồng quản trị Công ty. Các quyết sách của Hội đồng quản trị được Ban điều hành triển khai quyết liệt nhưng thận trọng, chắc chắn.

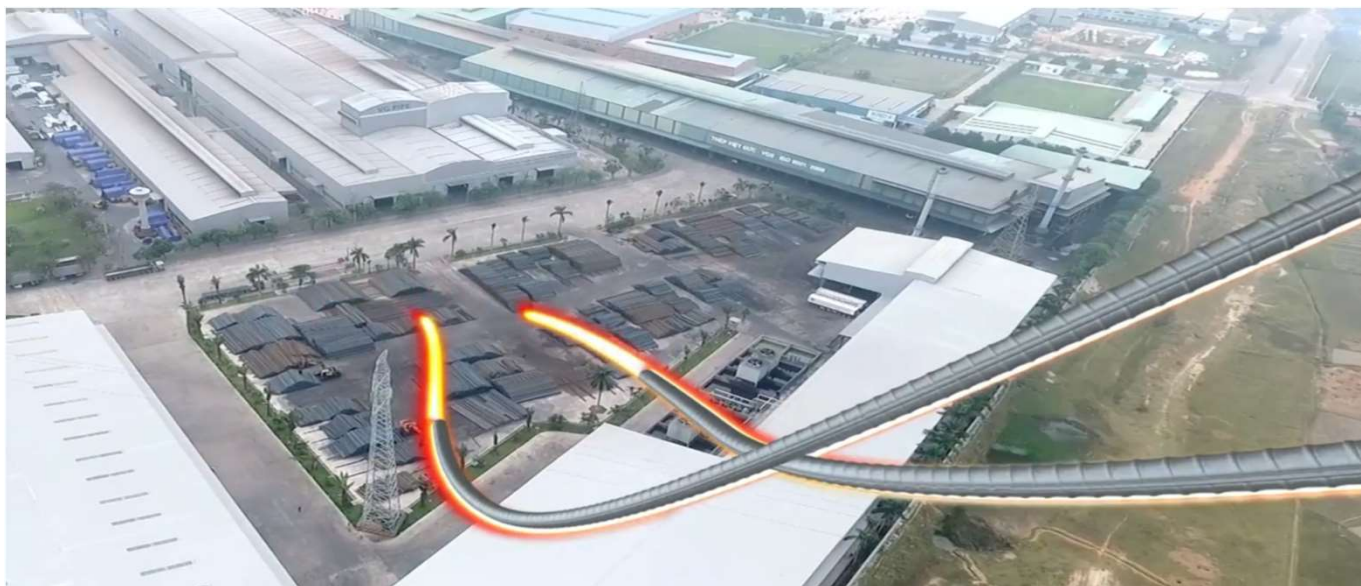
Kết quả đạt được trên tất cả các ngành sản xuất kinh doanh đã tiếp tục duy trì và củng cố được lòng tin từ đối tác, khách hàng, cổ đông. Ban điều hành đã hoàn thành tốt nhiệm vụ của mình, tạo được hiệu ứng làm việc sôi nổi, ra sức thi đua sản xuất kinh doanh và khí thế phấn khởi trong toàn Công ty ngày càng tăng cao.

Các thành viên HĐQT thường xuyên trao đổi thông tin, tham vấn về các vấn đề quan trọng trong việc điều hành hoạt động của Công ty.

Ban Tổng giám đốc đã tuân thủ đầy đủ các quy định của pháp luật, tuân thủ các quy chế nội bộ mà HĐQT đã ban hành trong hoạt động điều hành sản xuất kinh doanh.

Chủ động thực hiện việc đẩy mạnh công tác thị trường một cách tích cực, tìm hiểu thị trường, chăm sóc khách hàng, xây dựng hình ảnh công ty với khách hàng...

HĐQT tin tưởng với các giải pháp chắc chắn, linh hoạt trong công tác điều hành của Ban Giám đốc các công ty thành viên sẽ góp phần gia tăng sự ổn định trong hoạt động sản xuất, từng bước chinh phục các thị trường mới trong nước, các thị trường khó tính trong khu vực và quốc tế trong bối cảnh còn nhiều khó khăn, phức tạp



Dự báo tình hình kinh doanh năm 2017.

Năm 2017, Quốc hội đã thông qua chỉ tiêu GDP phải tăng khoảng 6,7%, tốc độ tăng giá tiêu dùng bình quân khoảng 4%; Tổng kim ngạch xuất khẩu tăng khoảng 6 - 7%.

Những yếu tố thuận lợi :

Về tổng thể, năm 2017, bức tranh kinh tế Việt Nam sẽ tiếp tục các động lực tăng trưởng đã tích lũy từ năm trước và có thể nhận thêm nhiều thách thức và cơ hội mới, với nhiều kỳ vọng sẽ ngày càng khởi sắc hơn cùng với năng lực đổi mới công nghệ.

Việt Nam sẽ vẫn tiếp tục thuộc nhóm có tốc độ tăng GDP cao hàng đầu khu vực và gấp đôi mức tăng trưởng chung toàn thế giới. Động lực tăng trưởng chung của nền kinh tế được hội tụ và lan tỏa

từ đà tăng trưởng tốt của công nghiệp chế biến, chế tạo và dịch vụ.

Các cân đối vĩ mô sẽ vẫn được bảo đảm. Dự trữ ngoại tệ được bảo tồn. Lòng tin của nhà đầu tư trong và ngoài nước tiếp tục được phục hồi và củng cố, nhờ tiếp tục các cải cách thể chế, cải thiện môi trường đầu tư, tạo xung lực mới cho khu vực tư nhân trở thành động lực chính của năm 2017.

Sự hồi phục của nền kinh tế Việt Nam trong năm 2016 là cơ sở quan trọng để đặt ra mục tiêu tăng trưởng trong năm 2017.

Những ngành nghề dự báo sẽ tăng trưởng mạnh từ năm 2017 là bất động sản, vật liệu và dịch vụ xây dựng, dịch vụ tiêu dùng, hàng tiêu dùng, nông - lâm sản.

Với ngành thép năm 2017

Năm 2017 dự báo ngành thép Việt Nam tiếp tục tăng trưởng 12 % so với năm 2016.

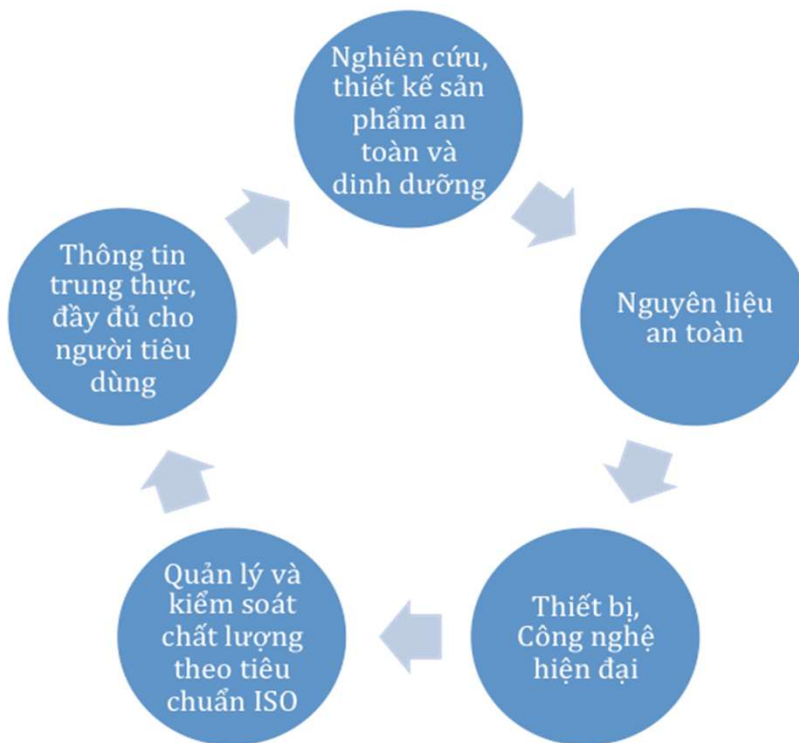
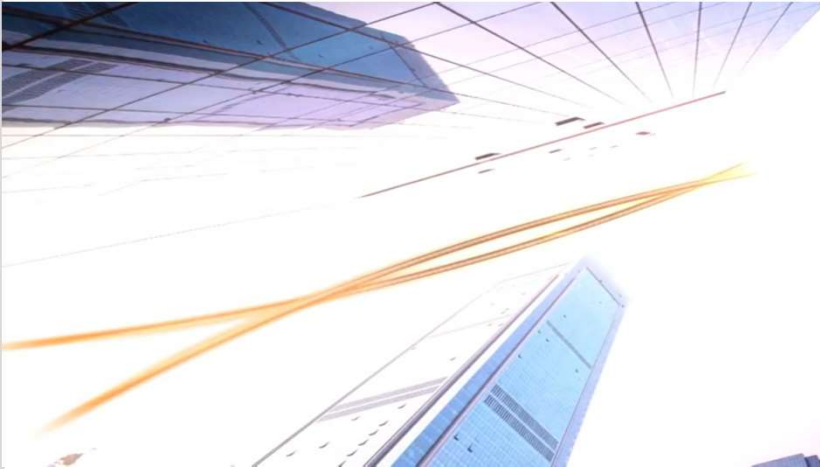
Giá thép được dự báo tăng trong năm 2017 bởi chi phí sản xuất của toàn thị trường tăng lên do giá nguyên liệu ở mức cao.

Bộ Công thương về áp thuế tự vệ bổ sung tạo ra cơ hội cho các doanh nghiệp thép nội địa cạnh tranh lành mạnh với thép ngoại nhập, giải quyết bài toán hàng tồn kho, tạo điều kiện cho ngành thép trong nước phát triển và đổi mới công nghệ .

Thị trường thép công nghiệp vẫn sẽ sôi động do mặt bằng lãi suất thấp các doanh nghiệp mở rộng đầu tư, đầu tư công tiếp tục để thúc đẩy nền kinh tế.



CÁC MỤC TIÊU CỦA HĐQT ĐẶT RA 2017



Kế thừa những thành tựu đã đạt được trong năm qua, Công ty tiếp tục giữ vững hoạt động sản xuất, chủ động tích cực tìm kiếm các cơ hội đầu tư trong và ngoài nước, phát triển kinh doanh các ngành nghề nền tảng như thép, ống thép, Tôn mạ.

Công ty định hướng cơ cấu thành 3 mảng hoạt động lớn gồm: mảng sản xuất kinh doanh ống thép;

Mảng sản xuất kinh doanh Tôn mạ kẽm và mảng sản xuất kinh doanh thép xây dựng và thép chất lượng cao.

Tại mỗi mảng hoạt động, Hội đồng Quản trị phân công các thành viên tăng cường giám sát, sát sao chỉ đạo các hoạt động đầu tư, sản xuất kinh doanh, đảm bảo an toàn tài chính và nâng cao hiệu quả hoạt động sản xuất kinh doanh.

Song song với việc triển khai kế hoạch sản xuất kinh doanh, truyền thông, phát triển thương hiệu, Hội đồng quản trị tiếp tục tập trung vào công tác quản trị nhân sự, đầu tư công nghệ thông tin, nâng cao quản trị rủi ro về pháp lý, kiểm soát nội bộ, không ngừng chỉ đạo Ban điều hành sát sao trong công tác bảo vệ môi trường, an toàn lao động.

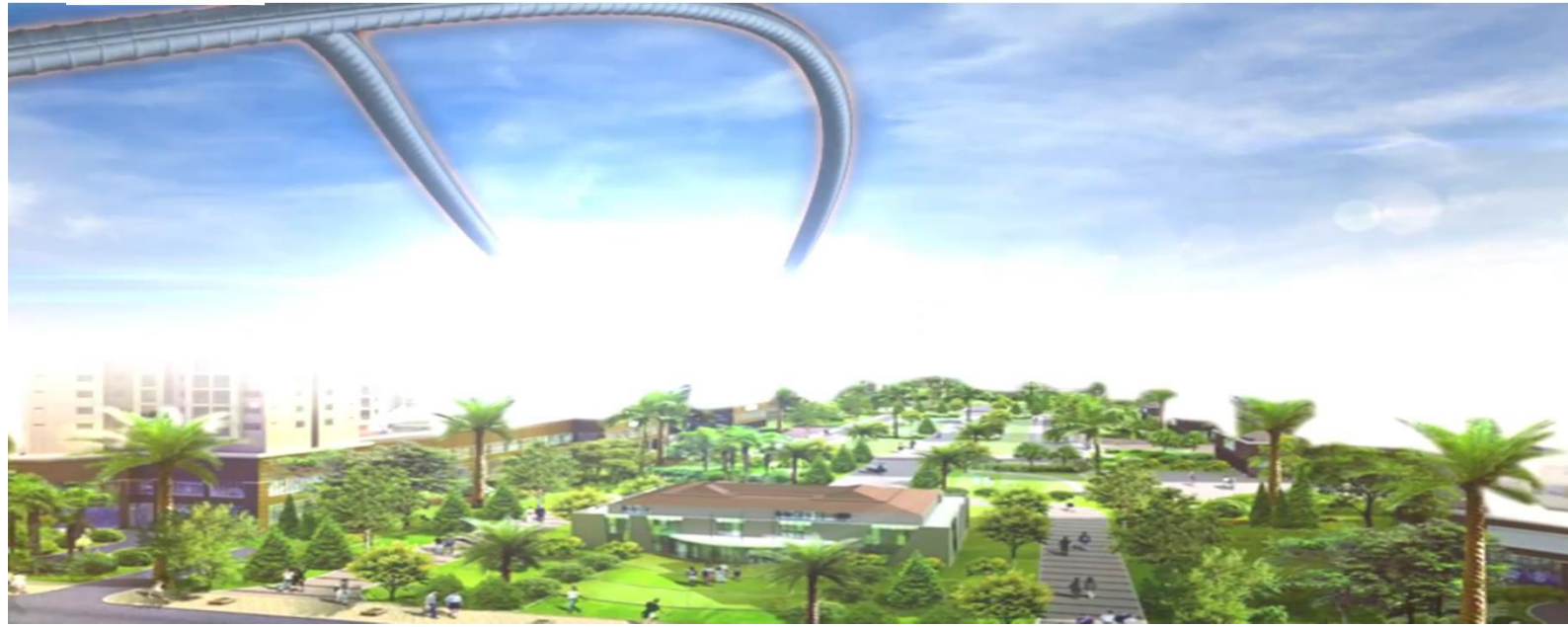
Căn cứ vào thực tế hoạt động của các kỳ kinh doanh trước, căn cứ sự nghiên cứu và dự báo của thị trường trong năm 2017, căn cứ vào các xu hướng điều tiết vĩ mô, Công ty đề ra các chỉ tiêu cho năm 2017 cụ thể như sau:

Doanh thu hợp nhất: 4.600 tỷ đồng. Lợi nhuận trước thuế 80 tỷ đồng.

Doanh thu mẹ: 2.800 tỷ đồng. Lợi nhuận trước thuế 45 tỷ đồng.



CÁC GIẢI PHÁP THỰC HIỆN



Tập trung cải tiến năng lực quản lý: Xây dựng phương thức hoạt động theo thể chế kinh tế thị trường hiện đại. Cải cách và đổi mới các chính sách hoạt động cho từng bộ phận, từng lĩnh vực. Tiếp tục bổ sung thêm nhân sự đối với các vị trí còn thiếu, bổ sung thêm đội ngũ chuyên viên đầu ngành để phát triển công ty, tăng cường năng lực kiểm soát, kiểm tra nội bộ, tổ chức việc kiểm tra, giám sát việc thực thi công việc theo sự phân công.

Tăng cường, củng cố và ổn định năng lực tài chính: Củng cố lại các quy chế tài chính, triển khai thêm một số biện pháp hữu hiệu để đối phó với những diễn biến phức tạp trong giai đoạn mới, như các vấn đề về biến động tỷ giá và các thay đổi về chính sách.

Năm 2017, Hội đồng quản trị định hướng tiếp tục duy trì tăng

trường bền vững, tạo sự chuyển biến mạnh mẽ trong công tác điều hành, đẩy mạnh việc tăng trưởng doanh thu và hiệu quả, nâng cao tính chuyên nghiệp và hợp tác nội bộ, khẳng định thương hiệu, chất lượng dịch vụ và hàng hóa của Công ty cung cấp.

Tập trung điều hành hoạt động sản xuất kinh doanh hiệu quả tiết kiệm chi phí, giảm giá thành sản xuất, nâng cao uy tín các mặt hàng truyền thống, đảm bảo sức lan tỏa các sản phẩm đến tận từng khách hàng.

Đề ra các giải pháp cân đối các chỉ tiêu phục vụ cho mục đích sản xuất kinh doanh, phù hợp với đặc thù của thời kỳ mới.

Phối hợp hiệu quả với các cơ quan kiểm toán để đảm bảo thời gian báo cáo minh bạch, chính xác các hoạt động trước Đại hội đồng cổ đông và nhà đầu tư.

Chủ động, tích cực tìm kiếm các

thị trường mới, phát huy tối đa mọi nguồn lực để đầu tư phát triển kinh doanh, mang lại lợi nhuận và xây dựng thương hiệu cho Công ty; tạo việc làm, nâng cao thu nhập cho người lao động, tham gia thực hiện tốt các chính sách xã hội.

Tập trung công tác quản trị các nguồn lực Công ty, quản trị các rủi ro trong hoạt động sản xuất kinh doanh, hoàn thiện các quy chế quy định phù hợp với luật pháp hiện hành.

Giám sát các hoạt động của Ban Tổng giám đốc và các cán bộ quản lý Công ty nhằm đảm bảo hoạt động của Công ty đạt được mục tiêu, hoàn thành nhiệm vụ và phát triển bền vững



PHẦN IV

BÁO CÁO BAN KIỂM SOÁT

NHÂN SỰ BAN KIỂM SOÁT

STT	Họ tên	Chức vụ	Nhiệm kỳ
1	Lê Anh Chung	Trưởng ban	2015 - 2017
2	Hoàng Thị Mai Phương	Thành viên	2015 – 2017
3	Nguyễn Thị Xuân Hòa	Thành viên	2015 – 2017



ÔNG LÊ ANH CHUNG

Trưởng Ban kiểm soát

Cử nhân luật

Năm vào Công ty 2009

Trước khi vào làm việc tại Công ty ông hiện là Phó Văn phòng Tổng hợp Thành Đoàn Đà Nẵng, Thường trực Đảng ủy Thành Đoàn Đà Nẵng.

Hiện nay ông đang giữ chức vụ Chánh Văn phòng Công ty

BÀ HOÀNG THỊ MAI PHƯƠNG

Thành viên Ban kiểm soát

Cử nhân Kế toán

Năm vào Công ty 2004

Khi vào Công ty bà là chuyên viên phòng Kế toán – Tài chính của Công ty.

Chức vụ hiện nay là chuyên viên Phòng Kế hoạch kinh doanh của Công ty liên kết

BÀ NGUYỄN THỊ XUÂN HÒA

Thành viên Ban kiểm soát

Cử nhân Kế toán doanh nghiệp

Năm vào Công ty 2003

Khi vào Công ty bà làm tại Phòng hành chính của Công ty.

Hiện nay bà đang giữ chức vụ Phó Chánh Văn phòng Công ty.

BÁO CÁO HOẠT ĐỘNG CỦA BAN KIỂM SOÁT NĂM 2016



Năm 2016, Ban Kiểm soát đã tiến hành hoạt động theo đúng chức năng, nhiệm vụ được quy định tại Luật doanh nghiệp, Điều lệ Công ty, Quy chế tổ chức và hoạt động của Ban Kiểm soát cụ thể:

Tham gia lựa chọn đơn vị kiểm toán độc lập: căn cứ vào tiêu chí và danh sách các đơn vị kiểm toán đã được trình tại ĐHĐCĐ năm 2016, sau khi phối hợp với Ban điều hành Công ty xem xét và đề xuất với HĐQT phê duyệt và giao cho Tổng giám đốc ký hợp đồng kiểm toán với Công ty kiểm toán độc lập được chọn là: Công ty TNHH Hãng kiểm toán AASC.

Tham gia buổi họp Hội đồng quản trị, kiểm tra giám sát quá trình thực hiện nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông năm 2016 của Hội đồng quản trị và Ban tổng giám đốc.

Xem xét tính phù hợp các Quyết nghị được Hội đồng

quản trị thông qua trong công tác quản lý, điều hành trong năm 2016

Kiểm tra rà soát lại các Quy chế, quy trình nội bộ đã ban hành. Xem xét các báo cáo định kỳ do Ban tổng giám đốc lập.

Kiểm tra rà soát lại sổ sách kế toán theo định kỳ, giám sát các báo cáo tài chính hàng Quý, năm 2016 của Công ty mẹ, công ty con và báo cáo tài chính hợp nhất nhằm đánh giá tính hợp lý, trung thực của các số liệu tài chính trước khi trình Hội đồng quản trị.

Xem xét kế hoạch tài chính, kế hoạch đầu tư và việc thực hiện kế hoạch tài chính, các hoạt động đầu tư tài chính, tình hình đầu tư mua sắm tài sản cố định tại từng Công ty con và Công ty mẹ. Đồng thời phối hợp với kiểm toán độc lập trong việc kiểm toán Báo cáo tài chính.

Giám sát nội dung, phạm vi tiến độ soát xét và kiểm toán

BCTC năm 2016 theo hợp đồng kiểm toán đã được ký kết. Xem xét thư quản lý của kiểm toán viên độc lập và ý kiến phản hồi của Ban điều hành Công ty.

Thẩm định lại báo cáo của Hội đồng quản trị, Ban Tổng giám đốc trước khi trình Đại hội đồng cổ đông.

Nhìn chung, trong năm 2016 sự phối hợp hoạt động giữa Ban kiểm soát, Hội đồng quản trị và Ban tổng giám đốc đều thực hiện và tuân thủ theo đúng Điều lệ và Quy chế của Công ty. Hội đồng quản trị và Ban Tổng giám đốc đã tạo mọi điều kiện thuận lợi để Ban kiểm soát thực thi nhiệm vụ, những kiến nghị của Ban kiểm soát đều được Hội đồng quản trị nghiêm túc xem xét và phúc đáp đầy đủ.

ĐÁNH GIÁ TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY NĂM 2016

Công tác quản lý và điều hành của HĐQT và Ban Điều hành trong năm 2016

Ban Kiểm soát nhận định HĐQT và Ban Giám đốc, các cán bộ quản lý trong năm 2016 đã hoàn thành tốt chức trách, nhiệm vụ điều hành của mình trong khuôn khổ pháp lý hiện hành, cụ thể:

HĐQT đã tổ chức triển khai thực hiện Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông kịp thời và linh hoạt. Ban kiểm soát không thấy có bất kỳ điều gì bất thường trong hoạt động của HĐQT, Ban Giám đốc và các cán bộ quản lý trong Công ty.

Các Nghị quyết của HĐQT ban hành đúng với chức năng và quyền hạn của HĐQT và có nội dung phù hợp với chủ trương và Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông.

HĐQT, Ban Giám đốc, cán bộ quản lý đã quản lý, vận hành tốt hoạt động sản xuất kinh doanh mang lại kết quả cao vượt mức kế hoạch Đại hội đồng cổ đông giao.

Chủ động được nguồn vốn cho hoạt động sản xuất kinh doanh và đầu tư do đã tạo dựng được uy tín đối với các tổ chức tín dụng. Các khoản vay được Công ty sử dụng đúng mục đích, hợp lý và hiệu quả sử dụng vốn vay tối ưu nhất. Các khoản nợ của Công ty được trả đúng hạn, kiểm soát nợ không để quá hạn. Hệ số khả năng thanh toán tốt, hệ số nợ hợp lý.

Công ty quản lý và hạch toán kế toán tuân thủ theo các chuẩn mực kế toán Việt Nam, hệ thống kế toán Việt Nam và các quy định hiện hành của Nhà nước.

Công tác quản lý thực hiện đầu tư theo đúng quy định

Kết quả giám sát sát đối với các hoạt động, việc thực hiện chế độ kế toán, báo cáo tài chính và kết quả kinh doanh năm 2016

Nhật xét chung về tình hình hoạt động của Công ty.

Năm 2016 là một năm thành công của Công ty CP Ống Thép Việt Đức VG PIPE, Công ty có sự tăng trưởng nhanh về doanh thu và đặt biệt là lợi nhuận.

Để đạt được thành tựu đó Hội đồng quản trị, Ban điều hành Công ty Ống thép Việt Đức VG PIPE và các công ty con, liên kết đã điều hành một cách hiệu quả thông qua các chính sách phát triển bền vững mở rộng kinh doanh sản xuất

Với những chiến lược hợp lý, tập trung chỉ đạo thường xuyên, quyết liệt các giảm pháp kinh doanh như: tiết kiệm chi phí sản xuất và lưu thông hàng hóa, thu gọn quy mô sản xuất không có hiệu quả, áp dụng các phương pháp mua bán hàng hóa linh hoạt và chú trọng tới tới các đối tượng khách hàng tiềm năng. Bên cạnh đó Ban điều hành đã nỗ lực giảm chi phí tài chính, chi phí lãi vay một cách hiệu quả.

Giám sát về thực hiện chế độ kế toán, báo cáo tài chính, kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh năm 2016

Về việc thực hiện chế độ kế toán và báo cáo tài chính:

Định kỳ hàng quý Ban kiểm soát đã nhận được Báo cáo tài chính riêng của công ty mẹ, Báo cáo tài chính hợp nhất trước khi công ty nộp lên sở giao dịch chứng khoán Thành phố Hà Nội. Chúng tôi cũng đã nhận được Báo cáo tài chính kiểm toán bởi Công ty TNHH Hàng kiểm toán AASC của toàn Công ty năm 2016. Ban kiểm soát nhận thấy số liệu Báo cáo tài chính Công ty lập và công bố không có sự khác biệt nhiều về mặt số liệu so với Báo cáo Tài chính sau kiểm toán, trên cơ sở kiểm tra số liệu và giải trình chi tiết của Ban lãnh đạo Công ty, Ban kiểm soát xác nhận một số vấn đề sau:

BCTC đã được lập theo các chuẩn mực kế toán Việt Nam, chế độ kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các qui định pháp lý có liên quan.

Số liệu báo cáo tài chính đã phản ánh một cách trung thực và hợp lý trên các khía cạnh trọng yếu tính hình tài chính, kết quả kinh doanh, lưu chuyển tiền tệ của Công ty.

Các chỉ tiêu tài chính được Trình bày tại báo cáo của Tổng giám đốc, Ban kiểm soát kiểm tra, soát xét và chấp thuận các số liệu.

ĐÁNH GIÁ TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY NĂM 2016

Báo cáo tài chính của Công ty đã được lập đầy đủ, kịp thời, các thông tin về tình hình tài chính được công bố và thuyết minh một cách rõ ràng đáp ứng được yêu cầu của các cơ quan hữu quan và nhà đầu tư.

Về số liệu và kết quả kinh doanh:

Năm 2016 Công ty đã có một năm hoạt động hiệu quả và đạt được những kết quả hết sức ấn tượng. Tổng kết năm 2016 công ty đạt 4.579 tỷ đồng doanh thu vượt 52,6% kế hoạch và lợi nhuận sau thuế đạt 81,5 tỷ đồng vượt 112,2% kế hoạch.

Hội đồng quản trị đã tổ chức các cuộc họp định kỳ theo đúng qui định của pháp luật cũng như Điều lệ công ty. Hội đồng quản trị đã ban hành các nghị quyết và các quyết định liên quan đến các hoạt động của công ty, các nghị quyết, quyết định này đã được thực hiện.

Trong năm 2016, thông qua hoạt động giám sát của mình, Ban Kiểm soát không nhận thấy bất kỳ dấu hiệu bất thường nào trong hoạt động kinh doanh của Công ty. Ban kiểm soát cho rằng tất cả các hoạt động của Công ty đã đảm bảo được việc phát triển an toàn, bền vững và tuân thủ theo đúng Pháp luật, Điều lệ công ty, các Nghị quyết của Đại hội Cổ đông và HĐQT.

Đánh giá sự phối hợp giữa hoạt động Ban kiểm soát với Hội đồng quản trị, Ban Tổng Giám đốc và các cán bộ quản lý:

Năm 2016 Ban kiểm soát và Hội đồng quản trị, Ban Tổng giám đốc và các cán bộ quản lý đã duy trì sự phối hợp chặt chẽ, thường xuyên có những buổi trao đổi trên nguyên tắc vì lợi ích chung của Công ty, của cổ đông và tuân thủ đầy đủ các qui định của pháp luật, điều lệ công ty và các qui chế nội bộ.

Trong năm, Ban kiểm soát được Hội đồng quản trị và Ban Tổng giám đốc mời tham dự đầy đủ các cuộc họp. Ban Lãnh đạo cũng đã thực hiện nghiêm túc việc cung cấp thông tin đầy đủ, kịp thời cho Ban kiểm soát, và tạo điều kiện cho Ban kiểm soát được tiếp cận với tài liệu, cũng như làm việc với các Công ty con, các bộ phận chuyên môn có liên quan để kiểm tra tính sát thực của thông tin.

Thực hiện vai trò kiểm soát được Đại hội đồng cổ đông giao phó Ban kiểm soát đã phối hợp với Hội đồng quản trị, Ban Tổng giám đốc giám sát kiểm tra các nghiệp vụ kinh tế phát sinh tại Công ty nhằm đưa ra các cảnh báo hạn chế rủi ro để xây dựng chính sách hoạt động hiệu quả hơn.

Sự phối hợp giữa Ban kiểm soát, Hội đồng quản trị, Ban Tổng giám đốc được thực hiện chặt chẽ đồng bộ theo sát chủ trương của Đại hội đồng cổ đông đề ra. Mọi thông tin điều hành của Hội đồng quản trị, Ban Tổng giám đốc đều được cung cấp cho Ban kiểm soát nhằm thực hiện tốt vai trò giám sát của mình.

Kết quả giám sát đối với thành viên Hội đồng quản trị và Ban tổng giám đốc:

Trong năm 2016 Ban kiểm soát nhận thấy Hội đồng quản trị Ban Tổng giám đốc đã thực hiện tốt chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của mình. Thực hiện nghiêm túc các Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông và nghị quyết của Hội đồng quản trị Công ty.

Trong năm 2016 Hội đồng quản trị đã tổ chức các phiên họp định kỳ và bất thường mang tính chất cấp bách để trao đổi, phân tích đi đến quyết định thống nhất giữa các thành viên. Nhờ các chủ trương linh hoạt và sáng tạo của Hội đồng quản trị trong năm 2016 Công ty đã thu được kết quả kinh doanh vượt trội.

Trước tình hình thị trường thép có những diễn biến phức tạp do áp lực từ cuộc khủng hoảng dư thừa kéo dài thì đây là sự tăng trưởng khá ấn tượng của Công ty điều đó thể hiện được những cố gắng rất lớn của thành viên Hội đồng quản trị và Ban Tổng giám đốc.

Trong công tác quản lý điều hành hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty Ban Tổng giám đốc đã không ngừng đổi mới, đồng thời triển khai xây dựng các cơ chế chính sách phù hợp với tình hình thực tế của Công ty.

Ban Tổng giám đốc không ngừng nâng cao chất lượng đội ngũ cán bộ công nhân viên của Công ty, quan tâm đến công tác đổi mới tái cấu trúc doanh nghiệp

ĐÁNH GIÁ TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY NĂM 2016



Trong công tác tài chính kế toán, hệ thống sổ sách biểu mẫu rõ ràng, minh bạch. Công tác kiểm kê định kỳ được thực hiện đầy đủ, hàng hóa tài sản không thiếu hụt mất mát, số lượng thực tế đúng với sổ sách báo cáo.

Trong năm 2016, Ban kiểm soát không nhận được bất kỳ kiến nghị nào của cổ đông lớn về sai phạm của Hội đồng quản trị, Ban tổng giám đốc trong quá trình thực hiện nhiệm vụ.

Một số khuyến nghị của Ban kiểm soát:

Nhằm thực hiện tốt vai trò đại diện cho cổ đông để quyết định các chính sách điều hành Công ty, trong năm 2017 Ban kiểm soát khuyến nghị HĐQT và Ban điều hành Công ty thực hiện một số nội dung sau:

Với tình hình kinh tế cũng như hoạt động của Công ty đã có chuyển biến theo chiều hướng tốt, có nhiều khởi sắc hơn vì vậy Ban Tổng giám đốc cần chú trọng mở rộng kinh doanh, tập trung tìm kiếm các hợp đồng xuất khẩu ra thị trường nước ngoài, tìm kiếm chọn lọc được các khách hàng tiềm năng bền vững. Tiếp tục thực hiện công tác kiểm soát chi phí.

Rà soát lại hệ thống chính sách đã ban hành trong Công ty nhằm tránh các rủi ro về pháp lý.

Tăng cường công tác thanh tra kiểm tra, kiểm soát số liệu, việc chấp hành tuân thủ các quy định về môi trường, an toàn lao động, phòng chống cháy nổ, đảm bảo phù hợp với các quy định của pháp luật.

Tiếp tục củng cố và hoàn thiện hệ thống quy chế, quy trình của Công ty cho phù hợp với thực tiễn hoạt động sản xuất kinh doanh.

Sắp xếp nhân lực cho các dự án phù hợp để bộ máy của công ty tinh gọn, góp phần giảm chi phí cho Công ty

Tính toán dòng tiền cụ thể chi tiết và khoa học, cân đối nguồn vốn, lãi suất hợp lý tối đa hóa hiệu quả kinh doanh cho công ty.

Có chính sách hỗ trợ và phát triển nguồn nhân lực hiện tại, nhằm ổn định nhân lực mang lại hiệu quả cao trong hoạt động sản xuất kinh doanh.

ĐỊNH HƯỚNG HOẠT ĐỘNG NĂM 2017



Hoạt động chung:

Năm 2017, Ban kiểm soát sẽ tiếp tục thực hiện nhiệm vụ thay mặt cổ đông thường xuyên kiểm soát mọi hoạt động kinh doanh, quản trị điều hành của Công ty. Định kỳ hàng quý Ban kiểm soát sẽ tiến hành kiểm tra phân tích đánh giá các hoạt động của Công ty thông qua báo cáo tài chính, đồng thời kiểm tra đánh giá các hoạt động của Hội đồng quản trị và Ban Tổng giám đốc. Tham gia các cuộc họp Hội đồng quản trị để nắm bắt, đánh giá tình hình hoạt động của Công ty một cách chính xác và đưa ra cảnh báo các vấn đề rủi ro tiềm ẩn.

Trong hoạt động của mình, để đạt được hiệu quả tốt nhất Ban kiểm soát sẽ phải nỗ lực nhiều hơn nữa và rất mong nhận được sự hỗ trợ của các Quý vị cổ đông, Hội đồng quản trị cũng như sự phối hợp của Ban Tổng giám đốc và các bộ phận nghiệp vụ trong Công ty.

Hoạt động cụ thể:

Ban kiểm soát thực hiện giám sát Hội đồng quản trị, Ban Tổng giám đốc trong việc quản lý và điều hành Công ty.

Kiểm tra tính hợp lý, hợp pháp, tính trung thực và mức độ cẩn trọng trong quản lý, điều hành hoạt động kinh doanh; tính hệ thống, nhất quán và phù hợp của công tác kế toán, thống kê và lập báo cáo tài chính.

Xem xét sổ kế toán, ghi chép kế toán và các tài liệu khác của Công ty, các công việc quản lý, điều hành hoạt động của công ty. Thẩm định tính đầy đủ, hợp pháp và trung thực của báo cáo tình hình kinh doanh. Báo cáo tài chính hằng năm và 06 tháng của Công ty, báo cáo đánh giá công tác quản lý của Hội đồng quản trị và trình báo cáo thẩm định tại cuộc họp thường niên Đại hội đồng cổ đông.

Rà soát, kiểm tra và đánh giá hiệu lực và hiệu quả của hệ thống kiểm soát nội bộ, kiểm toán nội bộ, quản lý rủi ro và cảnh báo sớm của Công ty.

Kiến nghị Hội đồng quản trị hoặc Đại hội đồng cổ đông các biện pháp sửa đổi, bổ sung, cải tiến cơ cấu tổ chức quản lý, giám sát và điều hành hoạt động kinh doanh của công ty.

Có quyền tham dự và tham gia thảo luận tại các cuộc họp Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị và các cuộc họp khác của công ty.

Có thể sử dụng tư vấn độc lập, bộ phận kiểm toán nội bộ của Công ty để thực hiện các nhiệm vụ được giao.

Ban kiểm soát có thể tham khảo ý kiến của Hội đồng quản trị trước khi trình báo cáo, kết luận và kiến nghị lên Đại hội đồng cổ đông.

Thực hiện các quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của Luật, Điều lệ Công ty và nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông.



PHẦN 5 BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT CHO NĂM KẾT THÚC NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2016

Báo cáo tài chính hợp nhất và Báo cáo tài chính
Công ty mẹ năm 2016 được đăng tải trên website:
vgpipe.com.vn



NỘI DUNG

Báo cáo của Ban Tổng Giám đốc

Báo cáo kiểm toán độc lập

Báo cáo tài chính hợp nhất đã được kiểm toán

Bảng cân đối kế toán hợp nhất

Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất

Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất

Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất

Báo cáo của Ban Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Ống thép Việt - Đức VG PIPE (sau đây gọi tắt là “Công ty”) trình bày Báo cáo của mình và Báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016.

CÔNG TY

Công ty Cổ phần Ống thép Việt - Đức VG PIPE được thành lập và hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp công ty cổ phần số 2500267703 (số cũ: 1903000254) do Sở Kế hoạch và Đầu tư Tỉnh Vĩnh Phúc cấp ngày 31 tháng 01 năm 2007, đăng ký thay đổi lần thứ 8 ngày 07 tháng 11 năm 2013.

Trụ sở chính của Công ty được đặt tại: Khu công nghiệp Bình Xuyên, Xã Đạo Đức, Huyện Bình Xuyên, Tỉnh Vĩnh Phúc.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, BAN TỔNG GIÁM ĐỐC VÀ BAN KIỂM SOÁT

Hội đồng Quản trị bao gồm:

Ông Lê Minh Hải	-	Chủ tịch
Ông Nguyễn Hữu Thể	-	Ủy viên
Bà Nguyễn Thị Nhi	-	Ủy viên
Ông Nguyễn Vinh Tuyên	-	Ủy viên
Ông Nguyễn Ngọc Bảo	-	Ủy viên
Ông Ngô Vi Anh Tú	-	Ủy viên

Ban Tổng Giám đốc bao gồm:

Ông Nguyễn Hữu Thể	-	Tổng Giám đốc
Bà Nguyễn Thị Nhi	-	Phó Tổng Giám đốc
Ông Phạm Văn Quang	-	Phó Tổng Giám đốc

Ban Kiểm soát bao gồm:

Ông Lê Anh Chung	-	Trưởng ban
Bà Nguyễn Thị Mai Phương	-	Thành viên
Bà Nguyễn Thị Xuân Hòa	-	Thành viên

KIỂM TOÁN VIÊN

Công ty TNHH Hãng Kiểm toán AASC đã thực hiện kiểm toán các Báo cáo tài chính hợp nhất cho Công ty.

Báo cáo của Ban Giám đốc (tiếp theo)

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập Báo cáo tài chính hợp nhất phản ánh trung thực, hợp lý tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong năm. Trong quá trình lập Báo cáo tài chính hợp nhất, Ban Tổng Giám đốc Công ty cam kết đã tuân thủ các yêu cầu sau:

Xây dựng và duy trì kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc và Ban quản trị Công ty xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất không còn sai sót trọng yếu do gian lận hoặc do nhầm lẫn;

Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;

Đưa ra các đánh giá và dự đoán hợp lý và thận trọng;

Nêu rõ các chuẩn mực kế toán được áp dụng có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu đến mức cần phải công bố và giải thích trong Báo cáo tài chính hợp nhất hay không;

Lập và trình bày các Báo cáo tài chính hợp nhất trên cơ sở tuân thủ các Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất;

Lập các Báo cáo tài chính hợp nhất dựa trên cơ sở hoạt động kinh doanh liên tục, trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh.

Ban Tổng Giám đốc Công ty đảm bảo rằng các sổ kế toán được lưu giữ để phản ánh tình hình tài chính của Công ty, với mức độ trung thực, hợp lý tại bất cứ thời điểm nào và đảm bảo rằng Báo cáo tài chính hợp nhất tuân thủ các quy định hiện hành của Nhà nước. Đồng thời có trách nhiệm trong việc bảo đảm an toàn tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn, phát hiện các hành vi gian lận và các vi phạm khác.

Ban Tổng Giám đốc Công ty cam kết rằng Báo cáo tài chính hợp nhất đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại thời điểm ngày 31/12/2016, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016, phù hợp với Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và tuân thủ các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính

Cam kết khác

Ban Tổng Giám đốc cam kết rằng Công ty không vi phạm nghĩa vụ công bố thông tin theo quy định tại Thông tư số 155/2015/TT-BTC ngày 06 tháng 10 năm 2015 của Bộ Tài chính hướng dẫn về việc công bố thông tin trên thị trường chứng khoán.

Thay mặt Ban Tổng Giám đốc



(Signature)
Tổng Giám đốc

Vĩnh Phúc, ngày 20 tháng 03 năm 2017



Số: 721/2017/BC.KTTC-AASC.KT2

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

**Kính gửi: Quý Cổ đông, Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc
Công ty Cổ phần Ống thép Việt - Đức VG PIPE**

Chúng tôi đã kiểm toán Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo của Công ty Cổ phần Ống thép Việt - Đức VG PIPE được lập ngày 20 tháng 03 năm 2017, từ trang 06 đến trang 40, bao gồm: Bảng cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 31 tháng 12 năm 2016, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý Báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty theo Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về Báo cáo tài chính hợp nhất dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu Báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên Báo cáo tài chính hợp nhất. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong Báo cáo tài chính hợp nhất do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Tổng Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể Báo cáo tài chính hợp nhất.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

Ý kiến của Kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, Báo cáo tài chính hợp nhất đã phản ánh trung thực và hợp lý trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty Cổ phần Ống thép Việt - Đức VG PIPE tại ngày 31 tháng 12 năm 2016, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

Công ty TNHH Hãng Kiểm toán AASC**Vũ Xuân Biễn**

Phó Tổng Giám đốc

Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề kiểm toán

Số: 0743-2013-002-1

Hà Nội, ngày 22 tháng 03 năm 2017
Trương Thị Hoài Anh

Kiểm toán viên

Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề kiểm toán

Số: 2446-2013-002-1

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT**Tại ngày 31 tháng 12 năm 2016**

Mã số	TÀI SẢN	Th. min h	31/12/2016	01/01/2016
			VND	VND
100	A. TÀI SẢN NGẮN HẠN		1.095.412.370.371	578.110.407.606
110	I. Tiền và các khoản tương đương tiền	4	11.152.904.699	25.502.815.111
111	1. Tiền		11.152.904.699	25.502.815.111
130	III. Các khoản phải thu ngắn hạn		672.232.407.293	339.679.997.858
131	1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	6	559.298.167.131	345.650.623.244
132	2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	7	123.465.428.449	10.074.423.298
136	3. Phải thu ngắn hạn khác	9	22.817.943.911	17.364.083.514
137	4. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi		(33.349.132.198)	(33.409.132.198)
140	IV. Hàng tồn kho	11	403.748.137.238	200.543.434.511
141	1. Hàng tồn kho		403.748.137.238	200.543.434.511
150	V. Tài sản ngắn hạn khác		8.278.921.141	12.384.160.126
151	1. Chi phí trả trước ngắn hạn	15	1.156.747.606	7.670.984.636
152	2. Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ		7.122.173.535	4.713.175.490
200	B. TÀI SẢN DÀI HẠN		424.915.514.203	511.454.148.863
210	I. Các khoản phải thu dài hạn		104.000.000.000	130.000.000.000
215	1. Phải thu về cho vay dài hạn	8	104.000.000.000	130.000.000.000
220	II. Tài sản cố định		175.214.358.773	242.655.370.663
221	1. Tài sản cố định hữu hình	13	160.237.791.010	227.330.415.313
222	- Nguyên giá		388.948.422.698	419.760.486.019
223	- Giá trị hao mòn lũy kế		(228.710.631.688)	(192.430.070.706)
227	2. Tài sản cố định vô hình	14	14.976.567.763	15.324.955.350
228	- Nguyên giá		18.322.489.829	18.322.489.829
229	- Giá trị hao mòn lũy kế		(3.345.922.066)	(2.997.534.479)
240	IV. Tài sản dở dang dài hạn		33.464.848.723	26.815.009.675
242	1. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	12	33.464.848.723	26.815.009.675
250	V. Đầu tư tài chính dài hạn	5	100.861.312.722	95.506.926.686
252	1. Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết		100.861.312.722	95.506.926.686
260	VI. Tài sản dài hạn khác		11.374.993.985	16.476.841.839
261	1. Chi phí trả trước dài hạn	15	11.374.993.985	16.476.841.839
270	TỔNG CỘNG TÀI SẢN		1.520.327.884.574	1.089.564.556.469

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT**Tại ngày 31 tháng 12 năm 2016****(Tiếp theo)**

Mã số	NGUỒN VỐN	Th. min h	31/12/2016 VND	01/01/2016 VND
300	C. NỢ PHẢI TRẢ		936.628.763.055	557.950.615.425
310	I. Nợ ngắn hạn		906.634.948.505	520.357.656.875
311	1. Phải trả người bán ngắn hạn	16	340.936.280.225	129.778.614.325
312	2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn		498.882.985	2.721.519.663
313	3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	17	6.077.293.793	7.056.218.134
314	4. Phải trả người lao động		9.324.428.351	8.441.972.289
315	5. Chi phí phải trả ngắn hạn	18	3.724.169.303	2.738.540.710
318	6. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	19	858.006.186	1.153.443.636
319	7. Phải trả ngắn hạn khác	20	2.320.070.962	924.101.047
320	8. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	21	523.785.935.258	358.565.831.358
322	9. Quỹ khen thưởng, phúc lợi		19.109.881.442	8.977.415.713
330	II. Nợ dài hạn		29.993.814.550	37.592.958.550
337	1. Phải trả dài hạn khác	20	20.613.910.700	20.213.054.700
338	2. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	21	9.379.903.850	17.379.903.850
400	D. VỐN CHỦ SỞ HỮU		583.699.121.519	531.613.941.044
410	I. Vốn chủ sở hữu	22	583.699.121.519	531.613.941.044
411	1. Vốn góp của chủ sở hữu		375.997.100.000	375.997.100.000
411a	Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết		375.997.100.000	375.997.100.000
412	2. Thặng dư vốn cổ phần		69.835.386.699	67.810.722.053
415	3. Cổ phiếu quỹ		-	(15.990.198.846)
418	4. Quỹ đầu tư phát triển		30.404.972.177	23.960.752.124
420	5. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu		1.560.759.181	372.666.308
421	6. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối		105.826.900.530	79.401.527.855
421a	LNST chưa phân phối lũy kể đến cuối năm trước		43.398.217.856	39.845.962.426
421b	LNST chưa phân phối năm nay		62.428.682.674	39.555.565.429
429	8. Lợi ích cổ đông không kiểm soát		74.002.932	61.371.550
440	TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN		1.520.327.884.574	1.089.564.556.469



Nguyễn Thị Thúy
Kế toán trưởng



Nguyễn Hữu Thế
Tổng Giám đốc
Vĩnh Phúc, ngày 20 tháng 03 năm 2017

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT

Năm 2016

Mã số	CHỈ TIÊU	Th. minh	Năm 2016	Năm 2015
			VND	VND
01	1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	24	4.579.290.686.047	3.444.877.662.763
02	2. Các khoản giảm trừ doanh thu	25	28.385.358.153	16.387.035.564
10	3. Doanh thu thuần bán hàng và cung cấp DV		4.550.905.327.894	3.428.490.627.199
11	4. Giá vốn hàng bán	26	4.301.381.574.111	3.274.378.935.139
20	5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp DV		249.523.753.783	154.111.692.060
21	6. Doanh thu hoạt động tài chính	27	13.711.170.567	19.490.052.653
22	7. Chi phí tài chính	28	33.083.685.910	37.372.378.832
23	<i>Trong đó: Chi phí lãi vay</i>		<i>33.076.283.827</i>	<i>36.921.124.331</i>
24	8. Phần lãi hoặc lỗ trong cty liên doanh, liên kết		5.354.386.036	13.435.697.566
25	9. Chi phí bán hàng	29	102.111.769.321	48.538.104.795
26	10. Chi phí quản lý doanh nghiệp	30	31.292.895.396	43.702.267.012
30	11. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh		102.100.959.759	57.424.691.640
31	12. Thu nhập khác	31	114.441.650	416.249.496
32	13. Chi phí khác	32	4.754.718.305	881.573.406
40	14. Lợi nhuận khác		(4.640.276.655)	(465.323.910)
50	15. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế		97.460.683.104	56.959.367.730
51	16. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	33	15.936.357.665	8.772.687.660
52	17. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại		-	-
60	18. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp		81.524.325.439	48.186.680.070
61	19. Lợi nhuận sau thuế của Công ty mẹ		81.509.464.990	48.182.393.423
62	20. Lợi nhuận ST của Cổ đông không kiểm soát		14.860.449	4.286.647
70	21. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	34	1.923	1.195



Nguyễn Thị Thúy
Kế toán trưởng



Nguyễn Hữu Thử
Tổng Giám đốc
Vĩnh Phúc, ngày 20 tháng 03 năm 2017

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT**Năm 2016****(Theo phương pháp gián tiếp)**

Mã số	CHỈ TIÊU	Năm 2016	Năm 2015
		VND	VND
	I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KD		
01	1. Lợi nhuận trước thuế	97.460.683.104	56.959.367.730
	5. Điều chỉnh cho các khoản		
02	- Khấu hao tài sản cố định và bất động sản đầu tư	63.309.300.643	32.413.899.225
03	- Các khoản dự phòng	(60.000.000)	19.960.553.187
05	- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư	(15.731.216.054)	(30.813.311.925)
06	- Chi phí lãi vay	33.076.283.827	36.921.124.331
07	- Các khoản điều chỉnh khác	91.031.102	-
08	13. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	178.146.082.622	115.441.632.548
09	- Tăng, giảm các khoản phải thu	(335.211.778.591)	172.606.968.371
10	- Tăng, giảm hàng tồn kho	(203.204.702.727)	144.043.223.323
11	- Tăng, giảm các khoản phải trả (không kể lãi vay phải trả, thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp)	209.587.934.944	(87.382.243.488)
12	- Tăng, giảm chi phí trả trước	11.616.084.884	(1.487.318.316)
14	- Tiền lãi vay đã trả	(32.957.231.496)	(37.022.252.843)
15	- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	(14.439.368.241)	(5.909.556.765)
16	- Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	20.000.000	30.000.000
17	- Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	(1.338.232.727)	(1.239.810.000)
20	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	(187.781.211.332)	299.080.642.830
	II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ		
21	1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	(10.200.669.711)	(44.173.038.786)
22	2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	4.634.469.281	1.432.597.996
24	3. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	26.000.000.000	30.000.000.000
26	4. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	-	9.723.608.376
27	5. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	13.735.273.758	18.250.582.574
30	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	34.169.073.328	15.233.750.160

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT
Năm 2016
(Theo phương pháp gián tiếp – Tiếp theo)

Mã số	CHỈ TIÊU	Năm 2016	Năm 2015
		VND	VND
	III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH		
31	1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu	18.014.863.492	-
33	2. Tiền thu từ đi vay	3.459.889.195.363	2.840.098.515.223
34	3. Tiền trả nợ gốc vay	(3.302.669.091.463)	(3.128.452.914.327)
36	4. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	(35.972.739.800)	(8.991.888.950)
40	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	139.262.227.592	(297.346.288.054)
50	Lưu chuyển tiền thuần trong năm	(14.349.910.412)	16.968.104.936
60	Tiền và tương đương tiền đầu năm	25.502.815.111	8.534.710.175
70	Tiền và tương đương tiền cuối năm	11.152.904.699	25.502.815.111



Nguyễn Thị Thúy
Kế toán trưởng



Nguyễn Hữu Thể
Tổng Giám đốc
Vĩnh Phúc, ngày 20 tháng 03 năm 2017

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT Năm 2016

1. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP

Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Ống thép Việt - Đức VG PIPE được thành lập và hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp công ty cổ phần số 2500267703 (số cũ: 1903000254) do Sở Kế hoạch và Đầu tư Tỉnh Vĩnh Phúc cấp ngày 31 tháng 01 năm 2007, đăng ký thay đổi lần thứ 8 ngày 07 tháng 11 năm 2013.

Trụ sở chính của Công ty được đặt tại: Khu công nghiệp Bình Xuyên, Xã Đạo Đức, Huyện Bình Xuyên, Tỉnh Vĩnh Phúc.

Vốn điều lệ của Công ty theo đăng ký là 375.997.100.000 đồng, vốn điều lệ thực góp đến ngày 31 tháng 12 năm 2016 là 375.997.100.000 đồng; tương đương 37.599.710 cổ phần, mệnh giá một cổ phần là 10.000 đồng.

Lĩnh vực kinh doanh

Sản xuất công nghiệp và kinh doanh thương mại.

Ngành nghề kinh doanh

Hoạt động kinh doanh của Công ty chủ yếu là:

- Sản xuất các loại ống thép, ống inox; Sản xuất các sản phẩm từ thép; Sản xuất kết bạc, tủ sắt, kết sắt, thang sắt, đồ sắt tráng men; Sản xuất các cấu kiện thép cho xây dựng (dầm cầu thép, xà, thanh giằng, các cột tháp, cột ăng ten truyền hình...);
- Sản xuất khung bằng thép (khung nhà, kho...); Kéo dây sắt, thép; Dệt lưới thép, kim loại; Sản xuất thép không gỉ, inox;
- Dựng, lắp kết cấu thép và bê tông đúc sẵn; Luyện gang, thép;
- Kinh doanh dịch vụ khách sạn; Kinh doanh dịch vụ ăn uống đầy đủ;
- Vận tải hành khách, hàng hóa, bê tông tươi đường bộ bằng ô tô;
- Bốc xếp hàng hóa; Dịch vụ kho vận;
- Cho thuê nhà phục vụ mục đích kinh doanh (ki-ốt, trung tâm thương mại); Cho thuê kho, bãi đỗ xe;
- Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê.

Đặc điểm hoạt động của doanh nghiệp trong năm tài chính có ảnh hưởng đến Báo cáo tài chính hợp nhất

Đối với tồn kho: Tồn kho tại ngày 31/12/2016 tăng cao hơn so với đầu năm là do: Giá cả thép thế giới tăng mạnh trở lại vì vậy Công ty đã mua tăng lên để phục vụ sản xuất cho các kỳ tiếp theo.

Mặt khác, sản lượng sản xuất và bán hàng trong năm 2016 đối với thành phẩm cao hơn so với năm 2015. Vì vậy để đảm bảo đủ lượng hàng bán trong các tháng, Công ty phải tăng dự trữ hàng tồn kho. Ngoài ra, do Công ty Cổ phần Thép Việt Đức (công ty con) đã đầu tư thêm một dây chuyền mạ kẽm đi vào hoạt động trong quý III năm 2016 nên phải tăng lượng hàng tồn kho để phục vụ cho dây chuyền khi đi vào hoạt động.

Đối với tình hình tiêu thụ: Do tình hình kinh doanh phải cạnh tranh quyết liệt giữa các nhà máy, đồng thời để đẩy lượng hàng sản xuất ra thị trường nhiều đòi hỏi Công ty phải có chính sách khuyến khích sản lượng cho từng khách hàng, từng vùng, từng thị trường và từng mặt hàng. Do vậy, Công ty phải thay đổi và đưa ra các chính sách chiết khấu theo sản lượng tiêu thụ để khuyến khích các nhà phân phối tập trung bán ống thép Việt Đức, chiết khấu thương mại theo đó tăng 85% so với số liệu cùng kỳ. Vì vậy trong năm 2016, sản lượng bán hàng đối với thành phẩm của Công ty tăng gần 30% so với năm 2015, sản lượng bán hàng tăng dẫn đến hiệu quả hoạt động sản xuất của Công ty tăng lên đáng kể.

Cấu trúc Tập đoàn

- Công ty có các công ty con được hợp nhất báo cáo tài chính tại thời điểm 31/12/2016 bao gồm:**

Tên Công ty	Địa chỉ	Tỷ lệ lợi ích	Tỷ lệ quyền biểu quyết	Hoạt động
Công ty Cổ phần thép Việt Đức	Tỉnh Vĩnh Phúc	99,94%	99,94%	Sản xuất Tôn mạ kẽm, tôn cán nguội và ống thép cỡ lớn

- Công ty có các công ty liên kết được phản ánh trong báo cáo tài chính hợp nhất theo phương pháp vốn chủ sở hữu tại thời điểm 31/12/2016 bao gồm:**

Tên Công ty	Địa chỉ	Tỷ lệ lợi ích	Tỷ lệ quyền biểu quyết	Hoạt động
Công ty CP Sản xuất Thép Việt Đức	Tỉnh Vĩnh Phúc	28,60%	28,60%	Sản xuất thép chất lượng cao
Công ty CP Đầu tư và Phát triển Việt Đức	Tỉnh Vĩnh Phúc	30,64%	26,0%	Đầu tư kinh doanh bất động sản

2. CHẾ ĐỘ VÀ CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG TẠI CÔNG TY

2.1. Kỳ kế toán, đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Kỳ kế toán năm của Công ty theo năm dương lịch bắt đầu từ ngày 01/01 và kết thúc vào ngày 31/12 hàng năm.

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong ghi chép kế toán là đồng Việt Nam (VND).

2.2. Chuẩn mực và Chế độ kế toán áp dụng

Chế độ kế toán áp dụng

Công ty áp dụng Chế độ Kế toán doanh nghiệp ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính, Thông tư số 53/2016/TT-BTC ngày 21/03/2016 của Bộ Tài chính về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 200/2014/TT-BTC và Thông tư số 202/2014/TT-BTC hướng dẫn Phương pháp lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất

2.2 Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán

Công ty đã áp dụng các Chuẩn mực kế toán Việt Nam và các văn bản hướng dẫn Chuẩn mực do Nhà nước đã ban hành. Các Báo cáo tài chính được lập và trình bày đúng theo mọi quy định của từng chuẩn mực, thông tư hướng dẫn thực hiện Chuẩn mực và Chế độ kế toán doanh nghiệp hiện hành đang áp dụng.

2.3 Cơ sở lập Báo cáo tài chính hợp nhất

Báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty được lập trên cơ sở hợp nhất Báo cáo tài chính riêng của Công ty và Báo cáo tài chính của công ty con do Công ty kiểm soát (công ty con) được lập cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 hàng năm. Việc kiểm soát đạt được khi Công ty có khả năng kiểm soát các chính sách tài chính và hoạt động của các công ty nhận đầu tư nhằm thu được lợi ích từ hoạt động của các công ty này.

Báo cáo tài chính của công ty con được áp dụng các chính sách kế toán nhất quán với các chính sách kế toán của Công ty.

Các số dư, thu nhập và chi phí chủ yếu, kể cả các khoản lãi hay lỗ chưa thực hiện phát sinh từ các giao dịch nội bộ được loại trừ khi hợp nhất Báo cáo tài chính.

Lợi ích của cổ đông không kiểm soát

Lợi ích của các cổ đông không kiểm soát là phần lợi ích trong lãi, hoặc lỗ, và trong tài sản thuần của công ty con không được nắm giữ bởi Công ty.

2.4 Công cụ tài chính

Ghi nhận ban đầu Tài sản tài chính

Tài sản tài chính của Công ty bao gồm tiền và các khoản tương đương tiền, các khoản phải thu khách hàng và phải thu khác, các khoản đầu tư ngắn hạn. Tại thời điểm ghi nhận ban đầu, tài sản tài chính được xác định theo giá mua/chi phí phát hành cộng các chi phí phát sinh khác liên quan trực tiếp đến việc mua, phát hành tài sản tài chính đó.

Nợ phải trả tài chính

Nợ phải trả tài chính của Công ty bao gồm các khoản vay, các khoản phải trả người bán và phải trả khác, chi phí phải trả. Tại thời điểm ghi nhận lần đầu, các khoản nợ phải trả tài chính được xác định theo giá phát hành cộng các chi phí phát sinh liên quan trực tiếp đến việc phát hành nợ phải trả tài chính đó.

Giá trị sau ghi nhận ban đầu

Hiện tại chưa có các quy định về đánh giá lại công cụ tài chính sau ghi nhận ban đầu.

2.5 Các nghiệp vụ bằng ngoại tệ

Các giao dịch bằng ngoại tệ trong năm tài chính được quy đổi ra đồng Việt Nam theo tỷ giá thực tế tại ngày giao dịch. Tỷ giá giao dịch thực tế này được xác định theo nguyên tắc sau:

Khi mua bán ngoại tệ: là tỷ giá được quy định trong hợp đồng mua, bán ngoại tệ giữa Công ty và ngân hàng thương mại.

Khi ghi nhận nợ phải thu: là tỷ giá mua của ngân hàng thương mại nơi Công ty chỉ định khách hàng thanh toán tại thời điểm giao dịch phát sinh;

Khi ghi nhận nợ phải trả: là tỷ giá bán của ngân hàng thương mại nơi Công ty dự kiến giao dịch tại thời điểm giao dịch phát sinh;

Khi mua sắm tài sản hoặc thanh toán ngay bằng ngoại tệ: là tỷ giá mua của ngân hàng thương mại nơi Công ty thực hiện thanh toán.

Tỷ giá giao dịch thực tế khi đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại thời điểm lập Báo cáo tài chính hợp nhất được xác định theo nguyên tắc:

Đối với khoản mục phân loại là tài sản: áp dụng tỷ giá mua ngoại tệ của ngân hàng thương mại nơi Công ty thường xuyên có giao dịch;

Đối với tiền gửi ngoại tệ: áp dụng tỷ giá mua của chính ngân hàng nơi Công ty mở tài khoản ngoại tệ;

Đối với khoản mục phân loại là nợ phải trả: áp dụng tỷ giá bán ngoại tệ của ngân hàng thương mại nơi Công ty thường xuyên có giao dịch.

Tất cả các khoản chênh lệch tỷ giá thực tế phát sinh trong năm và chênh lệch do đánh giá lại số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ cuối năm được hạch toán vào kết quả hoạt động kinh doanh của năm tài chính. Trong đó lãi chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại số dư cuối năm của các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ không được sử dụng để phân phối lợi nhuận hoặc chia cổ tức.

2.6. Tiền

Tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn.

2.7. Các khoản đầu tư tài chính

Trong Báo cáo tài chính hợp nhất các khoản đầu tư vào công ty liên kết được kế toán theo phương pháp vốn chủ sở hữu.

Cổ tức nhận bằng cổ phiếu chỉ thực hiện ghi nhận số lượng cổ phiếu được nhận, không ghi nhận tăng giá trị khoản đầu tư và doanh thu hoạt động tài chính.

2.8. Các khoản nợ phải thu

Các khoản phải thu được theo dõi chi tiết theo kỳ hạn phải thu, đối tượng phải thu, loại nguyên tệ phải thu, và các yếu tố khác theo nhu cầu quản lý của Công ty.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi được trích lập cho các khoản: nợ phải thu quá hạn thanh toán ghi trong hợp đồng kinh tế, các khế ước vay nợ, cam kết hợp đồng hoặc cam kết nợ và nợ phải thu chưa đến hạn thanh toán nhưng khó có khả năng thu hồi. Trong đó, việc trích lập dự phòng nợ phải thu quá hạn thanh toán được căn cứ vào thời gian trả nợ gốc theo hợp đồng mua bán ban đầu, không tính đến việc gia hạn nợ giữa các bên và nợ phải thu chưa đến hạn thanh toán nhưng khách nợ đã lâm vào tình trạng phá sản hoặc đang làm thủ tục giải thể, mất tích, bỏ trốn.

2.9. Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được ghi nhận ban đầu theo giá gốc bao gồm: chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái tại thời điểm ghi nhận ban đầu.

Sau ghi nhận ban đầu, tại thời điểm lập Báo cáo tài chính hợp nhất nếu giá trị thuần có thể thực hiện được của hàng tồn kho thấp hơn giá gốc thì hàng tồn kho được ghi nhận theo giá trị thuần có thể thực hiện được.

Giá trị hàng tồn kho được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền.

Hàng tồn kho được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

Phương pháp xác định giá trị sản phẩm dở dang cuối năm: Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang được tập hợp theo chi phí nguyên vật liệu chính cho từng loại sản phẩm chưa hoàn thành.

2.10. Tài sản cố định

Tài sản cố định hữu hình, tài sản cố định vô hình được ghi nhận ban đầu theo giá gốc. Trong quá trình sử dụng, tài sản cố định hữu hình, tài sản cố định vô hình được ghi nhận theo nguyên giá, hao mòn lũy kế và giá trị còn lại. Khấu hao được trích theo phương pháp đường thẳng.

Khấu hao tài sản cố định được trích theo phương pháp đường thẳng với thời gian khấu hao được ước tính như sau:

- Nhà cửa, vật kiến trúc	05 – 30 năm
- Máy móc, thiết bị	03 – 05 năm
- Phương tiện vận tải, truyền dẫn	03 – 05 năm
- Thiết bị, dụng cụ quản lý	03 năm
- Phần mềm quản lý	03 năm

Tài sản cố định vô hình là quyền sử dụng đất bao gồm chi phí thực tế bỏ ra để có quyền sử dụng đất và được khấu hao theo phương pháp đường thẳng theo thời gian sử dụng, cụ thể như sau:

- Quyền sử dụng 60.700 m² đất tại xã Đạo Đức, huyện Bình Xuyên, tỉnh Vĩnh Phúc với thời gian sử dụng 50 năm;
- Quyền sử dụng 2.720 m² đất tại xã Quang Minh, huyện Mê Linh, thành phố Hà Nội với thời gian sử dụng 49 năm;
- Quyền sử dụng 1.577 m² đất tại phường Khai Quang và phường Liên Bảo, thành phố Vĩnh Yên, tỉnh Vĩnh Phúc với thời gian sử dụng 49 năm;
- Quyền sử dụng đất 330 m² tại Khu biệt thự nhà vườn, xã Quang Minh, huyện Mê Linh, thành phố Hà Nội là quyền sử dụng đất lâu dài và không trích khấu hao.

Trong năm, hoạt động sản xuất kinh doanh mang lại hiệu quả kinh tế cao nên Công ty đã thực hiện áp dụng mức khấu hao bằng 2 lần mức khấu hao theo đường thẳng đối với toàn bộ tài sản cố định (trừ nhà cửa vật kiến trúc và quyền sử dụng đất) để xác định kết quả sản xuất kinh doanh cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2016.

2.11. Hợp đồng hợp tác kinh doanh (BCC)

Hợp đồng hợp tác kinh doanh (BCC) là thỏa thuận bằng hợp đồng của hai hoặc nhiều bên để cùng thực hiện hoạt động kinh tế nhưng không hình thành pháp nhân độc lập. Hoạt động này được kiểm soát bởi bên nhận thực hiện kế toán cho BCC.

Theo các điều khoản thỏa thuận tại BCC, các bên cùng nhau phân chia lãi, lỗ theo kết quả kinh doanh của BCC. Công ty thực hiện kế toán cho BCC và có nghĩa vụ thay mặt các bên khác thực hiện nghĩa vụ của BCC với Ngân sách Nhà nước, thực hiện quyết toán thuế và phân bổ lại nghĩa vụ này cho các bên khác theo thỏa thuận của BCC. Trên Báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty, các khoản tiền, tài sản của các bên khác đóng góp cho hoạt động hợp tác kinh doanh (BCC) được kế toán là nợ phải trả. Công ty thực hiện ghi nhận trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất phần doanh thu, chi phí và lợi nhuận tương ứng với phần được chia theo thỏa thuận của BCC.

2.12. Chi phí trả trước

Các chi phí đã phát sinh liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều năm tài chính được hạch toán vào chi phí trả trước để phân bổ dần vào kết quả hoạt động kinh doanh trong các năm tài chính sau.

Việc tính và phân bổ chi phí trả trước dài hạn vào chi phí sản xuất kinh doanh từng năm tài chính được căn cứ vào tính chất, mức độ từng loại chi phí để chọn phương pháp và tiêu thức phân bổ hợp lý. Chi phí trả trước được phân bổ dần vào chi phí sản xuất kinh doanh theo phương pháp đường thẳng.

2.13. Các khoản nợ phải trả

Các khoản nợ phải trả được theo dõi theo kỳ hạn phải trả, đối tượng phải trả, loại nguyên tệ phải trả và các yếu tố khác theo nhu cầu quản lý của Công ty.

2.14. Vay

Các khoản vay được theo dõi theo từng đối tượng cho vay, từng khế ước vay nợ và kỳ hạn phải trả của các khoản vay.

2.15. Chi phí đi vay

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong năm khi phát sinh, trừ chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang được tính vào giá trị của tài sản đó (được vốn hóa) khi có đủ các điều kiện quy định trong Chuẩn mực Kế toán Việt Nam số 16 “Chi phí đi vay”. Ngoài ra, đối với khoản vay riêng phục vụ việc xây dựng tài sản cố định, bất động sản đầu tư, lãi vay được vốn hóa kể cả khi thời gian xây dựng dưới 12 tháng.

2.16. Chi phí phải trả

Các khoản phải trả cho hàng hóa dịch vụ đã nhận được từ người bán hoặc đã được cung cấp cho người mua trong năm báo cáo nhưng thực tế chưa chi trả và các khoản phải trả khác như chi phí lãi tiền vay phải trả... được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh của năm báo cáo.

Việc ghi nhận các khoản chi phí phải trả vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong năm được thực hiện theo nguyên tắc phù hợp giữa doanh thu và chi phí phát sinh trong năm. Các khoản chi phí phải trả sẽ được quyết toán với số chi phí thực tế phát sinh. Số chênh lệch giữa số trích trước và chi phí thực tế được hoàn nhập.

2.17. Doanh thu chưa thực hiện

Doanh thu chưa thực hiện gồm doanh thu nhận trước như: số tiền của khách hàng đã trả trước cho một hoặc nhiều năm tài chính về cho thuê tài sản.

Doanh thu chưa thực hiện được kết chuyển vào Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ theo số tiền được xác định phù hợp với từng năm tài chính.

2.18. Vốn chủ sở hữu

Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp của chủ sở hữu.

Thặng dư vốn cổ phần phản ánh chênh lệch giữa mệnh giá, chi phí trực tiếp liên quan đến việc phát hành cổ phiếu và giá phát hành cổ phiếu (kể cả các trường hợp tái phát hành cổ phiếu quỹ) và có thể là thặng dư dương (nếu giá phát hành cao hơn mệnh giá và chi phí trực tiếp liên quan đến việc phát hành cổ phiếu) hoặc thặng dư âm (nếu giá phát hành thấp hơn mệnh giá và chi phí trực tiếp liên quan đến việc phát hành cổ phiếu).

Vốn khác thuộc Vốn chủ sở hữu phản ánh số vốn kinh doanh được hình thành do bổ sung từ kết quả hoạt động kinh doanh hoặc do được tặng, biếu, tài trợ, đánh giá lại tài sản (nếu được phép ghi tăng, giảm Vốn đầu tư của chủ sở hữu).

Cổ phiếu quỹ là cổ phiếu do Công ty phát hành và được Công ty mua lại, cổ phiếu này không bị hủy bỏ và sẽ được tái phát hành trở lại trong khoảng thời gian theo quy định của pháp luật về chứng khoán. Cổ phiếu quỹ được ghi nhận theo giá trị thực tế mua lại và trình bày trên Bảng Cân đối kế toán hợp nhất là một khoản ghi giảm Vốn đầu tư của chủ sở hữu. Giá vốn của cổ phiếu quỹ khi tái phát hành hoặc khi sử dụng để trả cổ tức, thưởng... được tính theo phương pháp bình quân gia quyền.

Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối phản ánh kết quả kinh doanh (lãi, lỗ) sau thuế thu nhập doanh nghiệp và tình hình phân chia lợi nhuận hoặc xử lý lỗ của Công ty. Việc phân phối lợi nhuận được thực hiện khi Công ty có lợi nhuận sau thuế chưa phân phối không vượt quá mức lợi nhuận sau thuế chưa phân phối trên Báo cáo tài chính hợp nhất sau khi đã loại trừ ảnh hưởng của các khoản lãi do ghi nhận từ giao dịch mua giá rẻ. Trường hợp trả cổ tức, lợi nhuận cho chủ sở hữu quá mức số lợi nhuận sau thuế chưa phân phối được ghi nhận như trường hợp giảm vốn góp. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối có thể được chia cho các nhà đầu tư dựa trên tỷ lệ góp vốn sau khi được Đại hội đồng cổ đông và sau khi đã trích lập các quỹ theo Điều lệ Công ty và các quy định của pháp luật Việt Nam.

Cổ tức phải trả cho các cổ đông được ghi nhận là khoản phải trả trên Bảng Cân đối kế toán hợp nhất của Công ty sau khi có thông báo chia cổ tức của Hội đồng Quản trị Công ty và thông báo ngày chốt quyền nhận cổ tức của Trung tâm Lưu ký chứng khoán Việt Nam.

2.19. Doanh thu

Doanh thu bán hàng

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa đã được chuyển giao cho người mua.

- Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Công ty đã thu được hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng;
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành vào ngày lập Bảng cân đối kế toán hợp nhất;
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.
- Phần công việc cung cấp dịch vụ đã hoàn thành được xác định theo phương pháp đánh giá công việc hoàn thành.

Doanh thu hoạt động tài chính

Doanh thu phát sinh từ tiền lãi, tiền bản quyền, cổ tức, lợi nhuận được chia và các khoản doanh thu hoạt động tài chính khác được ghi nhận khi thỏa mãn đồng thời hai (2) điều kiện sau:

- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch đó;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn.

Cổ tức, lợi nhuận được chia được ghi nhận khi Công ty được quyền nhận cổ tức hoặc được quyền nhận lợi nhuận từ việc góp vốn.

Cổ phiếu thưởng hay cổ tức trả bằng cổ phiếu: Không ghi nhận khoản thu nhập khi quyền được nhận cổ phiếu thưởng hay cổ tức bằng cổ phiếu được xác lập, số lượng cổ phiếu thưởng hay cổ tức bằng cổ phiếu nhận được thuyết minh trên Báo cáo tài chính hợp nhất có liên quan.

2.20. Các khoản giảm trừ doanh thu

Các khoản giảm trừ doanh thu bán hàng, cung cấp dịch vụ phát sinh trong năm gồm: Chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán và hàng bán bị trả lại.

Các khoản chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán, hàng bán bị trả lại phát sinh cùng năm tiêu thụ sản phẩm, hàng hóa dịch vụ được điều chỉnh giảm doanh thu của năm phát sinh. Trường hợp sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ đã tiêu thụ từ các năm trước, đến năm sau mới phát sinh các khoản giảm trừ doanh thu thì được ghi giảm doanh thu theo nguyên tắc: nếu phát sinh trước thời điểm phát hành Báo cáo tài chính hợp nhất thì ghi giảm doanh thu trên Báo cáo tài chính hợp nhất của năm lập báo cáo (năm trước), và nếu phát sinh sau thời điểm phát hành Báo cáo tài chính hợp nhất thì ghi giảm doanh thu của năm phát sinh (năm sau).

2.21. Giá vốn hàng bán

Giá vốn hàng bán trong năm được ghi nhận phù hợp với doanh thu phát sinh trong năm và đảm bảo tuân thủ nguyên tắc thận trọng. Các trường hợp hao hụt vật tư hàng hóa vượt định mức, chi phí vượt định mức bình thường, hàng tồn kho bị mất mát sau khi đã trừ đi phần trách nhiệm của tập thể, cá nhân có liên quan,... được ghi nhận đầy đủ, kịp thời vào giá vốn hàng bán trong năm.

2.22. Chi phí tài chính

Các khoản chi phí được ghi nhận vào chi phí tài chính gồm:

- Chi phí hoặc các khoản lỗ liên quan đến các hoạt động đầu tư tài chính;
- Chi phí đi vay vốn;

Các khoản trên được ghi nhận theo tổng số phát sinh trong năm không bù trừ với doanh thu hoạt động tài chính.

2.23. Thuế thu nhập doanh nghiệp

Chi phí thuế TNDN hiện hành được xác định trên cơ sở thu nhập chịu thuế trong năm và thuế suất thuế TNDN trong năm tài chính hiện hành.

2.24. Các bên liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu bên đó có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định về các chính sách tài chính và hoạt động. Các bên liên quan của Công ty bao gồm:

- Các doanh nghiệp trực tiếp hay gián tiếp qua một hoặc nhiều trung gian có quyền kiểm soát Công ty hoặc chịu sự kiểm soát của Công ty, hoặc cùng chung sự kiểm soát với Công ty, bao gồm cả công ty mẹ, công ty con và công ty liên kết;
- Các cá nhân trực tiếp hoặc gián tiếp nắm quyền biểu quyết của Công ty mà có ảnh hưởng đáng kể đối với Công ty, những nhân sự quản lý chủ chốt của Công ty, những thành viên mật thiết trong gia đình của các cá nhân này;
- Các doanh nghiệp do các cá nhân nêu trên nắm trực tiếp hoặc gián tiếp phần quan trọng quyền biểu quyết hoặc có ảnh hưởng đáng kể tới các doanh nghiệp này.

Trong việc xem xét từng mối quan hệ của các bên liên quan để phục vụ cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất, Công ty chú ý tới bản chất của mối quan hệ hơn là hình thức pháp lý của các quan hệ đó.

3. ĐIỀU CHỈNH HỒI TỔ THEO KẾT QUẢ THANH TRA CỦA CƠ QUAN THANH TRA

Ban Tổng Giám đốc Công ty đã quyết định điều chỉnh hồi tố một số chỉ tiêu trên Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2015 do Công ty Cổ phần Sản xuất Thép Việt Đức

- Công ty liên kết điều chỉnh hồi tố chỉ tiêu Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp trên Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh và các chỉ tiêu tương ứng trên Bảng cân đối kế toán cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2015. Theo đó một số chỉ tiêu trên Báo cáo tài chính hợp nhất được điều chỉnh cụ thể như sau:

Chỉ tiêu	Mã số	Số liệu đã kiểm toán năm trước VND	Số liệu sau điều chỉnh VND	Chênh lệch VND	Ghi chú
Bảng cân đối kế toán Đầu tư vào Công ty liên doanh, liên kết	252	93.228.709.584	95.506.926.686	2.278.217.102	(1)
LNST chưa phân phối năm nay	421b	37.277.348.327	39.555.565.429	2.278.217.102	(1)
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh					
Phản lãi hoặc lỗ trong công ty liên doanh, liên kết	8	11.157.480.464	13.435.697.566	2.278.217.102	(1)
Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	18	45.908.462.968	48.186.680.070	2.278.217.102	(1)

- (1) Từ năm 2015 đến hết năm 2017, Công ty CP Sản xuất Thép Việt Đức được hưởng ưu đãi 50% thuế thu nhập doanh nghiệp đối với hoạt động sản xuất căn cứ trên văn bản số 17328 ngày 06/12/2016 của Bộ Tài chính về việc miễn giảm thuế thu nhập doanh nghiệp. Số thuế thu nhập doanh nghiệp Công ty Cổ phần Sản xuất Thép Việt Đức được giảm trong năm 2015 là 7.965.554.995 đồng, vì vậy Công ty điều chỉnh tăng lợi nhuận từ Công ty liên doanh, liên kết tương ứng với tỷ lệ góp vốn tại Công ty CP Sản xuất Thép Việt Đức.

4 TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN

	<u>31/12/2016</u> VND	<u>01/01/2016</u> VND
Tiền mặt	153.110.791	500.738.916
Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	10.999.793.908	25.002.076.195
	<u>11.152.904.699</u>	<u>25.502.815.111</u>

5. CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH

Đầu tư Công ty liên kết

STT	Nội dung	Công ty CP sản xuất thép Việt Đức	Công ty CP Đầu tư và Phát triển Việt Đức	Cộng
I	<u>Tại ngày 31/12/2016</u>			
1	Địa chỉ	Vĩnh Phúc	Vĩnh Phúc	
2	Tỷ lệ lợi ích	28,60%	30,64%	
3	Tỷ lệ quyền biểu quyết	28,60%	26,00%	
4	Giá trị ghi sổ theo phương pháp vốn chủ sở hữu	91.265.747.430	9.595.565.292	<u>100.861.312.722</u>
II	<u>Tại ngày 01/01/2016</u>			
1	Địa chỉ	Vĩnh Phúc	Vĩnh Phúc	
2	Tỷ lệ lợi ích	28,60%	30,64%	
3	Tỷ lệ quyền biểu quyết	28,60%	26,00%	
4	Giá trị ghi sổ theo phương pháp vốn chủ sở hữu	86.060.825.713	9.446.100.973	<u>95.506.926.686</u>

Các giao dịch trọng yếu giữa Công ty và Công ty liên doanh, liên kết trong năm: Xem thuyết minh số 40.

6 . PHẢI THU NGẮN HẠN CỦA KHÁCH HÀNG

	<u>31/12/2016</u> VND	<u>01/01/2016</u> VND
a) Phải thu của khách hàng chi tiết theo khách hàng có số dư lớn		
- Công ty Cổ Phần Thép Tổng Hợp	31.222.004.602	34.486.001.583
- Doanh nghiệp tư nhân Nam Châm	123.483.056.043	88.035.311.117
- Công ty Cổ Phần Xuất Nhập Khẩu và Thương Mại Tổng Hợp Miền Bắc	204.337.959.560	112.450.781.393
- Công ty Cổ phần Thương mại và Vận Tải Việt Đức	63.514.915.420	8.166.964.212
- Các khoản phải thu khách hàng khác	136.740.231.506	102.511.564.939
	<u>559.298.167.131</u>	<u>345.650.623.244</u>
b) Phải thu khách hàng là các bên liên quan	<u>2.775.606.572</u>	<u>1.350.382.939</u>
Xem thông tin chi tiết tại thuyết minh số 40.		

7 . TRẢ TRƯỚC CHO NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN

	31/12/2016		01/01/2016	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
	VND	VND	VND	VND
Chi tiết phải trả cho người bán ngắn hạn theo đối tượng lớn				
- Công ty CP TM Hiệp Hương	31.000.000.000	-	-	-
- Công ty CP TM Thái Hưng	62.155.000.000	-	-	-
- Công ty CP thép Hòa Phát	21.829.500.000	-	-	-
- Công ty CP Bình Minh Vĩnh Phúc	-	-	2.600.753.374	-
-Trả trước cho người bán khác	8.480.928.449	-	7.473.669.924	-
	123.465.428.449	-	10.074.423.298	-

8 PHẢI THU VỀ CHO VAY DÀI HẠN

	31/12/2016	01/01/2016
	VND	VND
Cho Công ty CP Sản xuất thép Việt Đức vay dài hạn	104.000.000.000	130.000.000.000
	104.000.000.000	130.000.000.000

Theo Nghị quyết Hội đồng quản trị số 07/2011-NQ-VGP ngày 16/10/2011 và Hợp đồng, các phụ lục hợp đồng, Công ty đồng ý cho Công ty Cổ phần Sản xuất thép Việt Đức vay để đầu tư xây dựng nhà máy thép chất lượng cao. Thời hạn vay là 10 năm, lãi suất sẽ được áp dụng theo tỷ lệ lãi vay của các ngân hàng cho Công ty Cổ phần Sản xuất Thép Việt Đức vay.

9 . PHẢI THU NGẮN HẠN KHÁC

	31/12/2016		01/01/2016	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
	VND	VND	VND	VND
- Phải thu về lãi tiền cho vay	1.026.111.111	-	1.336.482.222	-
- Phải thu về BHXH	-	-	6.357.533	-
- Phải thu về BHYT	-	-	22.278.525	-
- Tạm ứng	-	-	11.919.382.079	-
- Ký quỹ, ký cược	822.329.488	-	3.881.356.050	-
- Phải thu khác	20.422.200.000	-	198.227.105	-
	22.817.943.91	-	17.364.083.514	-

10 . NỢ XẤU

	31/12/2016		01/01/2016	
	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi
	VND	VND	VND	VND
Tổng giá trị các khoản phải thu, cho vay quá hạn thanh toán hoặc chưa quá hạn nhưng khó có khả năng thu hồi				
- Công ty TNHH Trường Quang	9.866.128.448	-	9.926.128.448	-
- Công ty TNHH TM và SX Thiên Phúc Lộc	23.483.003.750	-	23.483.003.750	-
	33.349.132.198	-	33.409.132.198	-

11 . HÀNG TỒN KHO

	31/12/2016		01/01/2016	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
	VND	VND	VND	VND
Hàng mua đang đi đường	25.534.917.784	-	35.944.867.926	-
Nguyên liệu, vật liệu	237.141.022.280	-	67.584.777.661	-
Chi phí sản xuất KDDD	8.246.946.439	-	11.349.981.334	-
Thành phẩm	105.985.687.546	-	82.152.518.474	-
Hàng hoá	26.839.563.189	-	3.511.289.116	-
	403.748.137.238	-	200.543.434.511	-

Trong đó: Một số hàng tồn kho luân chuyển được thế chấp để đảm bảo cho các khoản vay ngắn hạn (xem thuyết minh số 21).

12. CHI PHÍ XÂY DỰNG CƠ BẢN DỜ DANG

	31/12/2016	31/12/2016
	VND	VND
Xây dựng cơ bản	26.838.109.675	26.815.009.675
- Hạ tầng lô đất CC4 Khu đô thị mới Vân Canh (1)	8.574.545.454	8.574.545.454
- Dự án Khu đô thị mới tại Mê Linh (2)	18.250.076.663	18.226.976.663
- Chi phí quyền sử dụng đất Miền Nam	13.487.558	13.487.558
Mua sắm tài sản cố định	6.626.739.048	-
- Lắp đặt dây truyền máy móc thiết bị (3)	6.626.739.048	-
	33.464.848.723	26.815.009.675

(1). Chi phí đang tập hợp là toàn bộ chi phí chuyển giao hạ tầng lô đất CC4 có chức năng xây dựng công trình công cộng tại Khu đô thị mới Vân Canh, huyện Hoài Đức, thành phố Hà Nội theo Hợp đồng kinh tế số 16/HUD- SGDBĐS ngày 29/01/2010. Tuy nhiên theo Công văn phúc đáp mới nhất của Tổng Công ty Đầu tư Phát triển Nhà và Đô thị (HUD) ngày 10/12/2015, hiện tại lô đất CC4 thuộc giai đoạn 2 dự án Khu đô thị mới Vân Canh phải tạm dừng triển khai chờ điều chỉnh quy hoạch chi tiết phù hợp với quy hoạch phân khu đô thị S2.

(2). Hợp tác đầu tư dự án Khu đô thị mới tại Mê Linh với Công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển Việt Đức theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông năm 2011 của Công ty và quyết định chấp thuận đầu tư số 2204/QĐ-UBND ngày 10/08/2010 của Ủy Ban Nhân dân Tỉnh Vĩnh Phúc. Sau đó, Công ty tạm dừng đầu tư trong thời gian chờ phê duyệt dự án của Thủ tướng chính phủ theo quy định về thay đổi thẩm quyền phê duyệt dự án. Ngày 23/11/2015, theo Công văn số 2124/TTg-KTN, Thủ tướng Chính Phủ đồng ý cho Ủy ban nhân dân tỉnh Vĩnh Phúc chuyển mục đích sử dụng đất, dự án có đầy đủ cơ sở pháp lý để tiếp tục thực hiện đầu tư. Hiện nay, Công ty đang trong quá trình kêu gọi các nhà đầu tư góp vốn tiếp tục thực hiện dự án. Các chi phí đã phát sinh chủ yếu là chi phí đền bù, giải phóng mặt bằng. Thông tin chi tiết về dự án xem tại thuyết minh số 20.

(3). Trong năm, Công ty đầu tư mua sắm, lắp đặt hệ thống máy cắt, máy uốn ống với tổng giá trị đầu tư dự toán là 8 tỷ đồng. Toàn bộ chi phí đang tập hợp trên khoản mục mua sắm tài sản cố định là chi phí mua máy cắt, máy uốn ống và vật tư tiêu hao liên quan đến giai đoạn lắp máy.

12. TÀI SẢN CỐ ĐỊNH HỮU HÌNH

	Nhà cửa vật kiến trúc	Máy móc thiết bị	Phương tiện vận tải truyền dẫn	Thiết bị dụng cụ quản lý	Cộng
	VND	VND	VND	VND	VND
Nguyên giá					
Số dư đầu năm	133.104.828.309	259.973.443.710	25.083.639.282	1.598.574.718	419.760.486.019
- Mua trong năm	1.200.000.000	2.350.830.663	-	-	3.550.830.663
- Thanh lý, nhượng bán	(4.423.303.537)	(27.059.554.841)	(2.880.035.606)	-	(34.362.893.984)
Số dư cuối năm	<u>129.881.524.772</u>	<u>235.264.719.532</u>	<u>22.203.603.676</u>	<u>1.598.574.718</u>	<u>388.948.422.698</u>
Giá trị hao mòn lũy kế					
Số dư đầu năm	41.479.138.268	139.787.657.328	10.004.761.921	1.158.513.189	192.430.070.706
- Khấu hao trong năm	6.552.128.861	50.554.604.909	5.433.165.257	421.014.029	62.960.913.056
- Thanh lý, nhượng bán	(1.640.308.394)	(22.683.957.314)	(2.356.086.366)	-	(26.680.352.074)
Số dư cuối năm	<u>46.390.958.735</u>	<u>167.658.304.923</u>	<u>13.081.840.812</u>	<u>1.579.527.218</u>	<u>228.710.631.688</u>
Giá trị còn lại					
Tại ngày đầu năm	91.625.690.041	120.185.786.382	15.078.877.361	440.061.529	227.330.415.313
Tại ngày cuối năm	<u>83.490.566.037</u>	<u>67.606.414.609</u>	<u>9.121.762.864</u>	<u>19.047.500</u>	<u>160.237.791.010</u>

Trong đó:

Nguyên giá tài sản cố định cuối năm đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng: 69.399.394.893 đồng;
Tổng chi phí khấu hao trong năm tăng lên do thực hiện tính khấu hao gấp 2 lần mức khấu hao đường
thẳng: 28.162.649.268 đồng.

13. TÀI SẢN VÔ HÌNH

	Quyền sử dụng đất	Phần mềm máy tính	Cộng
	VND	VND	VND
Nguyên giá			
Số dư đầu năm	18.219.064.829	103.425.000	18.322.489.829
Số dư cuối năm	<u>18.219.064.829</u>	<u>103.425.000</u>	<u>18.322.489.829</u>
Giá trị hao mòn lũy kế			
Số dư đầu năm	2.894.109.479	103.425.000	2.997.534.479
- Khấu hao trong năm	348.387.587	-	348.387.587
Số dư cuối năm	<u>3.242.497.066</u>	<u>103.425.000</u>	<u>3.345.922.066</u>
Giá trị còn lại			
Tại ngày đầu năm	15.324.955.350	-	15.324.955.350
Tại ngày cuối năm	<u>14.976.567.763</u>	<u>-</u>	<u>14.976.567.763</u>

15. CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC

	<u>31/12/2016</u>	<u>01/01/2016</u>
	VND	VND
a) Ngắn hạn		
Chi phí sửa chữa lớn TSCĐ chờ phân bổ	524.571.494	1.783.543.082
Công cụ dụng cụ xuất dùng	632.176.112	5.810.875.624
Chi phí trả trước ngắn hạn khác	-	76.565.930
	<u>1.156.747.606</u>	<u>7.670.984.636</u>
b) Dài hạn		
Giá trị lợi thế kinh doanh của QSDĐ	6.235.082.357	6.411.546.952
Chi phí thuê kho, thuê văn phòng	2.520.000.000	3.600.000.000
Chi phí sửa chữa lớn TSCĐ chờ phân bổ	2.386.103.611	5.153.770.814
Chi phí công cụ dụng cụ chờ phân bổ	233.808.017	1.267.078.683
Chi phí trả trước dài hạn khác	-	44.445.390
	<u>11.374.993.985</u>	<u>16.476.841.839</u>

16. PHẢI TRẢ NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN

	<u>31/12/2016</u>		<u>01/01/2016</u>	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
	<u>VND</u>	<u>VND</u>	<u>VND</u>	<u>VND</u>
a. Phải trả người bán chi tiết theo nhà cung cấp có số dư lớn				
- Cty CP XNK và TMTH Miền Bắc	67.809.748.960	67.809.748.960	59.109.193.116	59.109.193.116
- Cty CPTM Vận tải Việt Đức	65.372.867.565	65.372.867.565	8.833.147.921	8.833.147.921
- DN tư nhân Nam Châm	33.446.609.757	33.446.609.757		
- Phải trả các đối tượng khác	174.307.053.943	174.307.053.943	61.836.273.288	61.836.273.288
	<u>340.936.280.225</u>	<u>340.936.280.225</u>	<u>129.778.614.325</u>	<u>129.778.614.325</u>
b. Phải trả người bán là các bên liên quan khác	<u>4.939.587.344</u>	<u>4.939.587.344</u>	=	=

(Xem thông tin chi tiết tại thuyết minh số 40.)

17. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC

	<u>Số phải thu đầu năm</u>	<u>Số phải nộp đầu năm</u>	<u>Số phải nộp trong năm</u>	<u>Số đã thực nộp trong năm</u>	<u>Số phải thu cuối năm</u>	<u>Số phải nộp cuối năm</u>
	VND	VND	VND	VND	VND	VND
Thuế Giá trị gia tăng	-	2.833.112.967	124.131.240.259	126.705.491.970	-	258.861.256
Thuế Xuất khẩu, Nhập khẩu	-	-	124.471.292	124.471.292	-	-
Thuế Thu nhập doanh nghiệp	-	4.144.337.139	16.027.388.767	14.439.368.241	-	5.732.357.665
Thuế Thu nhập cá nhân	-	78.768.028	2.149.116.700	2.141.809.856	-	86.074.872
Thuế Nhà đất, Tiền thuê đất	-	-	528.106.500	528.106.500	-	-
Các loại thuế khác	-	-	3.000.000	3.000.000	-	-
	-	<u>7.056.218.134</u>	<u>142.963.323.518</u>	<u>143.942.247.859</u>	-	<u>6.077.293.793</u>

Quyết toán thuế của Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các qui định về thuế đối với nhiều loại giao dịch khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, số thuế được trình bày trên Báo cáo tài chính hợp nhất có thể bị thay đổi theo quyết định của cơ quan thuế.

18 . CHI PHÍ PHẢI TRẢ NGẮN HẠN

	<u>31/12/2016</u>	<u>01/01/2016</u>
	VND	VND
- Chi phí lãi vay	167.677.400	48.625.069
- Chi phí phải trả khác	3.556.491.903	2.689.915.641
	<u>3.724.169.303</u>	<u>2.738.540.710</u>

19 . DOANH THU CHƯA THỰC HIỆN NGẮN HẠN

	<u>31/12/2016</u>	<u>01/01/2016</u>
	VND	VND
- Doanh thu cho thuê văn phòng nhận trước	858.006.186	1.153.443.636
	<u>858.006.186</u>	<u>1.153.443.636</u>

20 . PHẢI TRẢ KHÁC

	<u>31/12/2016</u>	<u>01/01/2016</u>
	VND	VND
a) Ngắn hạn		
- Kinh phí công đoàn	438.329.887	743.689.764
- Bảo hiểm y tế	12.438.700	-
- Bảo hiểm thất nghiệp	-	1.303.660
- Cổ tức, lợi nhuận phải trả	209.677.823	179.107.623
- Các khoản phải trả, phải nộp khác	<u>1.659.624.552</u>	<u>-</u>
	<u>2.320.070.962</u>	<u>924.101.047</u>
b) Dài hạn		
- Nhận ký quỹ, ký cược dài hạn	2.145.910.700	1.745.054.700
- Phải trả hợp đồng hợp tác kinh doanh (*)	18.468.000.000	18.468.000.000
	<u>20.613.910.700</u>	<u>20.213.054.700</u>

(*) Phải trả hợp đồng hợp tác kinh doanh là khoản tiền đã nhận của đối tác theo hợp đồng hợp tác kinh doanh ngày 01/04/2011 về việc đầu tư Dự án Khu đô thị Việt Đức LEGEND CITY tại nút giao thông đường trục chính khu đô thị mới Mê Linh với quốc lộ 2A tại xã Đạo Đức, huyện Bình Xuyên, tỉnh Vĩnh phúc giữa Công ty Cổ phần Ống thép Việt - Đức VG PIPE (Bên A) và Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Việt Đức (Bên B), theo đó: các bên thống nhất sử dụng tư cách pháp lý, hóa đơn, mã số thuế, tài khoản của Bên A trong quá trình triển khai thực hiện Dự án, thành lập Ban điều hành Dự án để thay mặt các bên triển khai các thủ tục pháp lý, tổ chức quản lý kinh doanh và giám sát việc thực hiện hợp đồng; lợi nhuận sau thuế của Dự án được phân chia cho các bên theo tỷ lệ vốn đã góp, trong trường hợp cần thiết các bên sẽ phân chia sản phẩm của Dự án cho mỗi bên theo tỷ lệ vốn đã góp. Tổng vốn đầu tư dự kiến của dự án là 1.000 tỷ đồng, trong đó vốn tự có là 200 tỷ đồng (Công ty Cổ phần Ống thép Việt - Đức VG PIPE góp 26% tương đương 52 tỷ đồng, Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Việt Đức góp 74% tương đương 148 tỷ đồng), vốn vay và huy động của các tổ chức cá nhân khác là 800 tỷ đồng

21. VAY VÀ NỢ THUÊ TÀI CHÍNH

	01/01/2016		Trong năm		31/12/2016	
	Giá trị	Số có khả năng trả	Tăng	Giảm	Giá trị	Số có khả năng trả
	VND	VND	VND	VND	VND	VND
Vay ngắn hạn						
Vay ngắn hạn	351.665.831.358	351.665.831.358	3.459.889.195.363	3.295.769.091.463	515.785.935.258	515.785.935.258
Ngân hàng BIDV – CN Phúc Yên (1)	178.082.470.452	178.082.470.452	2.035.010.939.366	1.918.000.070.532	295.093.339.286	295.093.339.286
Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - Chi nhánh Bình Xuyên (2)	99.703.408.077	99.703.408.077	804.257.162.577	806.121.469.372	97.839.101.282	97.839.101.282
Ngân hàng TMCP Quốc tế Việt Nam - Chi nhánh Vĩnh Phúc (3)	46.239.817.489	46.239.817.489	365.221.093.420	341.607.416.219	69.853.494.690	69.853.494.690
Ngân hàng TMCP Liên Việt - Chi nhánh Vĩnh Phúc (4)	13.724.500.000	13.724.500.000	255.400.000.000	216.124.500.000	53.000.000.000	53.000.000.000
Ngân hàng TMCP Việt Nam Thịnh vượng - Chi nhánh Vĩnh Phúc	13.915.635.340	13.915.635.340		13.915.635.340		
Nợ dài hạn đến hạn trả	6.900.000.000	6.900.000.000	8.000.000.000	6.900.000.000	8.000.000.000	8.000.000.000
Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Phúc Yên	6.900.000.000	6.900.000.000	8.000.000.000	6.900.000.000	8.000.000.000	8.000.000.000
	<u>358.565.831.358</u>	<u>358.565.831.358</u>	<u>3.467.889.195.363</u>	<u>3.302.669.091.463</u>	<u>523.785.935.258</u>	<u>523.785.935.258</u>
Vay dài hạn						
Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Phúc Yên	24.279.903.850	24.279.903.850	8.000.000.000	14.900.000.000	17.379.903.850	17.379.903.850
	<u>24.279.903.850</u>	<u>24.279.903.850</u>	<u>8.000.000.000</u>	<u>14.900.000.000</u>	<u>17.379.903.850</u>	<u>17.379.903.850</u>
Khoản nợ đến hạn trả trong vòng 12 tháng	(6.900.000.000)	(6.900.000.000)	(8.000.000.000)	(6.900.000.000)	(8.000.000.000)	(8.000.000.000)
Khoản nợ đến hạn trả sau 12 tháng	<u>17.379.903.850</u>	<u>17.379.903.850</u>			<u>9.379.903.850</u>	<u>9.379.903.850</u>

Thông tin bổ sung cho các khoản vay ngắn hạn

1. Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Việt Nam – Chi nhánh Phúc Yên

1.1 Hợp đồng tín dụng số: Hợp đồng tín dụng số 01/2016/1509578/HĐTD ngày 30/06/2016

Lãi suất: Được quy định trong từng lần nhận nợ cụ thể. Lãi suất tại ngày 31/12/2016 là 7,1%/năm

Thời hạn Hợp đồng: đến hết ngày 30/06/2017, thời hạn vay theo từng hợp đồng tín dụng cụ thể

Số dư nợ gốc vay đến ngày 31/12/2016 là 168.736.300.940 đồng.

Mục đích vay: Bổ sung vốn lưu động, bảo lãnh và mở L/C.

1.2. Hợp đồng tín dụng số 01/2015/1853346/HĐTD ngày 30/06/2016

Lãi suất: Được quy định trong từng lần nhận nợ cụ thể. Lãi suất tại ngày 31/12/2016 là từ 7%/năm đến 7,1%/năm

Thời hạn của hợp đồng: đến hết ngày 30/06/2017, thời hạn vay theo từng hợp đồng tín dụng cụ thể

Số dư nợ gốc vay đến ngày 31/12/2016 là 126.357.038.346 đồng

Mục đích vay : Bổ sung vốn lưu động, bảo lãnh và mở L/C

Tổng dư nợ đến ngày 31/12/2016 tại Ngân hàng BIDV – CN Phúc Yên là 295.093.339.286 đồng

2. Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - CN Bình Xuyên

2.1 Hợp đồng tín dụng số 16.071.0002/2016-HĐTDHM/NHCT262-VGPIPE ngày 14/07/2016

Lãi suất: Được quy định trong từng lần nhận nợ cụ thể. Lãi suất tại ngày 31/12/2016 từ 5,8%/năm đến 6,9%/năm

Thời hạn của hợp đồng: đến hết ngày 10/07/2017, thời hạn vay theo từng hợp đồng tín dụng cụ thể nhưng không quá 04 tháng

Số dư nợ gốc vay: 41.700.000.000 đồng.

Mục đích vay: Bổ sung vốn lưu động

2.2. Hợp đồng tín dụng số 16.071.0050/2016 ngày 27 tháng 12 năm 2016

Lãi suất: Được quy định trong từng lần nhận nợ cụ thể. Lãi suất tại ngày 31/12/2016 từ 5,8%/năm đến 6,9%/năm

Thời hạn của hợp đồng: đến hết ngày 30/11/2017, thời hạn vay theo từng hợp đồng tín dụng cụ thể nhưng không quá 04 tháng

Số dư nợ gốc vay đến ngày 31/12/2016 là 56.139.101.282 đồng.

Mục đích vay: Bổ sung vốn lưu động, bảo lãnh và mở L/C

Tổng dư nợ đến ngày 31/12/2016 tại Ngân hàng VietinBank – CN Bình Xuyên là 97.839.101.282 đồng

3. Ngân hàng TMCP Quốc tế Việt Nam - CN Vĩnh Phúc

Số hợp đồng: Hợp đồng hạn mức tín dụng số 01816022/HĐTD ngày 19/07/2016

Lãi suất: Được quy định trong từng lần nhận nợ cụ thể. Lãi suất tại ngày 31/12/2016 từ 6,5%/năm đến 7%/năm

Thời hạn của hợp đồng: là 12 tháng kể từ ngày ký hợp đồng tín dụng

Số dư nợ gốc vay đến ngày 31/12/2016 là 69.853.494.690 đồng.

Mục đích vay: Bổ sung vốn lưu động, bảo lãnh và mở L/C

4. Ngân hàng TMCP Liên Việt - CN Vĩnh Phúc

Số hợp đồng: Hợp đồng tín dụng số 390.86/2016/HĐTD-LPBVP ngày 26/05/2016

Lãi suất: Được quy định trong từng lần nhận nợ cụ thể. Lãi suất tại ngày 31/12/2016 là 7,2%/năm;

Thời hạn của hợp đồng: là 12 tháng kể từ ngày ký hợp đồng tín dụng

Số dư nợ gốc vay đến ngày 31/12/2016 là 53.000.000.000 đồng.

Mục đích vay: Bổ sung vốn lưu động, bảo lãnh và mở L/C



Thông tin bổ sung cho các khoản vay dài hạn



1. Hợp đồng tín dụng số 01/2013/HD ngày 25/11/2013 ký giữa Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Việt Nam – Chi nhánh Phúc Yên với Công ty Cổ phần Thép Việt Đức.

Lãi suất vay: Áp dụng lãi suất cho vay thả nổi. Lãi suất tại từng thời điểm được quy định trong giấy nhận nợ. Lãi suất tại thời điểm 31/12/2016 là 9,5%/năm

Thời hạn Hợp đồng: 72 tháng kể từ ngày nhận món vay đầu tiên trong đó ân hạn 09 tháng

Số dư nợ gốc vay đến ngày 31/12/2016: 12.777.792.000 đồng

Số dư nợ gốc phải trả trong năm tới: 4.400.000.000 đồng.

Mục đích vay: Tiền vay được sử dụng cho dự án "Đầu tư mở rộng dây chuyền sản xuất tôn cuộn mạ kẽm nhúng nóng"

2. Hợp đồng tín dụng số 01/2015/1853346/HĐTD ngày 10/02/2015 ký giữa Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Việt Nam – Chi nhánh Phúc Yên với Công ty Cổ phần Thép Việt Đức.

Lãi suất vay: Áp dụng lãi suất cho vay thả nổi. Lãi suất tại từng thời điểm được quy định trong giấy nhận nợ. Lãi suất tại thời điểm 31/12/2016 là 10,5%/năm

Thời hạn Hợp đồng: 72 tháng kể từ ngày giải ngân đầu tiên trong đó ân hạn 09 tháng

Số dư nợ gốc vay đến ngày 31/12/2016: 4.602.111.850 đồng

Số dư nợ gốc phải trả trong năm tới: 3.600.000.000 đồng

Mục đích vay: Đầu tư cho dự án "Đầu tư mở rộng dây chuyền sản xuất tôn cán nguội mạ kẽm nhúng nóng (giai đoạn II)"

22. VỐN CHỦ SỞ HỮU

a. Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu

	Vốn đầu tư CSH	Thặng dư vốn CP	Cổ phiếu quỹ	Quỹ đầu tư phát triển	Quỹ khác vốn CSH	Lợi nhuận chưa PP	Lợi ích CĐ không kiểm soát	Cộng
	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND
Số dư đầu năm trước	375.997.100.000	67.810.722.053	(15.990.198.846)	20.882.164.713	-	48.844.842.617	651.631.717	498.196.262.254
Lãi trong năm trước	-	-	-	-	-	48.182.393.423	4.286.647	48.186.680.070
Phân phối lợi nhuận Công ty mẹ	-	-	-	2.705.398.581	-	(6.763.496.454)	-	(4.058.097.873)
Phân phối lợi nhuận Công ty con	-	-	-	372.666.308	372.666.308	(1.863.331.540)	(699.186)	(1.118.698.110)
Chia cổ tức năm 2014	-	-	-	-	-	(9.000.827.500)	-	(9.000.827.500)
Ảnh hưởng do thay đổi tỷ lệ biểu quyết tại Công ty con trong năm	-	-	-	522.522	-	1.947.309	(2.469.831)	-
Ảnh hưởng do thanh lý Công ty con trong năm	-	-	-	-	-	-	(591.377.797)	(591.377.797)
Số dư cuối năm trước	375.997.100.000	67.810.722.053	(15.990.198.846)	23.960.752.124	372.666.308	79.401.527.855	61.371.550	531.613.941.044
Số dư đầu năm nay	375.997.100.000	67.810.722.053	(15.990.198.846)	23.960.752.124	372.666.308	79.401.527.855	61.371.550	531.613.941.044
Lãi trong năm nay	-	-	-	-	-	81.509.464.990	14.860.449	81.524.325.439
Phân phối lợi nhuận tại Công ty con	-	-	-	1.188.092.872	1.188.092.873	(5.940.464.363)	(2.229.067)	(3.566.507.685)
Chia cổ tức năm 2015 (1)	-	-	-	-	-	(36.003.310.000)	-	(36.003.310.000)
Phân phối lợi nhuận năm 2016 (2)	-	-	-	5.256.127.181	-	(13.140.317.952)	-	(7.884.190.771)
Tái phát hành cổ phiếu quỹ (3)	-	2.024.664.646	15.990.198.846	-	-	-	-	18.014.863.492
Số dư cuối năm nay	375.997.100.000	69.835.386.699	-	30.404.972.177	1.560.759.181	105.826.900.530	74.002.932	583.699.121.519

(1). Theo Nghị quyết của Đại Hội đồng cổ đông thường niên năm 2016 ngày 26/03/2016, Công ty mẹ công bố việc phân phối lợi nhuận lũy kế đến 31/12/2015 như sau:

	Tỷ lệ %	Số tiền VND
Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp dùng để phân phối	100,00%	45.031.087.877
Chi trả cổ tức (bằng 10% vốn điều lệ)	79,95%	36.003.310.000
Lợi nhuận chưa phân phối	20,05%	9.027.777.877

Theo Nghị quyết của Hội đồng Quản trị ngày 31/12/2016 của Công ty mẹ và Quy định tại điều lệ của Công ty con, Công ty mẹ và Công ty con công bố việc phân phối lợi nhuận sau thuế năm 2016 như sau:

• **Tại Công ty mẹ**

	Tỷ lệ	Số tiền
	%	VND
Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	100,00%	52.560.945.762
Trích Quỹ đầu tư phát triển	10,00%	5.256.127.181
Trích Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	0,00%	-
Trích Quỹ khen thưởng, phúc lợi	15,00%	7.884.190.771
Lợi nhuận chưa phân phối	75,00%	39.421.285.664

• **Tại Công ty con**

	Tỷ lệ	Số tiền
	%	VND
Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	100,00%	23.776.717.896
Trích Quỹ đầu tư phát triển	5,00%	1.188.835.895
Trích Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	5,00%	1.188.835.895
Trích Quỹ khen thưởng, phúc lợi	15,00%	3.566.507.685
Lợi nhuận chưa phân phối	75,00%	17.832.538.421

(3) Theo Báo cáo kết quả giao dịch cổ phiếu quỹ ngày 24/09/2016, Công ty đã hoàn tất việc bán toàn bộ 1.596.400 cổ phiếu quỹ trong thời gian từ 01/09 đến 23/09/2016 với giá giao dịch bình quân 11.300 đồng/cổ phiếu.

b) Chi tiết vốn đầu tư của chủ sở hữu

	<u>Tỷ lệ</u> (%)	<u>Cuối năm</u> VND	<u>Tỷ lệ</u> (%)	<u>Đầu năm</u> VND
Ông Lê Minh Hải	7,60%	28.575.000.000	6,03%	22.660.000.000
Bà Nguyễn Thị Thanh Thủy	6,28%	23.624.990.000	6,28%	23.624.990.000
Các cổ đông khác	86,12%	323.797.110.000	83,44%	313.748.110.000
Cổ phiếu quỹ	0,00%	-	4,25%	15.964.000.000
	100%	375.997.100.000	100%	375.997.100.000

c) Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu và phân phối cổ tức, chia lợi nhuận

	<u>Năm 2016</u> VND	<u>Năm 2015</u> VND
Vốn đầu tư của chủ sở hữu	375.997.100.000	375.997.100.000
- Vốn góp đầu năm	375.997.100.000	375.997.100.000
- Vốn góp cuối năm	375.997.100.000	375.997.100.000
Cổ tức, lợi nhuận đã chia	36.003.310.000	9.000.827.500
- Cổ tức, lợi nhuận chia trên lợi nhuận năm trước	36.003.310.000	9.000.827.500

d) Cổ phiếu

	<u>31/12/2016</u>	<u>01/01/2016</u>
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	37.599.710	37.599.710
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	37.599.710	37.599.710
- Cổ phiếu phổ thông	37.599.710	37.599.710
Số lượng cổ phiếu được mua lại (cổ phiếu quỹ)	-	1.596.400
- Cổ phiếu phổ thông	-	1.596.400
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	37.599.710	36.003.310
Cổ tức, lợi nhuận đã chia	37.599.710	36.003.310
- Cổ tức, lợi nhuận chia trên lợi nhuận năm trước	10.000	10.000

e) Các quỹ công ty

	<u>31/12/2016</u> VND	<u>01/01/2016</u> VND
Quỹ đầu tư phát triển	30.404.972.177	23.960.752.124
Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	1.560.759.181	372.666.308
	31.965.731.358	24.333.418.432

23 . CÁC KHOẢN MỤC NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN
Ngoại tệ các loại

	<u>31/12/2016</u>	<u>01/01/2016</u>
- Đồng đô la Mỹ (USD)	1.352,51	7.009,68

24 . TỔNG DOANH THU BÁN HÀNG VÀ CUNG CẤP DỊCH VỤ

	<u>Năm 2016</u>	<u>Năm 2015</u>
	VND	VND
Doanh thu bán hàng hóa	1.776.252.184.434	1.461.529.696.317
Doanh thu bán thành phẩm	2.793.944.107.320	1.977.660.467.936
Doanh thu cung cấp dịch vụ	9.094.394.293	5.687.498.510
	<u>4.579.290.686.047</u>	<u>3.444.877.662.763</u>
Doanh thu đối với các bên liên quan (Xem thông tin chi tiết tại thuyết minh số 40.)	<u>10.529.750.328</u>	<u>29.205.881.449</u>

25 . CÁC KHOẢN GIẢM TRỪ DOANH THU

	<u>Năm 2016</u>	<u>Năm 2015</u>
	VND	VND
Chiết khấu thương mại	27.888.135.195	15.101.909.864
Hàng bán bị trả lại	402.066.204	899.634.807
Giảm giá hàng bán	95.156.754	385.490.893
	<u>28.385.358.153</u>	<u>16.387.035.564</u>

26 . GIÁ VỐN HÀNG BÁN

	<u>Năm 2016</u>	<u>Năm 2015</u>
	VND	VND
Giá vốn của hàng hóa đã bán	1.765.070.425.224	1.438.605.450.693
Giá vốn của thành phẩm đã bán	2.524.512.296.465	1.830.224.021.013
Giá vốn của dịch vụ đã cung cấp	11.798.852.422	5.549.463.433
	<u>4.301.381.574.111</u>	<u>3.274.378.935.139</u>

27 . DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH

	<u>Năm 2016</u>	<u>Năm 2015</u>
	VND	VND
Lãi tiền gửi, lãi cho vay	13.424.902.647	17.515.731.463
Chiết khấu thanh toán, lãi bán hàng trả chậm	-	78.773.282
Lãi chênh lệch tỷ giá phát sinh trong năm	286.267.920	1.895.547.908
	<u>13.711.170.567</u>	<u>19.490.052.653</u>

28 . CHI PHÍ TÀI CHÍNH

	<u>Năm 2016</u>	<u>Năm 2015</u>
	VND	VND
Lãi tiền vay	33.076.283.827	36.921.124.331
Lỗ do thanh lý các khoản đầu tư tài chính	-	129.715.812
Lỗ chênh lệch tỷ giá phát sinh trong năm	7.402.083	321.538.689
	<u>33.083.685.910</u>	<u>37.372.378.832</u>

29 . CHI PHÍ BÁN HÀNG

	Năm 2016	Năm 2015
	VND	VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	1.294.648.726	669.212.696
Chi phí nhân công	15.209.737.534	10.888.183.678
Chi phí khấu hao tài sản cố định	2.322.866.493	1.038.253.014
Chi phí dịch vụ mua ngoài	80.361.098.860	34.472.516.610
Chi phí khác bằng tiền	2.923.417.708	1.469.938.797
	<u>102.111.769.321</u>	<u>48.538.104.795</u>

30 . CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP

	Năm 2016	Năm 2015
	VND	VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	1.459.673.237	1.360.444.828
Chi phí nhân công	18.412.663.731	13.843.939.334
Chi phí khấu hao tài sản cố định	4.591.714.128	2.935.583.909
Thuế, phí, lệ phí	1.525.785.427	1.357.546.849
Chi phí dự phòng/hoàn nhập dự phòng	(60.000.000)	19.960.553.187
Chi phí dịch vụ mua ngoài	1.518.254.624	2.191.713.997
Chi phí khác bằng tiền	3.844.804.249	2.052.484.908
	<u>31.292.895.396</u>	<u>43.702.267.012</u>

31 . THU NHẬP KHÁC

	Năm 2016	Năm 2015
	VND	VND
Tiền phạt thu được	101.950.500	414.061.952
Thu nhập khác	12.491.150	2.187.544
	<u>114.441.650</u>	<u>416.249.496</u>

32 . CHI PHÍ KHÁC

	Năm 2016	Năm 2015
	VND	VND
Giá trị còn lại và chi phí từ nhượng bán, thanh lý tài sản cố định	3.411.391.837	1.940.423
Các khoản bị phạt	235.983.183	235.000.000
Chi phí khác	1.107.343.285	644.632.983
	<u>4.754.718.305</u>	<u>881.573.406</u>

33 . CHI PHÍ THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP HIỆN HÀNH

	<u>Năm 2016</u>	<u>Năm 2015</u>
	VND	VND
Thuế TNDN hiện hành		
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp tính trên thu nhập chịu thuế và thuế suất hiện hành	17.640.694.249	8.899.417.467
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp được miễn, giảm	(1.704.336.584)	(126.729.807)
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	15.936.357.665	8.772.687.660
Điều chỉnh thuế thu nhập doanh nghiệp của các năm trước vào thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp năm nay	91.031.102	-
Ảnh hưởng khi thanh lý công ty con	-	27.706.471
Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp đầu năm	4.144.337.139	1.253.499.773
Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp trong năm	(14.439.368.241)	(5.909.556.765)
Tổng thuế TNDN phải nộp cuối năm	5.732.357.665	4.144.337.139

34 . LÃI CƠ BẢN TRÊN CỔ PHIẾU

Việc tính toán lãi cơ bản trên cổ phiếu có thể phân phối cho các cổ đông sở hữu cổ phần phổ thông của Công ty được thực hiện dựa trên các số liệu sau :

	<u>Năm 2016</u>	<u>Năm 2015</u>
	VND	VND
Lợi nhuận sau thuế	81.509.464.990	48.182.393.423
Các khoản điều chỉnh	(11.448.469.389)	(5.176.096.796)
- <i>Quỹ khen thưởng phúc lợi được trích từ LNST</i>	(11.448.469.389)	(5.176.096.796)
Lợi nhuận phân bổ cho cổ phiếu phổ thông	70.060.995.601	43.006.296.627
Cổ phiếu phổ thông lưu hành bình quân trong năm	36.436.306	36.003.310
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	<u>1.923</u>	<u>1.195</u>

35 . CHI PHÍ SẢN XUẤT KINH DOANH THEO YẾU TỐ

	<u>Năm 2016</u>	<u>Năm 2015</u>
	VND	VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	2.389.042.392.662	1.703.797.241.034
Chi phí nhân công	67.732.606.451	43.874.326.646
Chi phí khấu hao tài sản cố định	62.300.860.650	32.413.899.225
Chi phí dịch vụ mua ngoài	157.332.021.238	69.674.896.599
Chi phí khác bằng tiền	14.098.066.780	12.150.324.107
Chi phí dự phòng	(60.000.000)	19.960.553.187
	<u>2.690.445.947.781</u>	<u>1.881.871.240.798</u>

36 . CÔNG CỤ TÀI CHÍNH

Các loại công cụ tài chính của Công ty bao gồm:

	Giá trị sổ kế toán			
	31/12/2016		01/01/2016	
	Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá gốc VND	Dự phòng VND
Tài sản tài chính				
Tiền và các khoản tương đương tiền	11.152.904.699	-	25.502.815.111	-
Phải thu khách hàng, phải thu khác	582.116.111.042	(33.349.132.198)	363.014.706.758	(33.409.132.198)
Các khoản cho vay	104.000.000.000	-	130.000.000.000	-
	697.269.015.741	(33.349.132.198)	518.517.521.869	(33.409.132.198)
	Giá trị sổ kế toán			
	31/12/2016		01/01/2016	
	VND		VND	
Nợ phải trả tài chính				
Vay và nợ		533.165.839.108		375.945.735.208
Phải trả người bán, phải trả khác		363.870.261.887		150.915.770.072
Chi phí phải trả		3.724.169.303		2.738.540.710
		900.760.270.298		529.600.045.990

Tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính chưa được đánh giá lại theo giá trị hợp lý tại ngày kết thúc năm tài chính năm do Thông tư 210/2009/TT-BTC và các quy định hiện hành yêu cầu trình bày Báo cáo tài chính và thuyết minh thông tin đối với công cụ tài chính nhưng không đưa ra các hướng dẫn tương đương cho việc đánh giá và ghi nhận giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính, ngoại trừ các khoản trích lập dự phòng nợ phải thu khó đòi và dự phòng giảm giá các khoản đầu tư chứng khoán đã được nêu chi tiết tại các Thuyết minh liên quan

Quản lý rủi ro tài chính

Rủi ro tài chính của Công ty bao gồm rủi ro thị trường, rủi ro tín dụng và rủi ro thanh khoản. Công ty đã xây dựng hệ thống kiểm soát nhằm đảm bảo sự cân bằng ở mức hợp lý giữa chi phí rủi ro phát sinh và chi phí quản lý rủi ro. Ban Tổng Giám đốc Công ty có trách nhiệm theo dõi quy trình quản lý rủi ro để đảm bảo sự cân bằng hợp lý giữa rủi ro và kiểm soát rủi ro.

Rủi ro thị trường

Hoạt động kinh doanh của Công ty sẽ chủ yếu chịu rủi ro khi có sự thay đổi tỷ giá hối đoái và lãi suất.

Rủi ro về tỷ giá hối đoái:

Công ty chịu rủi ro về tỷ giá do giá trị hợp lý của các luồng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của tỷ giá ngoại tệ khi các khoản vay, doanh thu và chi phí của Công ty được thực hiện bằng đơn vị tiền tệ khác với đồng Việt Nam.

Rủi ro về lãi suất:

Công ty chịu rủi ro về lãi suất do giá trị hợp lý của các luồng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của lãi suất thị trường khi Công ty có phát sinh các khoản tiền gửi có hoặc không có kỳ hạn, các khoản vay và nợ chịu lãi suất thả nổi. Công ty quản lý rủi ro lãi suất bằng cách phân tích tình hình cạnh tranh trên thị trường để có được các lãi suất có lợi cho mục đích của Công ty.

Rủi ro tín dụng

Rủi ro tín dụng là rủi ro mà một bên tham gia trong một công cụ tài chính hoặc hợp đồng không có khả năng thực hiện được nghĩa vụ của mình dẫn đến tổn thất về tài chính cho Công ty. Công ty có các rủi ro tín dụng từ hoạt động sản xuất kinh doanh (chủ yếu đối với các khoản phải thu khách hàng) và hoạt động tài chính (bao gồm tiền gửi ngân hàng, cho vay và các công cụ tài chính khác).

	Từ 1 năm trở xuống	Trên 1 năm đến 5 năm	Trên 5 năm	Cộng
	VND	VND	VND	VND
Tại ngày 31/12/2016				
Tiền và các khoản tương đương tiền	11.152.904.699	-	-	11.152.904.699
Phải thu khách hàng, phải thu khác	548.766.978.844	-	-	548.766.978.844
Các khoản cho vay	-	104.000.000.000	-	104.000.000.000
	559.919.883.543	104.000.000.000	-	663.919.883.543
Tại ngày 01/01/2016				
Tiền và các khoản tương đương tiền	25.502.815.111	-	-	25.502.815.111
Phải thu khách hàng, phải thu khác	329.605.574.560	-	-	329.605.574.560
Các khoản cho vay	-	130.000.000.000	-	130.000.000.000
	355.108.389.671	130.000.000.000	-	485.108.389.671

Rủi ro thanh khoản

Rủi ro thanh khoản là rủi ro Công ty gặp khó khăn khi thực hiện các nghĩa vụ tài chính do thiếu vốn. Rủi ro thanh khoản của Công ty chủ yếu phát sinh từ việc các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính có các thời điểm đáo hạn khác nhau.

Thời hạn thanh toán của các khoản nợ phải trả tài chính dựa trên các khoản thanh toán dự kiến theo hợp đồng (trên cơ sở dòng tiền của các khoản gốc) như sau:

	Từ 1 năm trở xuống	Trên 1 năm đến 5 năm	Trên 5 năm	Cộng
	VND	VND	VND	VND
Tại ngày 31/12/2016				
Vay và nợ	523.785.935.258	9.379.903.850	-	533.165.839.108
Phải trả người bán, phải trả khác	343.256.351.187	20.613.910.700	-	363.870.261.887
Chi phí phải trả	3.724.169.303	-	-	3.724.169.303
	870.766.455.748	29.993.814.550	-	900.760.270.298
Tại ngày 01/01/2016				
Vay và nợ	358.565.831.358	17.379.903.850	-	375.945.735.208
Phải trả người bán, phải trả khác	130.702.715.372	20.213.054.700	-	150.915.770.072
Chi phí phải trả	2.738.540.710	-	-	2.738.540.710
	492.007.087.440	37.592.958.550	-	529.600.045.990

Công ty cho rằng mức độ tập trung rủi ro đối với việc trả nợ là có thể kiểm soát được. Công ty có khả năng thanh toán các khoản nợ đến hạn từ dòng tiền từ hoạt động kinh doanh và tiền thu từ các tài sản tài chính đáo hạn

	Năm 2016	Năm 2015
	VND	VND
a. Số tiền đi vay thực thu trong năm		
Tiền thu từ đi vay theo kế ước thông thường	3.459.889.195.363	2.840.098.515.223
b. Số tiền đã thực trả gốc vay trong năm		
Tiền trả nợ gốc vay theo kế ước thông thường	3.302.669.091.463	3.128.452.914.327

3. NHỮNG SỰ KIỆN PHÁT SINH SAU NGÀY KẾT THÚC NĂM TÀI CHÍNH

Không có sự kiện trọng yếu nào xảy ra sau ngày kết thúc năm tài chính đòi hỏi được điều chỉnh hay công bố trên Báo cáo tài chính hợp nhất này.

	Hoạt động sản xuất	Hoạt động thương mại	Hoạt động dịch vụ	Tổng cộng từng bộ phận	Loại trừ	Tổng cộng toàn DN
	VND	VND	VND	VND	VND	VND
Doanh thu thuần từ bán hàng ra bên ngoài	2.765.558.749.167	1.776.252.184.434	9.094.394.293	4.550.905.327.894	-	4.550.905.327.894
Chi phí bộ phận trực tiếp	2.524.512.296.465	1.765.070.425.224	11.798.852.422	4.301.381.574.111	-	4.301.381.574.111
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh	241.046.452.702	11.181.759.210	(2.704.458.129)	249.523.753.783	-	249.523.753.783
Tổng chi phí mua TSCĐ	10.200.669.711	-	-	10.200.669.711	-	10.200.669.711
Tài sản bộ phận	870.630.707.362	315.136.586.338	46.201.495.342	1.231.968.789.042	-	1.231.968.789.042
Tài sản không phân bổ	-	-	-	288.359.095.532	-	288.359.095.532
Tổng tài sản	870.630.707.362	315.136.586.338	46.201.495.342	1.520.327.884.574	-	1.520.327.884.574
Nợ phải trả bộ phận	445.316.328.386	456.102.288.087	3.003.916.886	904.422.533.359	-	904.422.533.359
Nợ phải trả không phân bổ	-	-	-	32.206.229.696	-	32.206.229.696
Tổng nợ phải trả	445.316.328.386	456.102.288.087	3.003.916.886	936.628.763.055	-	936.628.763.055

Theo khu vực địa lý

Hơn 90% hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty diễn ra trên lãnh thổ Việt Nam, do đó Công ty không lập báo cáo bộ phận theo khu vực địa lý

40 . NGHIỆP VỤ VÀ SỐ DƯ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN

Trong năm, Công ty có các giao dịch phát sinh và số dư tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm với các bên liên quan như sau:

Giao dịch phát sinh trong năm:

	Mối quan hệ	Năm 2016 VND	Năm 2015 VND
Doanh thu bán hàng, cung cấp dịch vụ		10.529.750.328	29.205.881.449
Công ty CP Thép và Vật tư Công nghiệp	(*)	7.806.795.517	27.620.752.530
Công ty CP Sản xuất thép Việt Đức	Công ty liên kết	2.722.954.811	1.585.128.919
Mua vật t _ư , hàng hóa, dịch vụ		4.102.861.099	5.283.509.077
Công ty CP Thép và Vật tư Công nghiệp	(*)	126.660.000	297.779.802
Công ty CP Sản xuất thép Việt Đức	Công ty liên kết	3.976.201.099	4.985.729.275
Lãi cho vay vốn		13.295.377.778	17.457.593.332
Công ty CP Sản xuất thép Việt Đức	Công ty liên kết	13.295.377.778	17.457.593.332

Số dư tại ngày kết thúc năm:

	Mối quan hệ	31/12/2016	01/01/2016
		VND	VND
Phải thu ngắn hạn khách hàng		2.775.606.572	1.350.382.939
Công ty CP Thép và Vật tư Công nghiệp	(*)	2.775.606.572	1.231.251.360
Công ty CP Sản xuất thép Việt Đức	Công ty liên kết	-	119.131.579
Cho vay dài hạn		104.000.000.000	130.000.000.000
Công ty CP Sản xuất thép Việt Đức	Công ty liên kết	104.000.000.000	130.000.000.000
Phải thu lãi cho vay		1.026.111.111	1.336.482.222
Công ty CP Sản xuất thép Việt Đức	Công ty liên kết	1.026.111.111	1.336.482.222
Phải trả người bán ngắn hạn		4.939.587.344	-
Công ty CP Sản xuất thép Việt - Đức	Công ty liên kết	4.939.587.344	-
Phải trả khác		18.468.000.000	18.468.000.000
Công ty CP Đầu tư và Phát triển Việt Đức	Công ty liên kết	18.468.000.000	18.468.000.000

(*) Tổng Giám đốc Công ty CP Thép và Vật tư Công Nghiệp là vợ của Chủ tịch Hội đồng Quản trị Công ty.

	Năm 2016	Năm 2015
	VND	VND
Thu nhập của Ban Tổng Giám đốc và Hội đồng Quản trị	1.176.000.000	1.153.500.000

41 . SỐ LIỆU SO SÁNH

Số liệu so sánh là số liệu trên Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015 đã được Công ty TNHH Hãng Kiểm toán AASC kiểm toán.



Nguyễn Thị Thúy
Kế toán trưởng



Nguyễn Hữu Thê
Tổng Giám đốc
Vĩnh Phúc, ngày 20 tháng 03 năm 2017



THÉP VIỆT ĐỨC
ĐẲNG CẤP CHÂU ÂU

CÔNG TY CỔ PHẦN ỐNG THÉP VIỆT ĐỨC VG PIPE

Địa chỉ : KCN Bình Xuyên – Bình Xuyên – Vĩnh Phúc
Tel : 0211.3 887 863 Fax: 0211.3 887912
Website: vgpipe.com.vn